

# Luận Đại Trí Độ

## Tập V

### Cuốn 81 - 85

(Mahàprajñàparamitàsatra)

**Tác giả:** Nàgàrjuna (Long Thọ)  
**Dịch Phạn ra Hán:** Cư Ma La Thập  
**Việt Dịch:** HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam  
Ấn hành 1997

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.quangduc.com>

# Luận Đại Trí Độ

## Tập V

Cuốn 81 - 85

(Mahàprajñàparamitàsàtra)

**Tác giả:** Nàgàrjuna (Long Thọ)  
**Dịch Phạn ra Hán:** Cư Ma La Thập  
**Việt Dịch:** HT.Thiện Siêu

Lời Nói Đầu.....	3
Cuốn 81 .....	5
Giải thích: Phẩm Sáu Độ Tương Nhiếp Thứ 68 (tiếp theo).....	5
Cuốn 82 .....	23
Giải thích: Phẩm Phương Tiện Thứ 69.....	23
Cuốn 83 .....	36
Giải thích Phẩm Ba Tuệ thứ 70 .....	41
Cuốn 84 .....	53
Giải thích Phẩm Ba Tuệ thứ 70 .....	53
Cuốn 85 .....	73
Giải thích: Phẩm Đạo Thọ Thứ 71 .....	73
Giải thích: Phẩm Bồ Tát Hạnh Thứ 72.....	82
Giải thích: Phẩm Gieo Trồng Thiện Căn Thứ 73.....	89

## Lời Nói Đầu

Đây là tập thứ 5, gồm từ cuốn 81 đến cuốn 100 luận Đại Trí Độ. Trước sau trọn bộ luận Đại Trí Độ gồm 5 tập trong đó có 100 cuốn.

Luận thuyết minh về tính không trong mọi sinh hoạt tin tưởng, học hỏi, quán chiếu, tu tập, độ sinh, chứng quả. Những sinh hoạt này nếu rời tính không, thời không thể đạt đến kết quả giải thoát hoàn toàn mọi ràng buộc của tâm phân biệt chấp trước, tức còn phải vướng mắc trong vòng sinh tử, hoặc phân đoạn, hoặc biến dịch.

Tính không cũng tức là tính vô ngã, vô tự tính, vô sở hữu tính. Chỉ một tính không mà vì đối tượng quán chiếu khác nhau nên trong luận này có chỗ phân biệt làm hai là chúng sanh không và pháp không; nói theo luận Thành Duy Thức là ngã không, pháp không; nói theo kinh Lăng già là nhân vô ngã, pháp vô ngã (năm pháp, ba tự tính, tám thức, hai vô ngã); có khi phân biệt làm mười tám không, từ nội không, ngoại không, nội ngoại không cho đến vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Bát nhã tính không, có nhiều lợi ích, kéo chúng sinh ra khỏi vọng tưởng hý luận, nhưng khó lãnh hội, tu tập; ví như thời vàng cháy đỏ rất đẹp, có nhiều lợi ích, nhưng không thể lấy tay cầm; nếu lấy tay cầm ắt bị cháy tay. Cũng vậy, nếu nghe nói không mà chấp không, như là trống không, bác hết tất cả, ắt bị sa đọa. Vì vậy, Phật vì chúng sinh thuyết pháp, luôn luôn nương theo hai đế là tục đế và chơn đế. Có khi vì chúng sinh chấp trước không, nên nói có để phá; có khi vì chúng sinh chấp trước có, nên nói không để phá. Nhưng nói có, nói không đều là phương tiện, là thuốc trị bệnh chấp trước; bệnh hết thời thuốc cũng không còn; hết thầy pháp không và tướng không cũng không.

Nếu hết thầy các pháp đều không, thời nương vào đâu để được giải thoát? Nếu ngộ được hết thầy pháp đều không thời tức là không còn vọng tưởng chấp trước; không còn vọng tưởng chấp trước tức không khởi lên phiền não, tạo nghiệp luân hồi; ấy là giải thoát. Ở trong giải thoát thì hoàn toàn không còn vọng tưởng chấp ngã, nên không có tướng người năng chứng và tướng pháp sở chứng, vô trí và vô đắc.

Nhờ ơn Tam bảo hộ trì, hội đủ duyên lành, nên tôi may mắn dịch xong trọn bộ luận Đại Trí Độ này. Nguyện hồi hướng công đức ấy đến mọi người, mong được thấm nhuần, chứng nghiệm giáo nghĩa Bát nhã sâu xa, hầu giải thoát mọi

sầu muộn khổ đau vì vọng tưởng điên đảo chấp trước cố hữu, mà khó có thể có cách gì khác hơn để giải thoát được.

PL. 2544 - Từ Đàm, 10-01-2001  
Thích Thiện Siêu

--o0o --

## Cuốn 81

### Giải thích: Phẩm Sáu Độ Tương Nhiếp Thứ 68 (tiếp theo)

**Kinh: Tu Bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật?**

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy nếu có chúng sinh đi đến sân giận, mắng nhiếc hoặc cắt từng chi phần mà Bồ Tát vẫn nhẫn nhục, nghĩ rằng: Ta nên bố thí cho tất cả chúng sinh, chẳng nên không cho: Cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cho đến mọi vật cần dùng để nuôi sống đều cho hết. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy trong khi hồi hướng, không sinh hai tâm, nghĩ rằng: Ai hồi hướng? Hồi hướng đến chỗ nào? Thế là Bồ Tát trú trong Nhẫn nhục ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật .

Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Nhẫn nhục ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật ?

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy trọn không cướp mạng kẻ khác, không lấy của không cho, cho đến không tà kiến, cũng không thêm địa vị Thanh văn, Bích Chi Phật. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát ấy trong khi hồi hướng không sinh ba tâm nghĩ rằng: Ai hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác? Dùng pháp gì hồi hướng? Hồi hướng đến chỗ nào? Ấy là Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Tinh tấn Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật sinh tâm tinh tấn nghĩ rằng: Ta sẽ đi qua một do tuần, hoặc mười do tuần, hoặc ngàn, vạn, ức do tuần, quá một thế giới, cho đến quá trăm, ngàn, vạn, ức thế giới, giáo hóa chúng sinh, cho đến dạy một người khiến thọ trì năm giới; hướng gì dạy khiến được quả Tu đà hoàn, cho đến quả A la hán, Bích chi Phật đạo, Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy là Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Tinh tấn ba la mật .

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Thiên ba la mật ?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật, lià dục, lià pháp ác bất thiện, có giác có quán; lià dục sinh hỷ lạc vào sơ thiên, cho đến vào đệ tứ thiên; ở trong các thiên ấy tịnh tâm tâm số pháp đều hồi hướng về Nhất thiết trí. Trong khi hồi hướng, Bồ Tát ấy đối với các thiên và thiên chi đều không thể có được. Ấy là Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Thiên ba la mật .

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật quán các pháp hoặc tướng lià, hoặc tướng tịch diệt, hoặc tướng vô tận; không do tướng tịch diệt thủ chứng cho đến ngòì đạo tràng được trí Nhất thiết chủng; từ đạo tràng đứng dậy, chuyển bánh xe pháp. Ấy là Bồ Tát trú trong Nhẫn ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật, vì không lầy, không bỏ.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật ?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật, thân tâm tinh tấn, không giải đãi, không ngừng nghỉ, nghĩ rằng: Ta chắc chắn sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không thể không được. Bồ Tát ấy vì lợi ích chúng sinh mà đi qua một do tuần, hoặc trăm, ngàn, vạn, ức do tuần; hoặc qua một thế giới; hoặc qua trăm, ngàn, vạn, ức thế giới, trú trong Tấn ba la mật, nếu không gặp được một người để giáo hóa khiến vào Phật đạo, hoặc vào Thanh văn đạo, hoặc Bích chi Phật đạo; hoặc gặp được một người giáo hóa khiến tu mười thiện đạo, tinh tấn không giải đãi, khiến nhiếp thủ pháp thí và tài thí. Dem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không hồi hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật. Ấy là Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi ngòì đạo tràng, tự mình không sát sinh, không dạy người sát, tán thán việc không sát sinh, hoan hỷ tán thán người không sát sinh; cho đến tự mình xa lià tà kiến, dạy người khác xa lià tà kiến, tán thán việc không tà kiến, hoan hỷ tán thán người

không tà kiến. Bồ Tát ấy trú trong Giới ba la mật, không cầu phước báo ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không cầu địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Dem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không sinh ba tâm: Không thấy người hồi hướng, không thấy pháp hồi hướng, không thấy chỗ hồi hướng. Ấy là Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Nhẫn ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy hoặc người, hoặc phi nhân đi đến cắt từng chi phần. Bồ Tát nghĩ rằng: Kẻ cắt ta là ai? Kẻ xẻo ta là ai? Kẻ cướp ta là ai? Lại nghĩ rằng: Ta được thiện lợi lớn. Ta vì chúng sinh nên thọ thân, chúng sinh lại tự đi đến nhận lấy. Khi ấy Bồ Tát nhớ nghĩ một cách chơn chánh thật tướng các pháp. Dem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không hồi hướng đến địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Ấy là Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Nhẫn ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Thiên ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán; lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên; vào từ, bi, hỷ, xả, cho đến vào Phi hữu tướng. Phi vô tướng xứ; không đem thiên vô lượng, định vô sắc ấy, lãnh thọ quả báo, mà sinh đến nơi làm lợi ích chúng sinh; đem sáu Ba la mật thành tựu chúng sinh; từ một cõi Phật đến một cõi Phật thân cận cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành. Ấy là Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Thiên ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật, không thấy pháp Thí ba la mật, không thấy tướng Thí ba la mật, cho đến không thấy pháp Thiên ba la mật, không thấy tướng Thiên ba la mật; bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng; cũng không thấy pháp, cũng không thấy tướng; không thấy pháp, phi pháp, phi phi pháp; đối với pháp không còn dính mắc. Bồ Tát ấy làm đúng như nói. Ấy là Bồ Tát trú trong Tấn ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán; lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; vào từ, bi, hỷ, xả cho đến vào Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; ở trong Thiền ba la mật tâm không tán loạn, thực hành tài thí và pháp thí cho chúng sinh. Tự thực hành hai thí, dạy người khác thực hành hai thí, tán thán pháp hai thí, hoan hỷ tán thán người thực hành hai thí. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không hồi hướng đến địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Ấy là Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật không sinh tâm dâm dục, sân giận, ngu si; không sinh tâm não loạn người khác, chỉ tu tâm tương ưng với Nhất thiết trí. Đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không hồi hướng đến địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Ấy là Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật nhiếp thủ Nhẫn ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật, quán sắc như bọt nước; quán thọ như bóng nước; quán tưởng như sóng nắng; quán hành như cây chuối; quán thức như huyễn; trong khi quán thấy năm uẩn không bền chắc, nghĩ rằng: Kẻ cất ta là ai? Kẻ xẻ ta là ai? Ai thọ? Ai tưởng? Ai hành? Ai thức? Ai máng? Ai chịu máng? Ai sinh sân hận? Ấy là Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật nhiếp thủ Nhẫn ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật nhiếp thủ Tấn ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Thiền ba la mật, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán; lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; từ các thiền và thiền chi ấy, chấp thủ tướng, sinh các thần thông như: Đi trên nước, đi trên đất; vào đất như vào nước; có thiên nhĩ nghe hai thứ tiếng: Tiếng trời, tiếng người, biết tâm kẻ khác hoặc thu nhiếp, hoặc tán loạn, cho đến tâm có thượng,



tâm vô thượng; nhớ biết các đời trước; có thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, thấy chúng sinh cho đến thọ quả báo như nghiệp đã tạo. Bồ Tát trú trong năm thân thông ấy, từ một cõi Phật đi đến một cõi Phật, thân cận cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật. Đem công đức ấy chia sẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy là Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật nhiếp thủ Tấn ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật không được sắc, không được thọ, tưởng, hành, thức; không được Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; không được bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng; không được tính hữu vi, không được tính vô vi. Vì không được nên không làm, không làm nên không sinh, không sinh nên không diệt, vì sao? Vì dù có Phật hay không có Phật thì như như, pháp tướng, pháp tính thường trú ấy vẫn chẳng sinh, chẳng diệt; thường nhất tâm tu hành tương ứng với Nhất thiết trí. Ấy là Bồ Tát trú trong Thiên ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật, nội không, nội không chẳng thể có được, ngoại không, ngoại không chẳng thể có được; nội ngoại không, nội ngoại không chẳng thể có được; không không, không không chẳng thể có được, cho đến hết thấy pháp không, hết thấy pháp không chẳng thể có được. Bồ Tát trú trong mười bốn không ấy không thấy tướng sắc hoặc không, hoặc chẳng không, không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức hoặc không, hoặc chẳng không; không thấy tướng bốn niệm xứ hoặc không, hoặc chẳng không, cho đến không thấy tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác hoặc không, hoặc chẳng không; không thấy tính hữu vi, tính vô vi hoặc không, hoặc chẳng không. Bồ Tát như vậy trú trong Bát nhã ba la mật, có bố thí gì, hoặc ăn uống, y phục, đồ nuôi sống, quán việc bố thí ấy là không, không những gì? Là người bố thí, người nhận thí và vật bố thí không, không sinh tâm xan lãn, vì sao? Vì Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, không có vọng tưởng phân biệt. Như chư Phật khi chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không có tâm lãn tiếc. Bồ Tát cũng như vậy, khi hành Bát nhã ba la mật, không có tâm lãn

tiếc, cái mà Bồ Tát tôn quý, là Bát nhã ba la mật. Ấy là Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Thí ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật không sinh tâm Thanh văn, Bích chi Phật, vì sao? Vì Thanh văn, Bích chi Phật đối với Bồ Tát ấy không thể có được; tâm hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật cũng không thể có được. Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy, tự mình không sát sinh, không dạy người sát sinh, tán thán việc không sát sinh, hoan hỷ tán thán người không sát sinh, cho đến tự mình không tà kiến, dạy người không tà kiến, tán thán pháp không tà kiến, hoan hỷ tán thán người không tà kiến. Việc trì giới ấy không có pháp khả thủ hoặc địa vị Thanh văn, hoặc Bích chi Phật, hưởng gì pháp khác! Ấy là Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Giới ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Nhẫn ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật tùy thuận pháp nhẫn sinh, nghĩ rằng: Trong pháp ấy không có gì, hoặc khởi, hoặc diệt, hoặc sinh, hoặc tử, hoặc chịu lời mắng nhiếc, hoặc chịu lời nói dữ, hoặc cắt, hoặc xẻ, hoặc phá, hoặc trói, hoặc đánh, hoặc giết. Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, nếu chúng sinh đi đến mắng nhiếc, nói dữ; dùng dao gậy, ngói đá cắt, xẻ làm thương hại, tâm không lay động, nghĩ rằng: Thật quái lạ, trong đó không có cái gì chịu mắng nhiếc, nói dữ, cắt xẻ, làm thương hại, mà chúng sinh vẫn chịu các khổ não. Ấy là Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Nhẫn ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Tấn ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật, vì chúng sinh thuyết pháp, khiến tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; dạy khiến tu bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo; dạy khiến được quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật; dạy khiến được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không trú trong tính hữu vi, không trú trong tính vô vi. Ấy là Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Tấn ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Thiên ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát trú trong Bát nhã ba la mật, trừ tam muội của chư Phật, vào được hết thầy tam muội khác, hoặc của Thanh văn, hoặc của Bích chi Phật, hoặc của Bồ Tát; đều thực hành, đều vào được. Bồ Tát ấy trú trong các tam muội thuận và nghịch, ra và vào tám bội xả. Những gì là tám? Bên trong có sắc tướng, bên ngoài quán sắc, đó là bội xả đầu; bên trong không có sắc tướng, bên ngoài quán sắc, là bội xả hai; bội xả thanh tịnh, tự thân tác chứng, là bội xả ba; qua khỏi hết thầy sắc tướng, diệt tướng có đối đãi, không nghĩ đến các tướng, vào vô lượng Hư không xứ, là bội xả bốn; qua khỏi Hư không xứ, vào vô biên thức xứ, là bội xả năm; qua khỏi Thức xứ, vào Vô sở hữu xứ, là bội xả sáu; qua khỏi Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, là bội xả bảy; qua khỏi Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, vào Diệt thọ tướng xứ, là bội xả tám. Đối với tám bội xả ấy, hoặc thuận hoặc nghịch, hoặc ra hoặc vào chín thứ đệ định. Những gì là chín? Lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục, sinh hỷ lạc vào sơ thiền, cho đến qua khỏi Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, vào Diệt thọ tướng định; ấy gọi là chín thứ lớp định, hoặc thuận hoặc nghịch, ra vào. Bồ Tát ấy nương tám bội xả, chín thứ lớp định, vào pháp tam muội Sư tử phần tán. Thế nào gọi là tam muội Sư tử phần tán? Đó là Bồ Tát lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền, cho đến vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi lên, trở lại vào Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; từ Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ khởi lên, trở lại vào cho đến sơ thiền. Ấy là Bồ Tát nương pháp tam muội Sư tử phần tán, vào tam muội Siêu Việt. Thế nào là tam muội Siêu việt? Đó là Bồ Tát lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào sơ thiền; từ sơ thiền khởi dậy, vào cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; từ Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, trở vào sơ thiền; từ sơ thiền khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, vào nhị thiền; từ nhị thiền khởi dậy vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, vào tam thiền; từ tam thiền khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, vào tứ thiền; từ tứ thiền khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, vào Không xứ; từ Không xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, vào Thức xứ; từ Thức xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy, vào Vô sở hữu xứ; từ Vô sở hữu xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy vào phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; từ Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy

vào trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào Diệt thọ tướng định; từ Diệt thọ tướng định khởi dậy trở lại vào trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy vào Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; từ Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ khởi dậy trở lại trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy vào Vô sở hữu xứ; từ Vô sở hữu xứ khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào Thức xứ; từ Thức xứ khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào Không xứ; từ Không xứ khởi dậy trú trong tán tâm, từ trong tán tâm khởi dậy, vào đệ tứ thiền; từ trong đệ tứ thiền khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào đệ tam thiền; từ trong đệ tam thiền khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào đệ nhị thiền; từ trong đệ nhị thiền khởi dậy trú trong tán tâm; từ trong tán tâm khởi dậy, vào sơ thiền; từ trong sơ thiền khởi dậy trú trong tán tâm. Bồ Tát ấy trú trong tam muội Siêu việt được thật tướng các pháp. Ấy là Bồ Tát trú trong Bát nhã ba la mật nhiếp thủ Thiên ba la mật.

Luận. Hỏi: Có sao chỉ một Ba la mật làm chủ?

Đáp: Nhân duyên tu hành có thứ lớp phải vậy. Bồ tát có hai hạng: Tại gia và xuất gia. Bồ Tát tại gia nhờ có phước đức nên giàu lớn, nhân giàu lớn nên cầu Phật đạo, tu các Ba la mật. Trước tiên nên tu bố thí, vì sao? Vì đã có tài vật, lại biết tội phước, lại có tâm từ bi đối với chúng sinh nên trước tiên tu hạnh bố thí rồi, theo thứ lớp nhân duyên tu các Ba la mật khác. Bồ Tát xuất gia vì không có tài vật, theo thứ lớp nên tu trì giới, nhẫn nhục, thiền định, vì thích nghi nên gọi làm chủ. Trừ tài thí, các Ba la mật khác, người xuất gia nên thực hành. Bồ Tát lấy Nhẫn Ba la mật làm chủ, nguyện rằng: Nếu có người đến cắt xẻo thân thể tôi, không nên sinh tâm giận. Nay tôi tu đạo Bồ Tát, nên nhiếp thủ các Ba la mật. Trong các Ba la mật, bố thí đứng đầu. Trong việc bố thí, vật quý trọng, thương tiếc nhất không gì qua thân thể, mà có thể đem thí cho người, không tiếc, không giận. Như vậy, đầy đủ Nhẫn nhục Ba la mật nhiếp thủ bố thí. Bồ Tát trú trong nhẫn nhục, bố thí cho chúng sinh cơm áo, đồ vật, lại bị người nhân thí mắng ngược lại, đánh đập Bồ Tát, muốn phá sự nhẫn nhục trong khi bố thí. Bồ Tát nghĩ rằng: Ta không nên vì cái thân hư dối mà phá hủy đạo Ba la mật. Ta nên bố thí, không nên sinh tâm ác, không vì một chút ác nhỏ mà thối mất. Bồ Tát ấy trong khi mạng sắp hết càng tăng thêm tâm bố thí. Nếu khi mạng chung, nhờ có sức hai Ba la mật kia, nên liền sinh vào chỗ tốt, tiếp tục bố thí.

Nhiếp thủ Giới Ba la mật là:

Hỏi: Trong khi nhẫn nhục, không làm ác tức là giới, có gì còn nói trú trong nhẫn nhục nhiếp thủ Giới Ba la mật, mà nên trú giới để nhiếp thủ nhẫn thì đúng hơn?

Đáp: Trong đây nói về tướng chứ không nói về thứ lớp phát sinh. Tuy hòa hợp mà mỗi tướng có khác nhau. Nếu theo thứ lớp thời phải trước giới sau nhãn. Giới là không cướp mạng người, nhãn là không tiếc mạng mình; thế nên trong nhãn nhục riêng nói tướng giới.

\*Lại nữa, nhãn là tự thu nhiếp tâm mình, không khởi lên sân hận; còn trì giới có hai: Một là không nã hại chúng sinh; hai là tự mình làm, vì là cội gốc sinh ra thiện định. Có vị Bồ Tát tu nhãn nhục mà chưa thọ trì giới pháp, chỉ do sợ tội nên nhãn nhục, chưa thể vì thương xót chúng sinh. Người ấy hoặc theo thầy nghe, hoặc tự suy nghĩ: Trì giới là nhân duyên của Phật đạo, không nhiều hại chúng sinh. Ta nay đã có thể nhãn nhục, thì tu trì giới là việc dễ; ấy là nhãn nhục có thể nhiếp thủ Giới Ba la mật.

\*Lại nữa, nhãn nhục là tâm số pháp; trì giới là sắc pháp: Trì giới là tâm sinh, miệng nói để thọ trì, còn nhãn nhục thì chỉ là tâm sinh, chẳng phải thọ trì.

\*Lại nữa, thân và miệng thanh tịnh gọi là trì giới; ý thanh tịnh gọi là nhãn nhục.

Hỏi: Thiện và Trí Ba la mật cũng là tâm thanh tịnh, có gì chỉ nói nhãn nhục?

Đáp: Thiện và trí sức lớn cho nên không nói. Trong khi trì giới, tâm chưa được thanh tịnh, cần phải có nhãn nhục để giữ tâm. Trong kinh này tự nói nhân duyên: Có Bồ Tát có công đức và trí tuệ lợi căn lớn, đối trước Phật hiện tại phát tâm tu các Ba la mật, thế nên đời đời tăng trưởng cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác không bị đọa ác xứ. Vị Bồ Tát ấy từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng không sinh tâm giận, cướp mạng chúng sinh, cũng không đấm Nhị thừa. Đó là công đức của hai Ba la mật, lia ba thứ tâm, hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ba tâm ấy là: Không có người, không có pháp, không có chỗ hồi hướng, không có tâm chấp ngã, tâm điên đảo.

Nhiếp thủ Tấn Ba la mật là: Hoặc tự mình chứa nhóm công đức, hoặc vì độ chúng sinh mà phát tâm không giải đãi, cho đến thành tựu mọi việc; nếu có nhân duyên chướng đạo, tâm không nghi, không thối, kham chịu mọi khổ, không lấy việc khổ nhọc lâu ngày làm khó. Như trong kinh nói: Bồ Tát ấy cho đến đi qua ngàn vạn do tuần, nếu không gặp được một người để dạy tiến vào thật pháp được Niết bàn, khi ấy tâm cũng không sầu; nếu gặp dạy khiến trì ngũ giới, bấy giờ tâm hoan hỷ, không nghĩ rằng: Ta vượt qua vô lượng quốc độ ấy mà chỉ gặp được một người này, nên cho là sầu khổ, vì sao? Vì tướng một người tức là tướng hết thấy người, tướng hết thấy người là tướng một người, vì tướng các pháp không hai.

Nhiếp thủ Thiên Ba la mật là: Bồ Tát ấy nhờ sức nhẫn nhục nên tâm được điều hòa nhu nhuyễn; tâm điều hòa nhu nhuyễn nên dễ được thiền định; ở trong thiền định được tâm tâm số pháp thanh tịnh và từ, bi, hỷ, xả; đều đem tâm không chấp trước hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nhiếp thủ Bát nhã ba la mật là: Bồ Tát trú trong chúng sinh nhẫn, nhẫn mọi điều ác của chúng sinh đưa đến, tu đại từ bi; vì thế nên được phước đức lớn. Được phước đức lớn tâm nhu nhuyễn nên dễ được pháp nhẫn, nghĩa là hết thấy pháp rất ráo vô sinh. Trú trong pháp nhẫn ấy quán hết thấy pháp tướng không, tướng lìa, tướng vô tận tịch diệt như tướng Niết bàn; bấy giờ trở lại tăng trưởng chúng sinh nhẫn, ở trong rất ráo không như vậy, thì ai là người mắng, ai là người có hại? Khi ấy nhiếp thủ hai nhẫn, không thấy ba việc là pháp nhẫn, người nhẫn và chỗ nhẫn. Vì không hý luận hết thấy pháp như vậy, nên có thể thấy hết thấy pháp tướng không, tịch diệt như Niết bàn. Vì bản nguyện cầu Phật đạo nên không đắm vào pháp rất ráo không ấy, cho đến khi chưa ngồi đạo tràng không thủ chứng Niết bàn. Khi đã ngồi đạo tràng, nhiếp thủ Phật pháp, được Phật đạo, chuyển Pháp luân tùy ý làm lợi ích chúng sinh. Những việc như vậy đều do sức Bát nhã ba la mật.

Trú trong Tấn Ba la mật nhiếp thủ Thí Ba la mật là: Bồ Tát ban đầu dùng cửa tinh tấn để vào trong các Ba la mật, siêng tu năm Ba la mật, thân tâm tinh tấn không ngừng nghỉ, không đổi khác. Ở trong tinh tấn ấy không sợ khổ địa ngục A tỳ, huống gì khổ khác? Bồ Tát cũng biết hết thấy pháp rất ráo không, từ rất ráo không khởi xuất, vì tâm từ bi nên trở lại làm các thiện nghiệp mà không chứng Niết bàn; ấy là sức tinh tấn. Bồ Tát ở trong tinh tấn nên nghĩ rằng: Ta lâu xa chắc sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không thể không được. Người ấy đi qua một do tuần, cho đến trăm ngàn do tuần, dùng tài và pháp thí cho chúng sinh. Cho đến đi qua trăm, ngàn, vạn, ức quốc độ, giả sử không gặp được một người để dạy khiến vào ba thừa, tâm Bồ Tát cũng không hối, không nghi, không nghĩ rằng: Ta trải qua bấy nhiêu Phật độ mà không gặp được một người khả độ, thời làm sao độ hết thấy người? Trải qua trăm, ngàn quốc độ, hoặc gặp được một người dạy khiến tu mười thiện, không trúng vào ba thừa, không vì một người không ngộ được thật tướng mà ôm lòng khinh thường, hối hận. Lại nghĩ rằng: Ta nay khiến người đó tu mười thiện đạo, dần dần đem đạo lý ba thừa để độ thoát cho họ. Dạy tu mười thiện rồi lại đem tài và pháp bố thí đầy đủ cho chúng sinh, rồi đem công đức ấy hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thân tâm tinh tấn trải qua vô số quốc độ vì chúng sinh thuyết pháp.

Hỏi: Tất cả việc bố thí đều do tinh tấn, có gì chỉ nói tài và pháp thí do tinh tấn phát sinh?

Đáp: Tuy tất cả việc bố thí đều do tinh tấn phát sinh, nhưng nghĩa đây nói do sức tinh tấn phát sinh nhiều hơn. Như kinh này nói: Trải qua trăm, ngàn quốc độ, đem hai việc bố thí đầy đủ cho chúng sinh.

Trú trong Tấn Ba la mật nhiếp thủ Giới Ba la mật là: Bồ Tát tu đủ mười thiện đạo gọi là Giới Ba la mật, hoặc từ nhẫn nhục v.v..... phát sinh. Nếu Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, bỏ mười bất thiện đạo, tu bốn mươi thiện đạo không ngừng nghỉ; ấy gọi là Tinh tấn Ba la mật. Có người chỉ một thứ thiện đạo không thể tu được, huống gì tu cả bốn thứ thiện đạo, cũng do Tinh tấn Ba la mật nên không sinh vào ba cõi, không thọ quả Nhị thừa. Chúng sinh vì tâm phiền não giải đãi nên sinh vào ba cõi, vì nhàm chán sinh tử nên bỏ Phật đạo, cầu chứng Tiểu thừa, đó đều là tướng giải đãi. Thế nên nói Bồ Tát không tham ba cõi, không cầu chứng Nhị thừa.

Trú trong Tấn Ba la mật nhiếp thủ Nhẫn Ba la mật là: Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, hoặc người hoặc phi nhân đi đến cắt xẻo thân thể mang đi. Bấy giờ Bồ Tát phá tâm điên đảo chấp ngã, vì thiện nghiệp rất ráo không, nên nghĩ rằng: Trong đây không có người cắt xẻo, việc ấy đều là phàm phu hư dối trông thấy; ta được lợi lớn. Khi ta biết thật tướng các pháp, có thể vào Niết bàn, nhưng vì thương xót chúng sinh nên thọ thân; chúng sinh tự đi đến mang đi, ta không nên tiếc. Bấy giờ thân nhập thật tướng các pháp, trong thật tướng ấy không có định tướng; chúng sinh tự sinh sợ hãi, đem công đức ấy chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong đây hoặc có người mắng nhiếc, đánh hại đều có thể nhẫn được; ấy gọi là nhẫn; hoan hỷ không thoái chuyển, ấy gọi là tinh tấn. Hai pháp ấy hoặc từ tinh tấn sinh nhẫn nhục, hoặc từ nhẫn nhục sinh tinh tấn. Đây nói từ tinh tấn sinh nhẫn nhục.

Trú trong Tấn Ba la mật nhiếp thủ Thiền Ba la mật là: Có người tự nhiên được thiền định, như trong thời kỳ kiếp tận. Hoặc có người khi thối chuyển được, khi sinh ra được, hoặc sinh ở thượng địa đến hạ địa được; tuy được thiền định như vậy không từ tinh tấn sinh. Có người nhân đại bố thí mà phá năm triền cái là tham dục v.v... liền được thiền định. Hoặc có người trì giới thanh tịnh, tu tập nhẫn nhục, nhân có tâm nhàm chán liền được thiền định. Hoặc có người do sức trí tuệ lớn, biết cõi Dục vô thường hư dối, bất tịnh, liền được thiền định; thiền định tuy cũng hư dối nhưng vẫn hơn ở cõi Dục. Tuy có tinh tấn như vậy, lại nhân

nơi pháp khác được thiên định, nên không gọi là từ tinh tấn sinh. Có người không nhân nơi năm pháp làm chủ, chỉ ngày đêm tinh tấn, kinh hành, tọa thiền, thường tranh đấu với tâm, do năm lực, tín, tấn, niệm, định, tuệ chế ngự đến cùng năm triền cái; nếu tâm dong ruỗi liền thu nhiếp trở lại, như chiến đấu với giặc, cho đến đổ mồ hôi. Những người được thiên định như vậy là từ tinh tấn sinh. Hoặc có Bồ Tát độn căn, vì tội cũ che lấp mà đắm sâu cái vui thế tục, dong ruỗi khó chế phục; người như vậy phải gia sức tinh tấn mới có thể được định. Thí như người có phước đức, an cư vô sự mà phước lộc tự đến; người phước mỏng siêng năng công việc, tranh đấu nhiều mới được. Người có phước tự nhiên được, gọi là phước đức tự đi đến; do siêng năng tranh đấu mới có được gọi là do tinh tấn mà được. Như vậy, mọi nơi tuy có tinh tấn nhưng theo nơi nhiều mà gọi tên.

Trú trong Tấn Ba la mật nhiếp thủ Bát nhã ba la mật là: Bồ Tát do sức tinh tấn nên được Thiền Ba la mật; được Thiền Ba la mật nên phát sinh thần thông. Do hai việc ấy dùng sức thần thông đi khắp mười phương, công đức chưa đầy đủ muốn làm cho đầy đủ; lại muốn giáo hóa chúng sinh. Trừ trí tuệ sinh ra từ bốn Ba la mật, các trí tuệ khác phần nhiều từ tinh tấn sinh, nên lấy tinh tấn làm chủ dễ nhiếp thủ trí tuệ. Bát nhã ba la mật có hai: Một là quán thật tướng các pháp, trong đó không thấy tướng pháp, không thấy tướng phi pháp; hai là tu hành đúng như nói. Người có tâm giải đãi không thể làm hai việc, nhờ có sức tinh tấn mới làm hai việc đầy đủ.

Trú trong Thiền Ba la mật làm chủ nhiếp thủ năm Ba la mật là: Bồ Tát trú trong Thiền Ba la mật tâm điều hòa nhu nhuyễn, không lay động, có thể quán sát thật tướng các pháp; thí như trong nhà kín đốt đèn, ánh sáng tỏa chiếu; ấy gọi là ở trong Thiền Ba la mật phát sinh trí tuệ. Bấy giờ không não hại chúng sinh, lại gia tâm thương xót; ấy gọi là trì giới thanh tịnh và nhẫn nhục. Do sức thần thông biến hóa tài vật bố thí đầy đủ, lại khiến người biến hóa ấy nói pháp. Lại, Bồ Tát từ thiền khởi dậy, do tâm thanh tịnh nhu nhuyễn vì chúng sinh thuyết pháp; ấy gọi là bố thí. Nhân sức thiền định phát khởi thần thông, đi khắp mười phương dẫn đạo lợi ích tất cả mà không giải đãi; ấy gọi là tinh tấn. Lại, nhân thiền định làm cho bốn Ba la mật được tăng ích; ấy gọi là từ thiên định sinh tinh tấn. Các nghĩa khác như trong kinh này đã nói rộng.

Trú trong Bát nhã ba la mật làm chủ nhiếp thủ năm Ba la mật là, như trong kinh này Phật tự nói rộng.



Hỏi: Tuy Phật nói rộng, mà trong ấy còn có người không hiểu, nên nay sẽ hỏi: Trong mười tám không, có gì chẳng nói bốn không cuối cùng?

Đáp: Cái không thứ mười bốn là Nhất thiết pháp không. Nói nhất thiết tức là trùm khắp tất cả pháp, thế nên không nói.

Hỏi: Nếu như vậy, chỉ nên nói mười bốn, có gì lại có mười tám không?

Đáp: Trong kia phân biệt tất cả pháp tướng không, tất cả không đều tổng nhiếp vào mười tám không. Trong này vì hành giả mà nói. Hành giả hoặc tu một không, hai không, cho đến mười bốn không, tùy theo chỗ chấp trước nhiều hay ít. Có người chấp trước tà kiến sâu nặng, thời dùng bốn không còn lại, vì có sao? Vì hữu pháp, vô pháp v.v... là tà kiến ngoại đạo. Bồ Tát tu từ bi tâm nhuuyến nên không sinh tà kiến chấp có, chấp không như vậy. Lại nữa, Bồ Tát lấy mười bốn không huân tập tâm, nên ở trong có và không rõ ràng không sai lầm. Thế nên không nói bốn không cuối cùng.

Hỏi: Có sao nói Bồ Tát giống như Phật, không có tâm tham trước; câu nói ấy có nghĩa gì?

Đáp: Phật dứt các phiền não tập khí, không còn sinh khởi, còn Bồ Tát do sức Bát nhã chế phục, làm cho không khởi. Nay muốn tán thán sức Bát nhã, nên tuy kiết sử chưa dứt mà sức Bát nhã nơi Bồ Tát cùng với Phật đã dứt kiết sử không khác, để khiến người ta biết quý sức Bát nhã mà phát tâm nghĩ rằng, trong đây không có pháp hoặc sinh, hoặc diệt, hoặc chịu sự mắng nhiếc, cắt xẻ.

Hỏi: Đây tức là vô sinh nhẫn, có sao lại nói là nhu thuận nhẫn?

Đáp: Trong đây nói cốt phá giả danh chúng sinh, do năm uẩn hòa hợp, chứ không thể phá pháp. Thế nên kinh nói: Không có kẻ sinh, diệt; không có ai chịu mắng nhiếc. Lại, người ấy phá ngã, tuy quán pháp không mà chưa thể thâm nhập, nên vẫn còn ưa đắm pháp. Như được vô sinh pháp nhẫn mà vẫn có tâm từ bi thương xót chúng sinh; ở trong nhu thuận nhẫn cũng có niệm về pháp không. Trong hai pháp ấy: Một là ở nơi chúng sinh không thể có được nên gọi là chúng sinh nhẫn; hai là ở nơi pháp không thể có được nên gọi là pháp nhẫn. Pháp nhẫn, không trở ngại chúng sinh nhẫn; chúng sinh nhẫn, không trở ngại pháp nhẫn, chỉ có sâu cạn khác nhau.

Hỏi: Tam muội Siêu việt không được siêu hai bậc, lại không từ tán tâm mà vào Diệt tận định, có gì trong đây nói như vậy?

Đáp: Pháp Đại, Tiểu thừa khác nhau: Không siêu hai bậc là trong pháp Tiểu thừa nói. Còn Bồ Tát có vô lượng phước đức và trí tuệ, thâm nhập thiền định nên có thể tùy ý siêu việt. Như lực sĩ người nhảy không quá vài trượng, nếu lực sĩ trời nhảy không kể gần xa. Lại, trong A tỳ đàm đều vì hàng phàm phu và Thanh văn mà nói; Bồ Tát thì không vậy. Do lực trí tuệ vào tam muội Sư tử phần tán, có thể tự tại đối với các pháp; do lực Bát nhã có thể tùy ý thuyết pháp tự tại, thích ứng với chúng sinh. Lại, có Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật nhiều, biết thật tướng các pháp an trú bất động, hết thấy thế gian trời, người không thể cật nạn làm khuynh động được. Nếu được tài vật bố thí hai hạng, hoặc là thí cho Phật, hoặc thí cho chúng sinh, vì chúng sinh không nên tâm kia bình đẳng, không quý trọng chư Phật, không khinh dễ chúng sinh. Nếu thí cho người nghèo mà khinh dễ nên phước ít, nếu thí cho Phật, mà vì đấm trước nên phước không đầy đủ. Nếu đem vàng bạc, vật báu và cỏ cây để bố thí, vì pháp không nên cũng bình đẳng không khác. Dứt các vọng tưởng phân biệt các pháp một hoặc khác, vào pháp môn không hai mà bố thí; ấy gọi là tài thí. Pháp thí cũng như vậy, không tham quý người có trí biết thọ pháp thí, không khinh chê người vô trí không biết pháp, vì sao? Vì Phật pháp vô lượng, không thể nói, không thể nghĩ bàn. Như nói pháp bố thí thiện cận, và nói mười hai nhân duyên không, vô tướng, vô tác; không, vô tướng, vô tác là pháp thậm thâm, bình đẳng, không sai khác, vì sao? Vì pháp ấy đều vào trong tịch diệt, không hý luận. Như vậy là từ Bát nhã sinh bố thí.

\*Lại nữa, Bồ Tát ấy đem công đức tùy hỷ đối với ba thứ tu hành của mười phương chư Phật và đệ tử, đều chia xẻ cho chúng sinh, cùng hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Do lực trí tuệ nên không có việc gì không thí và chia xẻ phước đức cho chúng sinh. Lại, có Bồ Tát trong khi bố thí sinh các tâm tốt, nhỏ sạch cội gốc xan tham mà thực hành bố thí. Đem tâm từ bố thí nên dứt sân giận. Thấy người lãnh thọ được vui thì hoan hỷ, nên dứt tâm tật đố. Lấy tâm cung kính mà bố thí nên phá tâm nghi và vô minh. Không nghĩ rằng người cho và người lãnh thọ có tướng nhất định, nên phá tà kiến chấp có, chấp không. Xem người lãnh thọ như Phật, xem vật bố thí như tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, xem thân mình từ xưa lại đây rất ráo không; nếu như vậy bố thí không hư dối thời được thẳng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Các tướng như vậy gọi là từ Bát nhã ba la mật sinh Bố thí Ba la mật.

\*Lại nữa, Bồ Tát thâm nhập Bát nhã ba la mật thanh tịnh, nên chẳng phải không có chúng sinh mà có thể thọ trì mười thiện giới. Vì muốn phá tâm điên đảo sát sinh nên có giới không sát sinh, chứ không phải trong thật tướng có giới đó.

\*Lại nữa, có người giữ giới không sát sinh đối với chúng sinh ở trong một trăm do tuần; có người giữ giới không sát sinh đối với chúng sinh trong một cõi Diêm Phù Đề; như vậy là giữ giới đối với chúng sinh có hạn lượng. Hoặc giữ giới trong một ngày, hoặc giữ năm giới, mười giới; như vậy là giữ giới có hạn lượng. Bồ Tát tu Bát nhã, giữ giới đối với chúng sinh trong vô lượng quốc độ không vì một đời hay hai đời. Như: Như như, hư không, pháp tính, thật tế, vì tướng rỗng không, nên không chấp thủ giới tướng, không ghét phá giới, không trước trì giới. Ấy là từ Bát nhã ba la mật phát sinh giới đầy đủ, không có phân biệt.

Nhẫn có hai thứ: Một là chúng sinh nhẫn; hai là pháp nhẫn. Bồ Tát thâm nhập Bát nhã ba la mật nên được pháp nhẫn. Có thể tin thọ vô lượng Phật pháp, tâm không có phân biệt thị, phi; tướng như vậy gọi là từ trong Bát nhã sinh nhẫn nhục.

Lại có Bồ Tát do siêng năng đầy đủ năm Ba la mật nên tu Bát nhã ba la mật. Được thật tướng các háp, dứt ba nghiệp, thân không tạo tác, miệng không nói năng, tâm không niệm tưởng; như người trong mộng thấy mình chìm trong biển cả, cử động tay chân mong qua khỏi; đến khi thức dậy, tâm mộng liền dứt; ấy là từ trong Bát nhã ba la mật phát sinh sức tinh tấn. Như trong kinh Trì Tâm nói: Ta có được sức tinh tấn nên ở chỗ Phật Nhiên Đăng được thọ ký.

Phật dạy: Là trí tuệ thời không có thiên định, phải nhờ sức trí tuệ mới được thiên định; thế nên từ trí tuệ sinh thiên định. Như Phật nói trong kinh Bích chi Phật: Có một quốc vương thấy hai con trâu đực vì dâm dục nên đấu nhau chết. Vua tự giác ngộ rằng: Ta do tài sắc nên chinh phạt các nước khác thời có khác gì đây? Liền lìa bỏ năm dục, được thiên định, thành Bích Chi Phật. Bồ Tát cũng như vậy. Do ít nhiều nhàm chán năm dục, trừ lượng cái vui năm dục với cái vui thiên định, thật cách xa nhau. Ta há có thể vì chút ít cái vui năm dục mà bỏ mất cái vui thiên định sao? Cái vui thiên định là cái vui phước đức thanh tịnh, tràn khắp thân tâm. Như vậy, từ trí tuệ phân biệt phát sinh thiên định. Nghĩa chữ thiên định như trong kinh đã nói.

\*Lại nữa, Bồ Tát từ trong vô lượng kiếp, vì Phật đạo nên gieo trồng căn lành, lìa năm dục nên đối với các thiên định được tự tại, thâm nhập Như như, pháp tính, thật tế. Do sức tinh tấn, phương tiện, từ bi nên ra khỏi pháp thậm thâm, trở lại tu các công đức. Người ấy đã thắng phục tâm mình, trong một niệm có thể tu sáu Ba la mật. Nghĩa là Bồ Tát trong khi bố thí đúng như pháp xả bỏ tài vật; ấy là Thí Ba la mật. An trú trong mười thiện đạo mà bố thí, không hướng đến Nhị thừa; ấy là Giới Ba la mật. Nếu có các phiền não xan tham v.v... và ma dân đi

đến, không thể làm động tâm; ấy gọi là Nhẫn Ba la mật. Trong khi bố thí, thân tâm tinh tấn không ngừng nghỉ; ấy gọi là Tấn Ba la mật. Nhiếp tâm vào việc bố thí, không tán loạn, không nghi, không hối, hướng thẳng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác; ấy gọi là Thiên Ba la mật. Trong khi bố thí, người cho, người thọ nhận và tài vật đều không thể có được; không như những người tà kiến chấp thủ tướng, vọng thấy có tướng nhất định; như chư Phật, hiền thánh xem tướng tài vật, tướng người nhận, người cho và tướng chỗ hồi hướng, khi pháp thí cũng như vậy; ấy gọi là Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát thọ đủ các giới, thiện tâm khởi lên, chánh ngữ, chánh nghiệp ba thứ luật nghi: Giới luật nghi, thiên định luật nghi và vô lậu luật nghi; ở trong giới ấy bố thí sự không sợ cho chúng sinh; ấy gọi là Thí Ba la mật. Các phiền não dâm dục, sân giận muốn làm phá giới, đều có thể chế phục, có thể nhẫn nhịn.

\*Lại nữa, bị người đến mắng nhiếc, đánh hại, vì sợ phá giới nên nhẫn nhịn không đáp trả. Lại, gặp sự đói khát, lạnh nóng, các khổ bức bách, vì giữ giới nên đều có thể nhẫn chịu; ấy gọi là Nhẫn Ba la mật. Phân biệt các giới tướng nặng, nhẹ, có tàn dư, hoặc không tàn dư, nhân duyên gốc, ngọn; hoặc ngăn không cho làm, đó là thân tâm tinh tấn; hành trì đúng như giới pháp, có phạm thời hạ ý sám trừ; ấy gọi là thân tâm tinh tấn. Do tinh tấn trì giới ấy, nên không cầu làm vua trời, vua người, cho đến không chứng Niết bàn Tiểu thừa, mà chỉ vì giới là trú xứ của Bồ Tát đạo, do trì giới có thể tu tập cả tam Ba la mật; ấy gọi là Tinh tấn Ba la mật. Bồ Tát nếu trì giới thanh tịnh thời không lìa thiên định, vì sao? Vì trì giới thanh tịnh thời phá các phiền não, tâm được điều hòa, chế phục; thí như tuổi già cướp hết sức trẻ, chết đến dễ tan hoại. Hành giả vì không được thiên định nên niệm tưởng năm dục, sinh năm triền cái, xâm hại việc trì giới. Thế nên, vì trì giới được kiên cố cầu các vui thiên định. Thiên định là thu nhiếp tâm tâm số pháp hòa hợp một nơi gọi là thiên định. Hành giả trừ được nghiệp thân, miệng ác phá giới, tiếp trừ ba ác giác quán, vậy sau trừ ba giác quán vi tế; nghĩa là giác quán về quốc độ, về bà con và về bất tử. Trừ được như vậy rồi, liền được thiên định, ấy gọi là Thiên Ba la mật. Trong khi trì giới, biết giới có thể phát sinh quả báo công đức đời này, đời sau như vậy; ấy gọi là trí tuệ.

\*Lại nữa, giới, trì giới, người phá giới, ba việc đó đều không thể có được; ấy gọi là trí tuệ. Người có ba hạng: Người hạng dưới phá giới, người hạng giữa chấp trước giới, người hạng trên không chấp trước giới. Bồ Tát suy nghĩ: Nếu ta ghét phá giới và người phá giới; ưa giới và người giữ giới mà sinh tâm ưa, ghét thời trở lại chịu tội nghiệp. Thí như voi tắm xong rồi lại lấy bùn đất bôi lên mình, do vậy không nên sinh tâm yêu, ghét.

\*Lại nữa, hết thầy pháp đều thuộc nhân duyên, không được tự tại. Các thiện pháp đều nhân ác pháp sinh; nếu nhân ác pháp sinh làm sao chấp trước được? Ác pháp nhân thiện pháp sinh làm sao ghét bỏ được? Suy nghĩ như vậy, đi thẳng vào thật tướng các pháp, quán việc trì giới và phá giới từ nhân duyên sinh nên không được tự tại; không được tự tại nên rất ráo không; rất ráo không nên không chấp trước; ấy gọi là Bát nhã ba la mật. Bồ Tát trong khi tu nhẫn nhục, nghĩ rằng: Nếu chúng sinh đi đến cắt xẻ thân ta, ta liền bố thí, không để cho chúng sinh mắc tội trộm cướp. Hoặc khi tu nhẫn nhục, nhân nhẫn nhục thuyết pháp, dùng mỗi mỗi nhân duyên phân biệt thế gian, Niết bàn, khiến cho chúng sinh trú trong sáu Ba la mật, được chúng sinh nhẫn. Lấy thân bố thí gọi là tài thí. Được pháp nhẫn, thâm nhập các pháp, vì chúng sinh thuyết giảng, ấy là pháp thí. Hai thí ấy từ hai nhẫn sinh, gọi là Thí Ba la mật. Bồ Tát khi tu nhẫn nhục còn không tiếc thân mạng, huống gì nào hại chúng sinh để mắc tội phá giới! Thế nên, nhân nhẫn mà trì giới; thương xót chúng sinh, muốn độ thoát cho họ. Trì giới là trú xứ an lập hết thầy thiện pháp; ấy gọi Giới Ba la mật. Bồ Tát ở trong nhẫn nhục, thân tâm siêng tu bốn Ba la mật; ấy gọi là tinh tấn. Ở trong nhẫn nhục tâm, điều hòa nhu nhuyễn, không đấm trước nắm đực, nhiếp tâm một nơi; Ta đối với chúng sinh có thể nhẫn nhục như đất, ấy gọi là Thiên Ba la mật. Bồ Tát biết quả báo của nhẫn nhục là được thân tướng hảo trang nghiêm. Bồ Tát tu nhẫn, hay chướng ngại các phiền não, hay nhẫn chịu sự xấu ác của chúng sinh, hay nhẫn chịu các pháp thâm diệu, về sau được thật tướng các pháp; khi ấy thân tâm hành giả được vô sinh pháp nhẫn, tức là Bát nhã ba la mật.

Bồ tát trú trong tinh tấn sinh các Ba la mật là, tinh tấn là căn bản của hết thầy điều lành; lìa tinh tấn thời không có được thiện pháp. Nhưng chỉ do sức tinh tấn nhiều mà phát sinh năm Ba la mật, nên gọi là tinh tấn sinh. Bồ Tát thường tu ba cách bố thí chưa từng lìa bỏ; ấy gọi là Thí Ba la mật. Bồ Tát có chánh nghiệp về thân, miệng, hướng thẳng đến Phật đạo, không tham Nhị thừa; ấy gọi là Giới Ba la mật. Siêng tu tinh tấn, có người đi đến hủy hoại Bồ Tát đạo, Bồ Tát có thể nhẫn chịu không lay động; ấy gọi là Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát tuy tu các pháp, tâm không tán loạn, nhất tâm niệm tưởng Nhất thiết trí; ấy gọi là Thiên Ba la mật. Có hai cách tinh tấn: Một là động tướng, tức thân tâm siêng tu; hai là dứt hết hý luận, nên thân tâm bất động. Bồ Tát tuy siêng tu động tinh tấn, cũng không lìa bất động tinh tấn, bất động tinh tấn không lìa Bát nhã ba la mật. Bồ Tát do sức thiên định mà tâm từ bi, nên bố thí sức không sợ cho chúng sinh. Hoặc do sức thiên định nên biến làm ra bảo vật như núi tu di, làm đầy đủ cho tất cả; mưa các hương hoa cúng dường chư Phật và bố thí cho chúng sinh nghèo cùng áo chăn,

ăn uống. Hoặc vào trong thiền định vì mười phương chúng sinh thuyết pháp; ấy gọi là Thí Ba la mật. Trong đây tùy theo thiền định mà hành thiện nghiệp thân, thiện nghiệp miệng; lìa tâm Thanh văn, Bích chi Phật; ấy gọi là Giới Ba la mật. Bồ Tát vào thiền định, được cái vui thanh tịnh, nhu nhuyễn, có thể không đắm thiền định. Nhờ sức thiền định nên thâm nhập các pháp không, hay nhẫn chịu pháp ấy, tâm không nghi hối; ấy gọi là Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát khi nhẫn nhục, muốn sinh khởi các tam muội như tam muội Siêu việt, tam muội Sư tử phấn tẩn v.v... và vô lượng tam muội khác không ngừng nghỉ; ấy gọi là Tinh tấn Ba la mật.

Nhờ sức thiền định, tâm thanh tịnh không lay động, có thể vào thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là Bát nhã ba la mật. Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật, hay quán ba tướng bố thí như vô lượng, diệt các hý luận về chẳng phải có, chẳng phải không; ấy gọi là Thí Ba la mật trong vô lượng, vô tận Bát nhã. Thân và khẩu nghiệp hành theo Bát nhã, vì được Bát nhã, nên có thể trì giới thanh tịnh, bền chắc; ấy gọi là Giới Ba la mật. Trú trong Bát nhã, chúng sinh nhẫn, pháp nhẫn càng thanh tịnh sâu xa, ấy gọi là Nhẫn Ba la mật. Tu Bát nhã thân tâm của Bồ Tát được thanh tịnh, được bất động tinh tấn, xem động tinh tấn như huyễn, như mộng; vì được bất động tinh tấn nên không vào Niết bàn; ấy gọi là Tinh tấn Ba la mật. Bồ Tát tu tu vô ngại Bát nhã ấy, nên tuy thường vào thiền định, nhưng vì được sức Bát nhã ba la mật nên không ra khỏi thiền định mà vẫn có thể độ thoát chúng sinh; ấy gọi là Thiền Ba la mật.

Như vậy, Bồ Tát nhờ trí tuệ lanh lợi, ở trong một tâm, trong một lúc có thể đầy đủ sáu Ba la mật.

(Hết cuốn 81 theo bản Hán)

--o0o--

## Cuốn 82

### Giải thích: Phẩm Phương Tiện Thứ 69

(Kinh Ma Ha Bát Nhã ghi: Phẩm Đại Phương Tiện)  
(Kinh Đại Bát Nhã hội hai ghi: Phẩm Xảo Tiện thứ 68)

**Kinh: Bảy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát ấy từ khi phát tâm trở lại đây thời gian bao lâu mà thành tựu lực phương tiện như vậy?**

Phật dạy: Tu bồ đề, Bồ Tát ấy thành tựu lực phương tiện, từ khi phát tâm trở lại đây trải qua vô lượng vô số kiếp.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát ấy cúng dường bao nhiêu đức Phật mà thành tựu lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Bồ Tát ấy thành tựu lực phương tiện từng cúng dường hằng hà sa số Phật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát được lực phương tiện như vậy, trồng những căn lành gì?

Phật dạy: Bồ Tát thành tựu lực Phật như vậy, là do từ khi phát tâm trở lại đây, đầy đủ Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát thành tựu lực phương tiện như vậy rất nhiều.

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Bồ Tát thành tựu lực phương tiện như vậy rất nhiều; thí như mặt trời mặt trăng chiếu khắp bốn châu thiên hạ, làm lợi ích rất nhiều, Bát nhã ba la mật cũng như vậy, chiếu năm Ba la mật, làm lợi ích rất nhiều. Tu Bồ Đề, thí như Chuyển luân Thánh vương; nếu không có xe báu thời không được gọi là Chuyển luân Thánh vương;; năm Ba la mật cũng như vậy, nếu lìa Bát nhã ba la mật thời không được gọi danh từ Ba la mật, không lìa Bát nhã ba la mật nên được gọi danh từ Ba la mật. Thí dụ như người phụ nữ không chồng, dễ bị xâm lăng; năm Ba la mật cũng như vậy, xa lìa Bát nhã ba la mật dễ bị ma hoặc ma trù phá hoại. Thí như người phụ nữ có chồng khó có thể xâm lăng; năm Ba la mật cũng như vậy, có được Bát nhã ba la mật, ma hoặc ma trù không thể phá hoại. Thí như tướng quân đầy đủ áo giáp, binh trượng, các nước lân cận, cường địch không thể phá hoại; năm Ba la mật cũng như vậy, không xa

lìa Bát nhã ba la mật nên ma hoặc ma trời, hoặc người tăng thượng mạn, cho đến Bồ Tát Chiên đà la không thể phá hoại. Thí như vua nước nhỏ theo thời triều cống Chuyển luân Thánh vương; năm Ba la mật cũng như vậy, thuận theo Bát nhã ba la mật. Thí như trăm sông muôn dòng đều chảy vào sông Hằng rồi vào biển cả; năm Ba la mật cũng như vậy, được Bát nhã ba la mật thủ hộ nên tùy thuận đến Nhất thiết trí. Thí như cánh tay phải của người, làm việc tiện lợi, Bát nhã ba la mật cũng như vậy; cánh tay trái của người, làm việc không tiện, năm Ba la mật cũng như vậy. Thí như muôn dòng sông hoặc lớn hoặc nhỏ đều vào biển cả hợp làm một vị, năm Ba la mật cũng như vậy, được Bát nhã ba la mật thủ hộ, theo Bát nhã ba la mật vào Nhất thiết trí, được gọi là Ba la mật. Thí như bốn binh chủng của Chuyển luân Thánh vương, xe báu dẫn đường, ý vua muốn ngừng thời xe ngừng ngay, làm cho bốn binh chủng được mãn nguyện, xe báu cũng không rời chỗ cũ; Bát nhã ba la mật cũng như vậy, dẫn đường năm Ba la mật đến Nhất thiết trí thường ở trong đó, không vượt quá chỗ cũ. Thí như bốn binh chủng của Chuyển luân Thánh Vương, xe báu dẫn đường, Bát nhã ba la mật cũng như vậy, dẫn đường năm Ba la mật đến an trú Nhất thiết trí. Bát nhã ba la mật cũng không phân biệt: Thí Ba la mật tùy theo tập, Giới Ba la mật cho đến Thiên Ba la mật không tùy theo ta. Thí Ba la mật cũng không phân biệt: Ta tùy theo Bát nhã ba la mật, còn Giới Ba la mật cho đến Thiên Ba la mật ta không tùy theo. Giới Ba la mật cho đến Thiên Ba la mật cũng như vậy, vì sao? Vì tính của các Ba la mật không có năng tác, tự tính không, hư dối, như sóng nắng.

Bấy giờ, Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp tự tính không, làm sao Bồ Tát tu sáu Ba la mật sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát khi tu sáu Ba la mật nghĩ rằng, tâm thế gian đều điên đảo, ta nếu không tập sức phương tiện thời không thể độ thoát chúng sinh khỏi vòng sinh tử; ta sẽ vì chúng sinh nên thực hành Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật. Bồ Tát ấy vì chúng sinh nên xả bỏ tài vật trong ngoài, khi xả bỏ nghĩ rằng, ta không xả bỏ gì, vì sao? Vì tài vật ấy chắc chắn sẽ hư hoại. Bồ Tát suy nghĩ như vậy nên có thể đầy đủ Thí Ba la mật. Vì chúng sinh nên trọn không phá giới, vì sao? Vì Bồ Tát nghĩ rằng, ta vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nếu sát sinh là điều không nên, cho đến ta vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nếu sinh tà kiến thời hoặc tham trước Thanh văn, Bích chi Phật địa là điều không nên. Bồ Tát suy nghĩ như vậy là có thể đầy đủ Giới Ba la mật. Bồ Tát vì chúng sinh nên không sân giận, cho đến giận trong giây lát. Bồ Tát suy nghĩ như vậy: Ta nên làm lợi



ích chúng sinh, có sao khởi tâm sân giận? Như vậy, có thể đầy đủ Nhẫn Ba la mật. Bồ Tát vì chúng sinh nên cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác thường không sinh tâm giải đãi; tu như vậy có thể đầy đủ Tinh tấn Ba la mật. Bồ Tát vì chúng sinh nên cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác không sinh tâm tán loạn; tu như vậy có thể đầy đủ Thiền Ba la mật. Bồ Tát vì chúng sinh nên cho đến khi được Vô thượng chánh đẳng chánh giác trọn không lìa trí tuệ, vì sao? Vì trừ trí tuệ ra không thể có pháp gì độ thoát chúng sinh được. Tu như vậy có thể đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu các Ba la mật không sai biệt nhau thì làm sao Bát nhã ba la mật là đệ nhất, tối thượng, vi diệu đối với năm Ba la mật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, các Ba la mật tuy không có sai khác, nếu không có Bát nhã ba la mật thì năm Ba la mật không được gọi là Ba la mật, nhân nơi Bát nhã ba la mật mà năm Ba la mật kia được gọi là Ba la mật. Thí như các loài chim đủ màu sắc đến ở bên núi Tu di đều đồng thành một sắc; năm Ba la mật cũng như vậy, nhân nơi Bát nhã ba la mật đạt đến trong Nhất thiết trí thành một loại không khác, không phân biệt đây là Thí Ba la mật, đây là Giới Ba la mật cho đến đây là Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì các Ba la mật không có tự tính, vì do nhân duyên nên các Ba la mật không có sai khác.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Nếu theo thật nghĩa không có phân biệt, làm sao Bát nhã ba la mật lại là tối thượng vi diệu đối với năm Ba la mật?

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Tu Bồ Đề, tuy theo thật nghĩa không có phân biệt, chỉ theo pháp thế tục nên nói Thí Ba la mật, Giới Ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật. Vì muốn độ chúng sinh khỏi vòng sinh tử, mà chúng sinh ấy thật chẳng sinh chẳng tử, chẳng khởi chẳng thoái lui. Nay Tu Bồ Đề, vì chúng sinh không có gì của chính nó, vậy nên biết hết thảy pháp không có gì của chính nó. Do nhân duyên ấy nên Bát nhã ba la mật tối thượng, tối diệu đối với năm Ba la mật. Thí như trong chúng người nữ của cõi Diêm phù đề, ngọc nữ báu là đệ nhất, tối thượng, tối diệu; Bát nhã ba la mật cũng vậy, là đệ nhất, tối thượng, tối diệu đối với năm Ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, vì ý gì mà Phật nói Bát nhã ba la mật là tối thượng, tối diệu?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Vì Bát nhã ba la mật đưa hết thầy thiện pháp đến trong Nhất thiết trí, trú chỗ không trú.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật có thật pháp khả thủ khả xả chăng?

Phật dạy: Không. Bát nhã ba la mật không có thật pháp khả thủ, khả xả, vì sao? Vì hết thầy pháp không thủ không xả.

Bạch Đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật không thủ, không xả pháp gì?

Phật dạy: Bát nhã ba la mật không thủ, không xả sắc; không thủ, không xả thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao không thủ sắc cho đến không thủ Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật dạy: Nếu Bồ Tát không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ấy gọi là không thủ sắc cho đến không thủ Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, nếu không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, làm sao được tăng ích thiện căn? Thiện căn không tăng ích thời làm sao đầy đủ các Ba la mật? Nếu không đầy đủ các Ba la mật thời làm sao được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu Bồ Tát không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, khi ấy thiện căn được tăng ích; thiện căn tăng ích nên đầy đủ các Ba la mật; các Ba la mật đầy đủ nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì sao? Vì khi không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, liền được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì nên trong khi không nghĩ đến sắc cho đến không nghĩ đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác liền được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật dạy: Vì nghĩ đến thời đấm trước cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không nghĩ đến thời không đấm trước. Như vậy, Tu Bồ Đề, Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật không nên đấm trước gì.

Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật như vậy nên trú vào chỗ nào?

Phật dạy: Bồ Tát tu như vậy không trú nơi sắc cho đến không trú nơi trí Nhất thiết chủng.

Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì nên vậy không trú nơi sắc cho đến không trú nơi trí Nhất thiết chủng?

Không chấp trước nên không trú, vì sao? Vì Bồ Tát ấy không thấy có pháp có thể chấp trước, có thể thủ; như vậy, Bồ Tát do không trú, không trước pháp tu Bát nhã ba la mật.

Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát nghĩ rằng, nếu hành được như vậy, tu được như vậy là tu Bát nhã ba la mật. Ta nay hành Bát nhã ba la mật, tu Bát nhã ba la mật; nếu chấp thủ tướng như vậy thì xa lìa Bát nhã ba la mật; nếu xa lìa Bát nhã ba la mật thì xa lìa Trí Ba la mật cho đến xa lìa trí Nhất thiết chủng, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không có chỗ trú trước, cũng không có người trú trước, vì tự tính không. Bồ Tát nếu còn chấp thủ tướng thì thoái thất đối với Bát nhã ba la mật; nếu thoái thất Bát nhã ba la mật thì thoái thất Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không được Phật thọ ký. Bồ Tát lại nghĩ rằng: Trú nơi Bát nhã ba la mật có thể phát sinh Trí Ba la mật cho đến tâm đại bi. Nếu nghĩ như vậy thì mất Bát nhã ba la mật, mất Bát nhã ba la mật thì không thể phát sinh Trí Ba la mật cho đến tâm đại bi. Bồ Tát nếu lại nghĩ rằng: Chư Phật biết các pháp không có tướng lãnh thọ nên được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát nếu diễn thuyết, khai thị, dạy bảo như vậy thì mất Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì chư Phật đối với các pháp không có sở tri, không có sở đắc, cũng không có pháp khả thuyết, huống gì sẽ có sở đắc, thì không có lẽ đó.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật làm sao không có lỗi lầm ấy?

Phật dạy: Nếu Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật nghĩa rằng: các pháp không có gì của chính nó, không thể chấp thủ thì không có sở đắc. Nếu làm được như vậy là tu Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ Tát đắm trước nơi pháp không có gì của chính nó thì xa lìa Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có pháp chấp trước.

**Mắt 16 trang từ 49 đến 64**

la mật? Năm Ba la mật tuy chưa vào Bát nhã thì có sai khác, khi đã vào Bát nhã thì không có sai khác? Như các vật có màu sắc khác nhau, nhưng khi đến núi Tu di thì cùng biến thành một màu; không được nói màu của các vật đều

đồng, có sao chỉ gọi riêng núi Tu di là lớn? Thí ba la mật ... cũng như vậy, tuy không có sai khác, nhưng đều vì sức Bát nhã nên không được nói, có sao chỉ xưng Bát nhã là lớn? Tu Bồ Đề tuy mong được Phật giải thích mà còn chưa hiểu rõ, lại đem việc khác để hỏi Phật: Nếu ở trong thật nghĩa không có sai khác, thời làm sao Bát nhã lại tối thượng đối với năm Ba la mật? Trước kia nói chưa được Thánh đạo không, nay nói được Thánh đạo không, thế nên nói là đệ nhất thật nghĩa. Thánh đạo đệ nhất thật nghĩa là rất đáng tin, trong ấy cũng không có sai khác. Phật hứa khả nói rằng: Như vậy, như vậy, Ta phân biệt ói sáu Ba la mật đều là vì thế tục mà nói, vì sao? Đối người đời không thể chỉ vì họ nói thật tướng các pháp. Họ nghe rồi mê muội nên sinh nghi hối. Do thế, lấy đệ nhất nghĩa làm tâm và dùng ngôn ngữ thế tục để nói; vì vậy phân biệt các Ba la mật giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh thật không có pháp, đều là không, không sinh, không diệt, không thoái không khởi; sắc cũng như vậy. Thế nên Bát nhã ba la mật tuy không mà có thể chỉ bày những việc như vậy; thí như ngọc nữ báu là đệ nhất tối thượng, tối diệu giữa chúng nữ nhân.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Phật có ý gì mà thường nói Bát nhã tối thượng, khi nghe Tu Bồ Đề mỗi mỗi nói Bát nhã và năm Ba la mật không có sai khác, Phật cũng hứa khả rồi lại nói Bát nhã là tối thượng?

Phật dạy: Bát nhã thủ hộ hết thảy thiện pháp đưa đến trú trong Nhất thiết trí. Hết thảy pháp tuy không, nếu không có Bát nhã thời hết thảy thiện pháp đều không thể đạt đến Nhất thiết trí. Thiện pháp là năm Ba la mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đại từ đại bi, các pháp của Bồ Tát...

Hỏi: Nếu tu các pháp lành cũng có thể đến Nhất thiết trí, có gì chỉ nói nhờ Bát nhã mới được đến.

Đáp: Tuy các thiện pháp hòa hợp lại có thể phá phiền não, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà Bát nhã đối với trong ấy có công sức lớn; thí như đại quân đánh địch mà chủ tướng được công danh. Lại có người nói: các thiện pháp không có được Bát nhã thời không đến được Nhất thiết trí. Bát nhã không có được các thiện pháp thời chỉ có thể đến Nhất thiết trí. Như Kinh nói: Ở nước Phật Sư tử Lôi âm có cây báu trang nghiêm, thường tuôn ra vô lượng pháp âm noi về hết thảy pháp rất ráo không, không sinh không diệt; nhan dân nước ấy sinh ra liền nghe pháp âm ấy, nên không khởi tâm ác, được vô sinh pháp nhẫn. Người như vậy thời đâu có các công đức bố thí, trì giới...? Cũng có người cuồng, người say theo Phật theo Tứ đế tức thời được đạo? Những người không có trí tuệ tu các pháp khác như vậy cũng đắc đạo, không có lẽ ấy.

Tu Bồ Đề hỏi Phật: Bát nhã rất ráo không, không lấy pháp thánh, không bỏ pháp phàm phu, có sao Phật nói Bát nhã ấy có thể đưa đến trú trong Nhất thiết trí?

Phật hứa khả lời ấy và nói: Như vậy, như vậy, Bát nhã ấy không lấy, không bỏ; tuy nói lấy Nhất thiết trí, nhưng vì không chấp thủ pháp nên lấy; nghĩa trú cũng như vậy. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Hết thấy pháp không có tướng chấp thủ. Hết thấy pháp là sắc cho đến Bồ đề; pháp ấy hư dối, từ nhân duyên sinh, không có tự tính cho nên không lấy; không lấy nên không bỏ, do không có ước niệm thủ tướng.

Tu Bồ Đề thưa: Nếu không ước niệm sắc, làm sao tăng trưởng căn lành? Căn lành không tăng trưởng, làm sao được Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật đáp: Nếu Bồ tát diệt được ước niệm đối với hết thấy pháp, tức là không, vô tướng, vô tác giải thoát; giải thoát tức là thật tướng các pháp. Tuy có căn lành mà vì tâm chấp thủ tướng điên đảo nên không tăng trưởng; thí như gieo lúa, lúa mạ tuy tốt, song vì cỏ rác nhiều nên không thể tăng trưởng. Trong đây nói nhân duyên: Vì chúng sinh ước niệm nên sinh vào chỗ thiện, bất thiện trong ba cõi; nếu không có ước niệm thời không đấm trước; không đấm trước thời không sinh. Tu Bồ Đề theo Phật, theo Phật nghe xong, suy nghĩ, trừ lượng pháp ấy rất ráo không, không có gì của chính nó; nếu hành pháp ấy cũng có thể không có được gì, không có chỗ trú, vì sao? Vì nhân quả giống nhau; thế nên hỏi Phật: Bồ Tát nghĩ rằng tu Bát nhã trú chỗ nào, được cái gì? Phật đáp: Không trú trong hết thấy pháp cho đến trong không trú cũng không trú; không thủ tướng nên không đấm trước; không đấm trước nên không trú. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ Tát không thấy pháp có thể chấp trước, có thể trú; không thấy người chấp trước, người trú. Trong đây vì pháp khó phá nên chỉ nói không chấp trước pháp, không trú pháp, mà không nói người trú, người chấp trước.

Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát trú nơi chúng sinh không, pháp không ấy nghĩ rằng: Ta tu được như vậy là lỗi, là lìa, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật là không chấp trước tướng, mà Bồ Tát ấy đem tâm chấp ngã, bên ngoài trước không, bên trong trước ngã, không như thật tu Bát nhã, nên nói xa lìa Bát nhã, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật là không trước tướng, vì tự tính không có vậy. Ở trên, vì chấp không nên mất, nay vì phá không nên được Bát nhã, nhưng lại chấp trước Bát nhã không có tự tính, nên lỗi; vì lỗi nên không được thọ ký. Nếu nghĩ rằng, trú trong Bát nhã có thể sinh Thí Ba la mật... cũng lại như vậy.

Hỏi: Nhân duyên cả hai đều bị lỗi như trên nói, có thể được; còn đây có gì bị lỗi?

Đáp: Cả hai đều bị lỗi trên vì chấp trước không, chấp trước vô tự tính, lại không thể tu Thí Ba la mật... mà sinh tà kiến, nên nghĩ rằng: Nếu pháp hoàn toàn không thì tu hành cái gì? Người ấy vì chẳng chấp trước không, chẳng chấp trước vô tính nên tu hành Thí Ba la mật... nghĩ rằng: Có thể không chấp trước không, không chấp trước vô tính mà tu công đức ấy, ấy là chơn đạo, cũng là bị lỗi, vì tâm kia còn có chỗ hy vọng. Nếu mất Bát nhã thời không thể tu Thí Ba la mật cho đến tâm đại bi, vì sao? Vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác là pháp chơn thật: Bát nhã ba la mật tương tự pháp ấy, các thiện pháp bố thí... không tương tự, vì còn chấp thủ tướng. Nếu Bồ Tát tự ức tưởng phân biệt hết thấy pháp tướng không thể chấp thủ, thời chư Phật biết người ấy đã được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tướng không chấp thủ là rốt ráo không, không thể chấp thủ, vì các tướng diệt, cũng vì khai thị, diễn nói cho người khác nên mất Bát nhã.

Người ấy vì tâm cầu không, nên lỗi; cầu vô tính cũng lỗi: Ta là người phạm phu sinh tử, các phiền não chưa sạch, làm sao đạt được? Chỉ theo lời Phật dạy, tự mình không phân biệt mà định tâm, vì người khác nói, không chấp thủ hết thấy tướng là thật pháp. Mỗi mỗi nhân duyên đem việc ấy khai thị, giáo hóa, ấy cũng là lỗi, vì sao? Vì chư Phật đối với các pháp không có sở đắc, nghĩa không có gì chấp thủ cũng như vậy. Pháp không thể thủ tướng, cho đến danh từ giả còn không thể nói, huống gì pháp có sở đắc? Các pháp tướng tịch diệt, không có hý luận, hết thấy đường ngôn ngữ dứt bật.

Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Nếu "không" có lỗi thời trong "không không" cũng có lỗi? Trong pháp không chấp thủ cũng có lỗi, nhưng không thể không có đạo? Nên nay hỏi Phật: làm sao tu hành không có lỗi lầm ấy?

Phật đáp: Nếu Bồ Tát biết các pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, không thể chấp thủ, pháp ấy không thể biết được; tu hành như vậy thời không lỗi. Bồ Tát nếu chấp trước rốt ráo không, chấp trước vô tính, chấp trước đạo tu hành; Phật nói cả ba đều có lỗi. Bồ Tát nghe xong thời bỏ tâm chấp trước, nay còn chấp trước sở hành của Phật, chưa bỏ: Như sở hành của Phật chắc chắn là chơn đạo, ta chỉ theo Phật tu hành, hết thấy pháp không có gì của chính nó, không chấp thủ tướng. Thế nên là lỗi. Nay có thể như pháp sở đắc trong tâm Phật, pháp tướng như vậy Phật cũng không có tâm sở đắc, vì không có sở đắc nên không tham quý Phật, không khinh hèn kẻ khác. Tâm kia bình đẳng đối với hết thấy chúng sinh.

Đây lại hỏi: Bát nhã thanh tịnh như vậy, không có lỗi lầm, lìa tự tướng, không chấp trước; không lìa tự tướng tức có chấp trước. Nếu lìa tự tướng, làm sao có thể tu hành.

Phật đáp: Nếu Bồ Tát đối với các pháp chẳng sinh, ấy gọi là tu Bát nhã. Bồ Tát ấy không nói sắc hoặc thường hoặc vô thường; không nói là sắc, sắc của ai là sắc, phá sắc, sắc của ai, phá người. Sắc cho đến Nhất thiết chủng cũng như vậy. Nếu pháp rốt ráo không, như vậy truy tìm không thể được; ấy là không thể sinh, vì có sao? Vì pháp có tự tính không thể sinh pháp có tự tính; pháp không có tự tính không thể sinh pháp không có tự tính. Phá các điên đảo được nghị luận chơn thật như vậy là đều do sức Bát nhã ba la mật; các Ba la mật khác đi theo; thí như Chuyển luân Thánh vương đến đâu, bốn binh chủng theo nấy. Do phước của Thánh vương nên bốn binh chủng đều có thể bay; do sức Bát nhã nên các pháp đều là thật tính, đồng đến Phật đạo.

\*Lại nữa, thí như khéo điều khiển xe bốn ngựa không đi sai đường. Ngựa tuy có sức kéo xe, nếu không có người điều khiển thì không thể đến được. Bồ thí... tuy có công đức quả báo, nếu không có Bát nhã điều khiển thì không thể đến Phật đạo. Mỗi mỗi thí dụ như vậy, năm Ba la mật vào trong Bát nhã ba la mật, tuy không có sai biệt nhưng vì việc ấy mà Bát nhã là tối tôn tối diệu.

Tu Bồ Đề nghe Phật mỗi mỗi nhân duyên nói Bát nhã tối đại, lại nghe nói không tu hành là tu hành Bát nhã, thế nên hỏi Phật: Thế nào là Bồ Tát đạo, thế nào chẳng phải Bồ Tát đạo? Phật đáp: Nhị thừa chẳng phải Bồ Tát đạo, tuy có kẻ phạm phu và các phiền não, chẳng phải Bồ Tát đạo, vì thô nên không nói; còn hàng Nhị thừa đồng tu hành Không, đồng cầu Niết bàn nên nói là chẳng phải Bồ Tát đạo. Việc thô, người ta không nghĩ; việc tế người ta nghĩ. Nhất thiết trí là Bồ Tát đạo, ấy là trong nhân nói quả. Tu Bồ Đề hoan hỷ tán thán Bát nhã rằng: Bát nhã ba la mật vì việc lớn nên sinh khởi, như trong Kinh nói rộng, cho đến vì các pháp thường trú.

Tu Bồ Đề gạn hỏi: Nếu Bát nhã không sinh không diệt, thì làm sao tu Bồ thí, trì giới...?

Phật đáp: Vì Bát nhã không sinh không diệt tức là rốt ráo không; vì rốt ráo không nên không trở ngại tu sáu Ba la mật. Bồ Tát nghe mỗi mỗi nhân duyên tán thán Nhất thiết trí; vì Nhất thiết trí nên tu Bồ thí; vì độ chúng sinh nên hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Công đức của sáu Ba la mật ấy an lập trong thật tướng các pháp mà hồi hướng đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như

vậy, Bồ Tát đầy đủ sáu Ba la mật và các công đức từ bi, không điên đảo, có thiện căn chính hạnh.

Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát nên làm sao tập hành sáu Ba la mật?

Phật đáp: Bồ Tát quán sắc pháp... không hợp không tán. Sắc pháp... do phiền não điên đảo hòa hợp nên hợp, do chính trí quán sát nên tán; Bồ Tát do lợi trí quán sát sâu xa thời không có pháp hợp, còn phiền não điên đảo hư dối nên chẳng phải hợp; như ở trước phá ô nhiễm và người ô nhiễm đã nói rõ. Thế nên Bồ Tát biết các pháp vốn không hợp nên cũng không tán, thời không sinh tâm cao ngạo.

\*Lại nữa, Bồ Tát không nên nghĩ rằng: Ta do trí tuệ chơn thật làm cho sắc pháp... thanh tịnh mà an trú trong đó, vì sao? Vì sắc pháp... không có chỗ trú; như đất trú nơi nước, nước trú nơi gió, gió trú nơi không, không không có chỗ trú; vì vốn không có chỗ trú nên hết thảy đều không trú. Bồ Tát nên như vậy trú trong pháp không trú mà được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong kinh này nói thí dụ: Hạt giống là Bát nhã ba la mật, quả là Vô thượng chánh đẳng chánh giác hãy nên gieo hạt giống Bát nhã. Người là hành giả, nước là năm Ba la mật; như người khi tưới tắm cây, tuy chưa thấy quả nhưng thời tiết đến thời se được; thời tiết hòa hợp là đầy đủ các pháp. Như trong kinh Tán thán Bát nhã: Nếu Bồ Tát muốn không làm theo kẻ khác thời nên hiểu được thật tướng các pháp; nếu người có tà kiến đi đến phá hoại, thì giác tỉnh mà không theo họ; nếu muốn nghiêm tịnh cõi Phật, ngời đạo tràng, Chuyển pháp luân, hãy nên học Bát nhã.

Tu Bồ Đề hỏi Phật: Như lời Phật dạy: Bồ Tát nên học Bát nhã?

Phật dạy: Ta dạy khiến học Bát nhã.

Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Hết thảy pháp tướng bình đẳng, có gì chỉ dạy học Bát nhã?

Phật đáp: Học Bát nhã ấy, đối với hết thảy pháp được tự tại, nên Ta dạy học Bát nhã. Bát nhã là tối đại đối với hết thảy pháp; như Phật là tối tôn giữa hết thảy chúng sinh. Lại như muôn sông, biển cả là lớn. Lại như trong kinh này nói ví dụ người bán cung. Nếu Bồ Tát có thể thực hành Bát nhã tự tại, đối với các pháp như vậy thời ma hoặc ma dân không thể hơn được, huống gì người tăng thượng mạn và người tà kiến? Bồ Tát ấy được mười phương chư Phật hộ niệm. Trong kinh đây, Phật nói: Nếu Bồ Tát tu sáu Ba la mật, cũng không thể quán sáu Ba la mật rốt ráo không; người như vậy có công phu lớn, nên được



chư Phật hộ niệm. Thí như dưng sĩ vào trận phá giặc mà không bị thương, được vua hộ niệm; Bồ Tát cũng như vậy, phá giặc phiền não, đầy đủ sáu Ba la mật mà không đấm trước sáu Ba la mật thời được Phật hộ niệm; không chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức của Bồ Tát ấy, nên hộ niệm, vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức là pháp hư dối, không thật; chư Phật, quán thân Bồ Tát ấy đúng như thật tướng nên hộ niệm. Tu Bồ Đề hoan hỷ thưa: Bồ Tát học nhiều, cũng học pháp thế tục, cũng học đạo, cũng học Ba la mật, cũng học rốt ráo không, cũng học khởi, cũng học diệt. Phạm phu thì học khởi, không thể học diệt; Thanh văn học diệt, không thể học khởi; còn Bồ Tát cũng học khởi, cũng học diệt; thế nên nói có nhiều sở học. Pháp khởi diệt ấy như huyễn, như mộng, rốt ráo không, nên thật không có học gì. Phật hứa khả lời ấy, tự nói nhân duyên: Sở học của Bồ Tát đều không có sở đắc.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Phật nói pháp hoặc lược hoặc rộng, Bồ Tát nên học; vì sao lại nói sở học đều không có sở đắc? Ý Tu Bồ Đề là: Như Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp tu, mười hai bộ loại kinh hoặc rộng hoặc lược, là pháp sở học của ba thừa. Trong đây nói Bồ Tát muốn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác nên học sáu Ba la mật hoặc lược hoặc rộng. Học là nên thọ trì, thân cận pháp ấy; đọc tụng, suy nghĩ, quán sát đúng, cho đến vào vô tướng tam muội, tâm tâm số pháp không hiện hành. Bồ Tát học được như vậy thời biết được tướng rộng, tướng lược của các pháp. Rộng là từ tám vạn bốn ngàn pháp tu cho đến vô lượng thật pháp; lược là cho đến tiểu phẩm kinh, một phẩm trong tiểu phẩm kinh, một đoạn trong một phẩm.

\*Lại nữa, lược là biết các pháp hết thảy không, vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt; rộng là các pháp phân biệt mỗi mỗi tướng như trong phẩm Thiện tri thức ở sau sẽ nói.

Tu Bồ Đề hỏi: Làm sao Bồ Tát biết được tướng lược, tướng rộng của hết thảy các pháp?

Phật đáp: Nếu biết được các pháp như, như tướng; nghĩa là không sinh, không diệt, không trụ dị.

Hỏi: Nếu như là tướng một, tướng vô sinh, làm sao Bồ Tát vì biết như ấy nên biết tướng chung, tướng riêng của các pháp: Tướng chung tức là tướng lược, tướng riêng tức là tướng rộng?

Đáp: Như, là thật tướng của pháp thường trú không hoại, không theo các lối quán sát. Bồ Tát được "như" ấy tức là phá các điên đảo vô minh tà kiến; người

ấy vì được thật pháp nên biết rõ ràng tướng chung, tướng riêng của hết thầy pháp thế gian. Hàng phàm phu con mắt tuệ có bệnh, vì vô minh điên đảo che lấp nên không thể biết như thật.

Hỏi: Tướng thật pháp là không, vô tướng, vô tác, các trí bật dứt, làm sao nói được tướng như thật? Biết rõ ràng tướng chung, tướng riêng của các pháp?

Đáp: Trước ta đã đáp mà ông đối với "như" còn thủ tướng nên lại vẫn nạn. Nếu ông biết "như" thì không nên vẫn nạn. Như ấy rốt ráo vô tướng nên không ngăn ngại biết tướng chung, tướng riêng các pháp, vì con mắt trí tuệ rõ ràng.

\*Lại nữa, thí như người tuổi đã lớn mới biết việc làm của mình khi nhỏ đều là ngu si, đáng cười. Bồ Tát cũng như vậy, từ trong thật tướng các pháp khởi lên rồi trở lại, đối với sáu căn theo quả báo điên đảo, nghĩ đến cái vui tịch diệt giải thoát mới biết những điều ưa đắm của sáu căn thế gian đều là hư dối, đáng bỏ; ấy gọi là tướng chung. Ở trong đó phân biệt bất tịnh có thượng, trung, hạ; phân biệt vô thường, khổ, không, vô ngã cũng như vậy, cho đến tám vạn bốn ngàn sai lầm.

\*Lại nữa, biết như như, pháp tính, thật tế nên cũng biết tướng chung, tướng riêng của các pháp. Nghĩa sai khác giữa như như, pháp tính, thật tế như trong phẩm đầu đã nói. Ở đây Phật nói chẳng phải biên tế là thật tế. Chẳng phải biên tế là không có tướng có thể chấp thủ, không có pháp nhất định có thể chấp trước, vì được pháp tính nên biết mười tám tính của sắc... đều là pháp tính. Tướng của pháp tính là Phật nói không phân, không chẳng phân. Không phân là không thể chỉ bày cái kia, cái này, không có phân biệt; không có tướng, không có lượng; không chẳng phân là không chấp trước vô tướng ấy; vô lượng là phá tướng lượng, pháp tính vì hai việc ngăn ngại nên không thấy: Một là không thấy có tướng có lượng; hai là thấy không tướng không lượng. Có tướng có lượng là thô; không tướng không lượng là tế. Thế nên nói, tướng của pháp tính không phân, không chẳng phân. Bồ Tát vào ba môn giải thoát, trú trong ba thật pháp là như như, pháp tính, thật tế thì có thể trừ lượng, biết tướng chung, tướng riêng của các pháp. Tu Bồ Đề nghe Phật đáp xong, lại muốn hỏi Phật về các phương diện khác của vô lượng Phật pháp. Phật đáp: Biết hết thầy pháp không hợp không tán thì biết tướng chung, tướng riêng của các pháp.

Hỏi: Mắt thấy hai ngón tay có hợp có tán, vì sao nói không hợp không tán?

Đáp: Trước ta đã nói, cái thấy của mắt thịt với trâu dê thấy không khác nhau, không đáng tin. Lại nữa, ba đốt da bọc thịt gọi là ngón tay; ngón tay không có

pháp nhất định. Lại, giả sử có ngón tay cũng không thể hợp hết, chỉ hợp một phần, còn nhiều phần khác không hợp; vì nhiều phần không hợp nên không được nói ngón tay hợp.

Hỏi: Một ít phần hợp nên gọi là hợp?

Đáp: Một ít phần thời không gọi là ngón tay, làm sao nói ngón tay hợp? Nếu nhiều phần không hợp thời không gọi là không hợp, có gì vì một ít mà lại gọi là hợp? Thế nên không được nói hai ngón tay hợp.

\*Lại nữa, ngón tay với từng phần không khác, không một, tức là không có ngón tay; không có ngón tay nên không hợp. Ở trong môn phá một khác, thời hoàn toàn không có hợp, như Phật nói trong đây: Hết thầy pháp, tự tính không có; tự tính không có nên tức là không có pháp; không có pháp thời làm sao có hợp, có tán? Tu Bồ Đề nghe Phật nói như như, pháp tính, thật tế không hợp không tán; biết tướng lược, tướng rộng, thế nên Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, ấy gọi là lược nhiếp Bát nhã ba la mật. Lược nhiếp là con đường an ổn nên các Bồ Tát nên học.

(Hết cuốn 82 theo bản Hán)

--o0o--

## Cuốn 83

Kinh: Bạch Đức Thế Tôn, môn lược nhiếp Bát nhã ấy hàng lợi căn Bồ Tát có thể ngộ nhập.

Phật dạy: Độn căn Bồ Tát cũng có thể ngộ nhập, trung căn Bồ Tát, tán tâm Bồ Tát cũng có thể ngộ nhập; môn ấy vô ngại, nếu Bồ Tát nhất tâm học đều vào được. Người giải đãi thiếu tinh tấn, vọng niệm, loạn tâm không thể vào được; người tinh tấn, không giải đãi, chánh niệm nhiếp tâm có thể vào. Người muốn trú địa vị bất thoái chuyển muốn mau đến trí Nhất thiết chủng có thể vào. Bồ Tát nên học như Bát nhã ba la mật đã dạy cho đến nên học như Thí Ba la mật đã dạy; Bồ Tát ấy sẽ được Nhất thiết trí. Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật, các ma sự muốn khởi lên liền dứt. Vì vậy nên Bồ Tát muốn được sức phương tiện hãy tu Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ Tát hành như vậy, tập như vậy, tu như vậy Bát nhã ba la mật, khi ấy chư Phật hiện tại trong vô lượng vô số quốc độ nghĩ đến vị Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật ấy, vì sao? Vì từ trong Bát nhã phát sinh chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì vậy nên Bồ Tát nên suy nghĩ như vậy: Pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chứng được, ta cũng sẽ được. Như vậy, Bồ Tát nên tập Bát nhã ba la mật, nếu tập Bát nhã ba la mật như vậy mau được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì vậy nên Bồ Tát thường nên không xa lìa Nhất thiết trí. Nếu Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật như vậy cho đến trong khoảng khắc gảy móng tay, phước đức của Bồ Tát ấy rất nhiều. Nêu có người dạy cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, tự ý bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ; dạy khiến được giải thoát, giải thoát tri kiến; dạy khiến được quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, không bằng vị Bồ Tát ấy tu Bát nhã trong khoảng khắc gảy móng tay, vì sao? Vì từ trong Bát nhã sinh ra bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật. Mười phương chư Phật hiện tại cũng từ trong Bát nhã sinh; chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai cũng từ trong Bát nhã sinh.

\*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên nghĩ tới Nhất thiết trí tu Bát nhã ba la mật, hoặc trong giây lát hoặc nửa ngày, hoặc một ngày, hoặc một tháng, hoặc trăm ngày, hoặc một năm, hoặc trăm năm, hoặc một kiếp, trăm kiếp cho đến vô lượng vô biên vô số kiếp, phước đức của Bồ Tát tu Bát nhã ấy rất nhiều, hơn dạy cho chúng sinh trong mười phương hằng hà sa số thế giới bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến; hơn dạy khiến được quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật, vì sao? Vì chư Phật từ trong Bát nhã sinh, dạy bố thí, trì giới,

thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, Tu Bồ Đề quả cho đến đạo Bích chi Phật.

Nếu có Bồ Tát an trú như Bát nhã dạy, nên biết Bồ Tát ấy là vị bất thoái chuyển, được Phật hộ niệm. Thành tựu sức phương tiện như vậy, nên biết Bồ Tát ấy thân cận cúng dường vô lượng ngàn vạn ức Phật, gieo trồng căn lành, đi theo thiện tri thức lâu ngày tu sáu Ba la mật, lâu ngày tu mười tám không, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, mười lực của Phật cho đến trí Nhất thiết chủng. Nên biết Bồ Tát ấy ở địa vị làm con của đấng Pháp vương, đầy đủ thiện nguyện, thường không lìa Phật, không lìa các căn lành, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Nên biết Bồ Tát ấy có biện tài vô tận, đầy đủ Đà la ni, đầy đủ sắc thân, đầy đủ sự thọ ký, nên vì chúng sinh mà thọ thân. Nên biết Bồ Tát ấy khéo biết môn văn tự, khéo biết chẳng phải môn văn tự; khéo nói, khéo chẳng nói, khéo nói một lời, khéo nói hai lời, khéo nói nhiều lời; khéo biết người nam nói, khéo biết người nữ nói; khéo biết sắc cho đến thức; khéo biết tính thế gian; khéo biết tính Niết bàn; khéo biết tướng pháp; khéo biết tướng hữu vi; khéo biết tướng vô vi; khéo biết pháp có, khéo biết pháp không; khéo biết tự tính, khéo biết tha tính; khéo biết pháp hợp, khéo biết pháp tán; khéo biết pháp tương ứng, khéo biết pháp không tương ứng; khéo biết như, khéo biết chẳng như; khéo biết pháp tính, khéo biết pháp vị, khéo biết duyên, khéo biết vô duyên; khéo biết âm, khéo biết giới, khéo biết nhập; khéo biết bốn đế; khéo biết mười hai nhân duyên; khéo biết thiên; khéo biết sáu Ba la mật, khéo biết bốn niệm xứ cho đến khéo biết trí Nhất thiết chủng; khéo biết tính hữu vi, khéo biết tính vô vi; khéo biết tính có, khéo biết tính không; khéo biết quán sắc, khéo biết quán thọ, tưởng, hành, thức, cho đến khéo biết quán trí Nhất thiết chủng; khéo biết sắc, sắc tướng không; khéo biết thọ, tưởng hành thức, thức tướng không, cho đến khéo biết Bồ đề, Bồ đề tướng không; khéo biết đạo xả bỏ, khéo biết đạo không xả bỏ; khéo biết sinh, khéo biết diệt, khéo biết trụ dị; khéo biết dục, khéo biết sân, khéo biết si, khéo biết không dục, khéo biết không sân, khéo biết không si; khéo biết thấy, khéo biết chẳng thấy, khéo biết tà kiến, khéo biết chánh kiến, khéo biết hết thấy kiến; khéo biết danh, khéo biết sắc, khéo biết danh sắc, khéo biết nhân duyên, khéo biết tăng thượng duyên; khéo biết hành tướng; khéo biết khổ, khéo biết tập, khéo biết diệt, khéo biết đạo; khéo biết địa ngục, khéo biết ngạ quỷ, khéo biết súc sinh, khéo biết người, khéo biết trời; khéo biết cõi địa ngục, khéo biết cõi ngạ quỷ, khéo biết cõi súc sinh, khéo biết cõi người, khéo biết cõi trời; khéo biết Tu đà hoàn, khéo biết quả Tu đà hoàn, khéo biết đạo Tu đà hoàn, khéo biết Tư đà hoàn, khéo biết quả Tư đà hoàn, khéo biết đạo Tư đà hoàn, khéo biết A na hàm, khéo biết quả A na hàm, khéo biết đạo A na hàm, khéo biết A la hán, khéo biết quả A la hán,

khéo biết đạo A la hán, khéo biết Bích chi Phật, khéo biết quả Bích chi Phật, khéo biết đạo Bích chi Phật, khéo biết Phật, khéo biết trí Nhất thiết chủng, khéo biết đạo trí Nhất thiết chủng; khéo biết các căn, khéo biết các căn đầy đủ; khéo biết tuệ, khéo biết tột tuệ, khéo biết tuệ có lực, khéo biết tuệ lanh lợi, khéo biết tuệ xuất ly, khéo biết thông đạt, khéo biết tuệ rộng lớn, khéo biết tuệ thâm sâu, khéo biết tuệ lớn, khéo biết tuệ vô đẳng, khéo biết tuệ như thật; khéo biết đời quá khứ, khéo biết đời vị lai, khéo biết đời hiện tại; khéo biết phương tiện, khéo biết đọi chúng sinh, khéo biết tâm, khéo biết tâm sâu xa, khéo biết nghĩa, khéo biết lời nói; khéo biết phân biệt ba thừa.

Này Tu Bồ đề, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật sinh Bát nhã ba la mật, tu Bát nhã ba la mật được các lợi ích như vậy.

Luận: Ý Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Do bốn cửa đi vào tụy an ổn, song vì rất sâu xa nên chỉ kẻ lợi căn mới vào được.

Phật đáp: Không ai không vào được. Tu Bồ Đề hiểu chỉ người có lợi căn trí tuệ vào được, còn ý Phật thì người chỉ có nhất tâm tinh tấn muốn học đều có thể vào được. Thí như lúc nóng bức gập ao nước trong mát, người có mắt có chân đều có thể vào, còn người tuy ở gần mà không muốn vào thời không vào. Bốn cửa vào ao Bát nhã ba la mật cũng như vậy, bốn phương chúng sinh có ngăn ngại gì. Người không giải đãi là người chánh tinh tấn, người không vọng niệm là người có chánh niệm, người không loạn tâm là người có chánh định. Bốn cửa như vậy là chánh kiến, chánh kiến... an trú, là giới hạnh; tám thánh đạo ấy có thể được Bát nhã ba la mật. Tu Bồ Đề là người Tiểu thừa trí mỏng, nên chỉ nói người lợi căn mới vào được, còn Phật Đại thừa trí lớn nên nói tụy hàng trung căn, độn căn mà tu tập tám pháp cũng có thể vào bốn cửa ấy. Trong đây, Phật vì tâm đại bi nên nói hàng trung căn, độn căn đều có thể vào được. Nếu Bồ Tát học sáu Ba la mật như Bát nhã đã nói thời không bao lâu sẽ được Nhất thiết trí. Như trong pháp Thanh văn, không chỉ do chánh kiến đắc đạo mà còn do cả tám thánh đạo hợp thành; pháp Đại thừa cũng như vậy, không chỉ học Bát nhã được Nhất thiết trí, mà còn phải hợp với năm Ba la mật kia mới được. Thế nên nói Bồ Tát đúng như Bát nhã đã nói nên học được trí Nhất thiết chủng.

Hỏi: Ở trên chỉ nói Bát nhã hay đưa đến trí Nhất thiết chủng, nay có sao lại nói hợp cùng với năm Ba la mật mới được đến?

Đáp: Thường nói hợp cùng sáu Ba la mật nên được đến; hoặc có khi ở cõi Phật thanh tịnh, chỉ nghe thật tướng là đến được Nhất thiết trí, không cần thứ lớp tu

các Ba la mật. Trong đây nói, Bồ Tát được Nhất thiết trí thời chỉ do công của Bát nhã đã đủ, nên nay chỉ tán thán thể lực của người tu Bát nhã. Như trong kinh này nói: Bồ Tát hành Bát nhã thời ma sự có khởi lên liền dứt.

Từ trên kia, chư Phật hộ niệm cho đến đây đều là tán thán công đức Bồ Tát hành Bát nhã cho đến phân biệt khéo biết ba thừa. Khéo biết môn văn tự là như đã nói trong văn tự Đà la ni. Môn chẳng văn tự là: Như như, pháp tính, thật tế, trong đó không có văn tự. Nói lược là Bồ tát có lực phước đức vô lượng nên khéo biết hai pháp, là thế gian và Niết bàn; nếu muốn mất Niết bàn thời trở lại nghĩ đến thế gian. Tu tập các phước đức nên khéo biết chữ, phá điền đảo đối với phước đức nên khéo biết chẳng phải có chữ. Lời nói, chẳng phải lời nói cũng như vậy. Một lời nói là do một lời nói có thể phân biệt nhiều ít, lời nói trong sạch, lời nói không trong sạch. Một lời, hai lời, nhiều lời, trai nói, gái nói, âm thanh khác nhau. Bồ tát khéo biết việc ấy nên hàng phục các tà đạo và các kẻ hiểu thắng. Khéo biết sắc cho đến thức hai tướng hoặc thường hoặc vô thường, như trước nói. Khéo biết đạo xả bỏ là Bồ Tát từ một địa, đến một địa, xả bỏ địa dưới không ưu, được địa trên không tham; đạo chẳng xả bỏ là trú trong địa ấy không bỏ. Tà kiến tiếp thế gian chánh kiến, hết thấy kiến, các kiến học, vô học. Hành là mười sáu hành. Khéo biết Tu đà hoàn là khéo biết người; đạo Tu đà hoàn là kiến đế đạo; quả Tu đà hoàn là Tâm tâm số pháp thứ mười sáu và vô lậu giới... cho đến Phật cũng như vậy. Khéo biết các căn là khéo phân biệt hai mươi hai căn. Có người nói xem chúng sinh có thể độ căn có lợi, độn; người đầy đủ căn có thể độ, người không đầy đủ căn chưa thể độ. Lại Bồ Tát cũng tự biết căn lành đầy đủ, không đầy đủ; như chim con tự biết lông cánh đầy đủ mới có thể bay. Tuệ là tướng chung của hết thấy trí tuệ. Tật tuệ là mau biết các pháp. Có người tuy mau mà trí lực không mạnh; như ngựa tuy chạy mau mà sức yếu. Có người tuy mạnh mà trí lực không lanh; thí như búa đầu tuy có sức mạnh mà không thể chặt cây. Tuệ ra khỏi là ở trong các vấn nạn có thể tự ra khỏi, cũng có thể ở trong các phiền não tự ra khỏi, cũng có thể ở trong các phiền não tự ra khỏi ba cõi mà vào Niết bàn. Tuệ thông đạt là rất ráo thông suốt Phật pháp, cho đến lậu hoặc dứt sạch, được Niết bàn, phá các pháp để đi vào pháp tính. Tuệ rộng lớn là các kinh sách, luận nghị giữa đời và đạo không có trong pháp mà có thể biết hết. Tuệ thâm sâu là quán hết thấy pháp vô tướng không ngại, không thể nghĩ nghĩ. Trí tuệ sâu của thế gian là có thể biết việc lâu xa, việc trong lợi có suy, trong suy có lợi. Tuệ lớn là tổng quát các tuệ trên gọi là lớn; lại trong hết thấy chúng sinh, Phật là lớn; trong hết thấy pháp. Bát nhã là lớn; biết Phật và tin pháp cùng với đại pháp hòa hợp nên gọi là lớn. Tuệ vô đẳng là ở trong Bát nhã mà không chấp trước Bát nhã, vào sâu được như vậy, không còn

pháp gì có thể ví dụ nên gọi là vô đẳng. Lại nữa, Bồ Tát dần dần hành đạo đạt đến tính không thể nghĩ nghĩ, không có gì sánh bằng nên gọi là vô đẳng. Tuệ như thật là như ngọc như ý không có màu sắc nhất định, tùy theo vật đối diện trước nó mà biến màu; Bát nhã cũng như vậy, không có tướng nhất định, chỉ tùy theo các pháp hành. Lại, như ngọc như ý, tùy ước nguyện đều đạt được; Bát nhã cũng như vậy, người thực hành Bát nhã có thể đạt ước nguyện thành Phật, hưởng gì các ước nguyện khác. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, không được nói rằng có, không được nói rằng không; hành được thật tướng trong đó, ấy gọi là khéo biết. Pháp hiện tại niệm niệm sinh diệt, không thể biết mà có thể thông đạt, ấy gọi là khéo biết đời hiện tại. Phương tiện là muốn thành tựu công việc phải có đầy đủ nhân duyên nhiều ít thích hợp, không bị sai lạc mới được. Như Bồ Tát tuy tập hành không, mà không chứng thật tế; tuy tập hành phước đức cũng không đấm trước. Đợi chúng sinh là như khách buôn, đại tướng, tuy cỡi ngựa nhanh, có thể mau đến nơi, song cố đợi mọi người; Bồ Tát cũng như vậy, cỡi ngựa tài trí tuệ, tuy có thể mau vào Niết bàn, cũng đợi chúng sinh nên không vào. Khéo biết tâm thiện ác của chúng sinh, tâm sâu xa là hiện tại tuy ác, nhưng vốn nó là thiện. Như cha mẹ đánh con, bên ngoài ác mà bên trong thiện; như Phật độ chàng Ương quật ma la, biết nó tâm hiện ra bên ngoài tuy ác mà thâm tâm thật thiện. Bồ Tát quán xét chúng sinh đủ năm thiện căn tín, tấn, niệm, định, tuệ từ trong tâm sâu xa đi đến, khi ấy có thể độ được. Nghĩa có hai: Cũng chỉ pháp, cũng chỉ tên. Ngữ là lời nói, dùng danh từ để gọi vật. Được nghĩa vô ngại, pháp vô ngại nên gọi là khéo biết nghĩa. Được từ vô ngại, vui nói vô ngại nên gọi là khéo biết ngữ. Bồ Tát có hai việc khéo biết ấy có thể đem pháp ba thừa độ chúng sinh, ấy gọi là khéo biết phân biệt ba thừa. Như vậy, vì khó hiểu nên nói, còn điều dễ hiểu không nói.

Hỏi: Cớ sao trước nói khéo biết sắc cho đến thức, sau mới nói khéo biết ấm, giới, nhập? Cớ sao trước nói khéo biết duyên sau mới khéo biết nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên?

Đáp: Trước nói rộng, sau nói lược. Lại có người nói: Trước nói ngũ uẩn có ba thứ: Thiện, bất thiện và vô ký. Giới uẩn, định uẩn... cũng gọi là năm uẩn. Duyên trước nói lược, sau nói rộng.



## Giải thích Phẩm Ba Tuệ thứ 70

**Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát làm thế nào hành Bát nhã ba la mật? Sinh Bát nhã ba la mật? Tu Bát nhã ba la mật?**

Phật dạy: Vì sắc tịch diệt, vì sắc không, vì sắc hư dối, vì sắc không chắc thật nên hành Bát nhã ba la mật; vì thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Như ông hỏi: Làm thế nào sinh Bát nhã ba la mật? Vì như hư không sinh nên sinh Bát nhã ba la mật. Như ông hỏi: Làm thế nào tu Bát nhã ba la mật? Tu các pháp hoại nên tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, hành Bát nhã ba la mật, sinh Bát nhã ba la mật, tu Bát nhã ba la mật trải qua bao nhiêu thời gian?

Phật dạy: Từ khi mới phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng nên hành, nên sinh, nên tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, tâm thứ lớp có thể hành Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Thường không bỏ tâm Nhất thiết trí, không đề các niệm khác xen vào, là hành Bát nhã ba la mật, là sinh Bát nhã ba la mật, là tu Bát nhã ba la mật. Nếu tâm tâm số pháp không hiện hành là hạnh Bát nhã ba la mật, là sinh Bát nhã ba la mật, là tu Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát tu Bát nhã ba la mật sẽ được Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy: Được.

Bạch đức Thế Tôn, không tu Bát nhã ba la mật được Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, tu và không tu được Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, chẳng phải tu chẳng phải không tu được Nhất thiết trí chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu không như vậy thì làm sao sẽ được Nhất thiết trí?

Phật dạy: Bồ Tát được Nhất thiết trí như tướng Như.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao như tướng Như? Như thật tế.

Làm sao như thật tế? Như pháp tính.

Làm sao như pháp tính? Như ngã tính, chúng sinh tính, thọ mạng tính.

Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là ngã tính, chúng sinh tính, thọ mạng tính?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Ngã, chúng sinh, thọ mạng có thể có được chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Không thể có được.

Phật dạy: Nếu ngã, chúng sinh, thọ mạng không thể có được, làm sao nói có ngã tính, chúng sinh tính, thọ mạng tính? Nếu trong Bát nhã không nói có hết thấy pháp sẽ được trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề thưa: Chỉ Bát nhã là không thể nói hay Thiên Ba la mật cho đến Thí Ba la mật cũng không thể nói?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bát nhã không thể nói, bố thí cho đến hết thấy pháp hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc Thanh văn, hoặc Bích chi Phật, hoặc Bồ Tát, hoặc Phật cũng không thể nói.

Bạch Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không thể nói, làm sao nói đó là địa ngục, là súc sinh, là ngạ quỷ, là người, là trời, là Tu đà hoàn, là Tư đà hàm, là A na hàm, là A la hán, là Bích chi Phật, là chư Phật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Danh từ chúng sinh ấy thật có thể có được chăng? Bạch Đức Thế Tôn, không thể có được.

Phật dạy: Nếu chúng sinh không thể có được, làm sao nói có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, Tu đà hoàn cho đến Phật? Như vậy, Tu bồ đề, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên học hết thấy pháp không thể nói.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát khi học Bát nhã ba la mật nên học sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến nên học trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát khi học Bát nhã ba la mật nên học sắc không thêm không bớt cho đến nên học trí Nhất thiết chủng không thêm không bớt.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, làm sao học sắc không thêm không bớt cho đến học trí Nhất thiết chủng không thêm không bớt?

Phật dạy: Vì không sinh không diệt nên học.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao gọi là không sinh không diệt nên học?

Phật dạy: Không khởi không làm các hành nghiệp hoặc có hoặc không.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao không khởi không làm các hành nghiệp hoặc có hoặc không?

Phật dạy: Quán các pháp tự tướng không.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao nên quán các pháp tự tướng không?

Phật dạy: Nên quán sắc, sắc tướng không; nên quán thọ, tướng, hành, thức, thức tướng không; nên quán mắt, tướng mắt không, cho đến ý; sắc cho đến pháp; nhãn thức giới cho đến ý thức giới, tướng ý thức giới không; nên quán nội không, tướng nội không không, cho đến nên quán tự tướng không, tướng tự tướng không không; nên quán bốn thiền, tướng bốn thiền không, cho đến diệt thọ tướng định, tướng diệt thọ tướng định; nên quán bốn niệm xứ, tướng bốn niệm xứ không, cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác không. Như vậy, Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật nên hành các pháp tự tướng không.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu sắc, sắc tướng không, cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác không, làm sao Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Không hành là hành Bát nhã ba la mật.

Bạch Đức Thế Tôn, làm sao không hành là hành Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bát nhã ba la mật không thể có được, Bồ Tát không thể có được, hành cũng không thể có được; người hành, pháp hành, chỗ hành cũng không thể có được; ấy gọi là Bồ Tát hành không hành Bát nhã ba la mật, vì hết thủy hý luận không thể có được.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu không hành là hành Bát nhã ba la mật, vậy Bồ Tát khi mới phát tâm, làm sao hành Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây, nên học không, không có sở đắc. Bồ Tát ấy dùng không có sở đắc nên bố trí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, vì không có sở đắc nên tu trí tuệ; cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, thế nào gọi là có sở đắc? Thế nào gọi là không có sở đắc?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Có hai là có sở đắc, không có hai là không có sở đắc.

Bạch Đức Thế Tôn, hai cái gì là có sở đắc, không hai cái gì gọi là không có sở đắc?

Phật dạy: Mắt và sắc là hai, cho đến ý và pháp là hai, cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác và Phật là hai; ấy gọi là hai.

Bạch Đức Thế Tôn, không có sở đắc từ trong có sở đắc hay không có sở đắc từ trong không có sở đắc.

Phật dạy: Không có sở đắc chẳng từ trong có sở đắc; không có sở đắc chẳng từ trong không có sở đắc. Nay Tu Bồ Đề, có sở đắc, không có sở đắc; bình đẳng ấy gọi là không có sở đắc. Như vậy, Bồ Tát đối với có sở đắc, không có sở đắc bình đẳng ấy nên học. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát học Bát nhã như vậy gọi là người không có sở đắc, không có lỗi lầm.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không hành có sở đắc, không hành không có sở đắc, làm sao từ một địa đến một địa được trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không trú trong có sở đắc, từ một địa đến một địa, vì sao? Vì trú trong có sở đắc thời không thể từ một địa đến một địa, vì sao? Vì vô sở đắc là tướng Bát nhã ba la mật, vô sở đắc là tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vô sở đắc cũng là tướng người hành Bát nhã ba la mật. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật như vậy.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bát nhã không thể có được, v cũng không thể có được, người hành Bát nhã cũng không thể có được, làm sao Bồ Tát phân biệt được các pháp tướng là sắc, là thọ, tướng, hành, thức cho đến là Vô thượng chánh đẳng chánh giác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không thủ đắc sắc, không thủ đắc thọ, tưởng, hành, thức cho đến không thủ đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật, sắc không thể có được cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác không thể có được, làm sao đầy đủ Thí Ba la mật cho đến đầy đủ Bát nhã ba la mật để vào pháp vị; vào rồi làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi chuyển bánh xe pháp, làm Phật sự độ chúng sinh khỏi vòng sinh tử?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát không vì sắc nên hành Bát nhã ba la mật, cho đến không vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác nên hành Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát vì việc gì nên hành Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Không vì việc gì nên hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì hết thầy pháp không có làm gì, Bát nhã ba la mật cũng không có làm gì, Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng không có làm gì, Bồ Tát cũng không có làm gì. Như vậy, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật không có làm gì.

Luận: Người nghe nghe tán thán công đức Bát nhã khéo biết hết mọi việc mà yêu quý Bát nhã, dùng phương tiện muốn được. Tu Bồ Đề biết ý mọi người nên hỏi Phật: Làm sao hành Bát nhã? Làm sao sinh? Làm sao tu? Có người nói: Hành là ở địa vị Càn tuệ; Sinh là ở địa vị được Vô sinh nhẫn; Tu là sau địa vị Vô sinh nhẫn, do Thiên Ba la mật huân tu Bát nhã. Phật đáp: Nam uẩn là nơi tâm thể gian hiện hành, trói buộc; Niết bàn là tướng tịch diệt. Bồ Tát do sức trí tuệ Bát nhã thông lợi nên có thể phá năm uẩn, thông đạt làm cho không, tức là tướng Niết bàn tịch diệt. Từ tịch diệt khởi xuất trú trong sáu căn, trở lại nghĩ tới tướng tịch diệt, biết các pháp đều không, hư dối không chắc thật; ấy gọi là Bát nhã. Hành Bát nhã không có định tướng nên không được nói hoặc có hoặc không, vì đường nói năng dứt bật; "không" như hư không, thế nên nói như hư không sinh. Lại, như hư không, trong hư không không có pháp sinh, hư không cũng không thể có sinh gì, vì sao? Vì hư không không có pháp, không có hình, không có xúc chạm, không có tướng tạo tác; Bát nhã cũng như vậy.

Lại có người nói: Có hư không, chỉ vì nó là pháp thường, không có tạo tác nên không sinh; ấy là định tướng của hư không. Trong Đại thừa, hư không là không có thật pháp, không được nói nó thường, không được nói nó vô thường; không

được nói có, không được nói không; không được nói chẳng phải có chẳng phải không; dứt hết hí luận, không nhiễm không trước cũng không có văn tự; Bát nhã cũng như vậy, hay quán thể gian tự như hư không; ấy gọi là sinh Bát nhã ba la mật. Bồ Tát được Bát nhã rồi, vào sâu thiền định, do sức Bát nhã nên quán và duyên của thiền định đều phá hoại, vì sao? Vì Bát nhã xả bỏ hết thấy pháp, không trước tướng; ấy gọi là tu Bát nhã ba la mật. Người nghe nghĩ rằng: Hết thấy pháp đều có thời tiết, thế nên Tu Bồ Đề hỏi: Hành Bát nhã phải trải qua bao nhiêu thời gian? Phật đáp: từ khi mới phát tâm tu cho đến khi ngồi đạo tràng.

Hỏi: Bồ Tát từ khi mới phát tâm nên tu mười địa, sáu Ba la mật, ba bảy phẩm trợ đạo, hết thấy thiện pháp, có sao chỉ nói hành Bát nhã?

Đáp: Tu Bồ Đề chỉ hỏi Bát nhã nên Phật chỉ đáp hành Bát nhã. Lại, hết thấy pháp đều hòa hợp với Bát nhã, vì Bát nhã lớn nên không nói các pháp khác.

Hỏi: Bát nhã vô lượng vô hạn, có gì lấy việc ngồi đạo tràng làm giới hạn?

Đáp: Trước đã đáp: Bát nhã khi đến trong tâm Phật, chuyển lại gọi là Nhất thiết trí; lý tuy một mà danh từ đã đổi, nên nói siêng tu cho đến khi ngồi đạo tràng. Bồ Tát đến đạo tràng, từ khi phát tâm lại đây, những pháp tu được đều xả bỏ, được vô ngại giải thoát nên thông suốt cả ba đời.

Hỏi: Trong khoảnh khắc gảy móng tay gồm có 60 niệm, niệm niệm sinh diệt, làm sao một tâm có thể thường niệm Nhất thiết trí không để cho niệm khác xen vào?

Đáp: Tâm có hai thứ: Một là tâm niệm niệm sinh diệt; hai là tâm thứ lớp nối nhau sinh, chung gọi là một tâm. Vì thứ lớp nối nhau sinh nên tuy có nhiều mà gọi là một tâm. Khi ấy không để cho tâm tham, giận tiếp tục xen vào, vì sao? Vì tâm tham, giận trụ lâu thời có thể làm chướng ngại Bát nhã; niệm ít thời không hại. Đây là vì hàng Bồ Tát mới phát tâm mà nói.

Lại có đại Bồ Tát tuy hành các thiện pháp khác mà đều hòa hợp với Bát nhã nên có thể làm cho trong mỗi niệm các tâm khác không xen vào. Bồ Tát phần nhiều đối với Bát nhã khởi lên các hí luận và các tà kiến, nên Phật dạy thường nghĩ đến Nhất thiết trí, đừng để các tâm khác xen vào. Thường nghĩ đến là tâm không hướng đến chỗ khác, giả sử chết đến bên mình cũng không quên Nhất thiết trí. Tướng tu hành Bát nhã là không hành theo tâm tâm số pháp.

Hỏi: Người phạm phu vào vô tướng định hoặc sinh cõi trời vô tướng. Bậc thánh nhân trú ở Hữu dư Niết bàn, vào Diệt tận định; hết thấy thánh nhân vào Hữu dư

Niết bàn tâm tâm số pháp đều không hiện hành; tâm tâm số pháp không hiện hành thời khi Bồ Tát hành Bát nhã, làm sao tâm tâm số pháp không hiện hành?

Đáp: Việc ấy trong A tỳ đàm nói chứ không phải nghĩa của Đại Thừa. Tiểu thừa, Đại thừa sai khác như trước nói. Thế nên không nên đem A tỳ đàm nạn hỏi Đại thừa.

\*Lại nữa, trong tam muội Vô tướng, các tướng sắc... diệt nên gọi là vô tướng, vì vô tướng nên không nên sinh tâm tâm số pháp. Đây cũng chẳng phải là vô tướng định, diệt tận định.

Hỏi: Nghĩa vô tướng như Phật mỗi mỗi nói hoặc gọi là kiến đế đạo, hoặc tín hành, pháp hành là vô tướng, người cho là mau; hoặc nói định Vô sắc, vì tướng vi tế khó biết nên cũng gọi là vô tướng; hoặc trong ba môn giải thoát duyên Niết bàn nên gọi là vô tướng. Thế nên không được nói chỉ vì vô tướng nên gọi là tâm tâm số pháp không hiện hành, cho đến vì duyên Niết bàn vô tướng, tâm tâm số pháp không diệt, huống gì duyên pháp hữu tướng?

Đáp: Trong kiến đế đạo, trong định vô sắc nói vô tướng có thể được; nếu nói duyên Niết bàn vô tướng thời không đúng. Phật thường tán thán Niết bàn vô tướng, vô lượng, không thể nghĩ nghĩ, tức là pháp vô tướng, vô duyên, ông làm sao nói duyên Niết bàn?

Hỏi: Diệt tướng nam, tướng nữ nên gọi là vô tướng, chứ không nói không có tướng Niết bàn? Hành giả thủ tướng Niết bàn ấy sinh tâm tâm số pháp gọi là duyên.

Đáp: Phật nói hết thầy pháp hữu vi sinh đều là lưới ma, hư dối không thật; nếu tâm tâm số pháp duyên Niết bàn là thật, thời mất tướng hữu vi hư vọng; nếu không thật thời không thể thấy Niết bàn. Thế nên ông nói Niết bàn có tướng có thể duyên, việc ấy không đúng.

Hỏi: Phật tự nói Niết bàn có ba tướng, sao nay nói vô tướng?

Đáp: Ba tướng ấy giả danh, không thật, vì sao? Vì phá ba tướng hữu vi nên nói không sinh, không diệt, không trụ dị, vô vi, không có tướng riêng. Lại nữa, tướng sinh trước chẳng mỗi mỗi phá rồi, tướng sinh chẳng thể có được, làm sao có vô sinh? Là tướng hữu vi, tướng vô vi không thể có được? Thế nên vô vi chỉ có tên gọi, không có tự tướng.

\*Lại nữa, Phật pháp chơn thật, tịch diệt, không có hí luận; nếu Bát nhã ba la mật có tướng tức là có tướng chắc thật có thể thủ, bèn là hí luận; hí luận nên sinh ra tranh cãi; nếu tranh cãi sân giận còn không được sinh vào cõi trời cõi người, huống gì Niết bàn! Thế nên Phật nói Niết bàn vô tướng, vô lượng, không thể nghĩ nghĩ, diệt các hí luận. Tướng Niết bàn ấy tức là Bát nhã ba la mật. Thế nên không nên có tâm tâm số pháp. Như phẩm trước nói, Bồ Tát hành Bát nhã lìa tướng tâm và chẳng phải tâm. Nếu có tướng chẳng phải tâm thì nên nạn rằng không có tâm tướng, làm sao hành Bát nhã? Nay lìa cả hai bên ấy nên không nên vấn nạn.

\*Lại nữa, vì vô minh điên đảo tà kiến đời trước nên được thân này, tâm tâm số pháp trong thân ấy tuy có thiện song vì nhân duyên sinh nên không có tự tính, hư dối không thật. Quả báo của thiện tâm ấy hưởng phước vui cõi trời cõi người đều là vô thường nên sinh khổ lớn, cũng là hư dối không thật; huống gì tâm bất thiện, vô ký! Nhân hư dối nên quả cũng hư dối; vì Bát nhã ba la mật chơn thật nên tâm tâm số pháp không hiện hành.

Tu Bồ Đề nghe nói tâm tâm số pháp không hiện hành nên hỏi Phật: Tu Bát nhã ba la mật được Nhất thiết trí chăng? Phật đáp: không, vì sao? Vì tu là thường hành chứ nhóm, đều là lực của tâm tâm số pháp, nên nói không tu. Tu còn không được, huống gì không tu! Tu và không tu là vì Bát nhã là pháp vô vi nên không tu; vì Bát nhã hay quán thật tướng nên nói tu; cả hai đều có lỗi, nên Phật đáp không.

Hỏi: Nếu trong cách thứ ba tu không tu có lỗi, còn trong cách thứ tư chẳng phải tu chẳng phải không tu có lỗi gì mà Phật đáp không?

Đáp: Vì Tu Bồ Đề đem tâm chấp thủ tướng mà hỏi nên Phật đáp không. Vì nhận tu không tu nên mới có việc chẳng phải tu chẳng phải không tu, thế nên Phật đáp không; nếu không đem tâm chấp tướng nói chẳng phải tu chẳng phải không tu thì không có lỗi. Bốn câu hỏi của Tu Bồ Đề Phật đều không chấp thuận nên tâm mê hoặc lại hỏi Thế Tôn: Nay làm sao sẽ được Nhất thiết trí? Phật đáp: Như tướng như. Tu Bồ Đề cũng không hiểu như, nên Phật lại đáp: như thật tế.

Hỏi: Trong phẩm Như, Tu Bồ Đề tự khéo nói Như, sao đây còn nghi?

Đáp: Như ấy không có tướng nhất định, thế nên không thể không hỏi. Nếu Như có tướng nhất định thì đã hiểu rõ; Như ấy sâu xa vô lượng nên Tu Bồ Đề có chỗ hiểu, có chỗ không hiểu. Thí như chỗ nước lớn, có người vào sâu, có người



vào cạn, đều gọi là vào nước; không được nói người vào cạn là không vào nước.

Hỏi: Vì sao không lấy Như để ví dụ thật tế mà lấy thật tế ví dụ Như? Thật tế có gì dễ hiểu nên ví dụ?

Đáp: Như và thật tế tuy là một nhưng khi quán sát có khác nhau. Như là thể tính các pháp; thật tế là tâm hành giả thủ chứng. Phật vì Tu Bồ Đề thủ chứng thật tế nên lấy thật tế làm ví dụ.

Hỏi: Thường nói pháp tính sau Như, thật tế sau pháp tính; sao nay pháp tính lại nói ở sau?

Đáp: Nay vì muốn lấy ngã tính, chúng sinh tính nói rõ ràng không, nên đổi thứ lớp ở sau. Lại nữa, từ sau khi được thấy đế đạo, trong khi học đạo có thể quán các pháp Như; còn trong vô học đạo, vì phiền não sạch hết, suốt hết thấy tướng chung, tương riêng, gọi là pháp tính. Chỗ bản sinh của các pháp gọi là tính, thế nên lấy pháp tính ví dụ thật tế. Phật dạy: Pháp tính có phần Thanh văn, có phần Đại Thừa. Tu Bồ Đề đối với phần Thanh văn không nghi, đối với phần Đại thừa có nghi nên hỏi. Phật muốn lấy việc người phàm có thể hiểu làm chứng, cho nên nói như ngã tính, chúng sinh tính, thọ mạng tính. Tu Bồ Đề không còn hỏi gì nữa. Phật muốn nói câu kết thúc nên hỏi ngược lại Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Ngã thật có chăng? Tu Bồ Đề được đạo nên đáp không. Bậc Tu đà hoàn còn không thấy ngã, huống gì A na hàm! Phật dạy: Ông là hàng Tiểu thừa độn căn còn không thấy ngã, huống gì Phật! Phật dùng trí tuệ tìm ngã không thể có được, thời làm sao có thể nói? Như ngã không thể nói có, thời hết thấy pháp cũng như vậy. Bồ Tát hành được pháp không thể nói ấy nên được Nhất thiết trí. Không thể nói là không thể phân biệt hoặc có hoặc không.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, các pháp nếu không thể phân biệt, làm sao phân biệt nói có địa ngục, ngạ quỷ..., có các thánh đạo Tu đà hoàn...?

Phật đáp: Chúng sinh không có định pháp. Địa ngục chỉ có tên gọi giả, làm sao phân biệt nói có không? Chúng sinh và thánh nhân, từ nơi phân biệt chúng sinh nên có các tên thánh đạo, song chúng sinh thật không thể có được. Như thế, Bồ Tát nên học "Bát nhã ba la mật không thể nói" như vậy.

Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát nên học sắc pháp, nay có gì nói học hết thấy pháp không thể nói?

Phật đáp: Bồ Tát tuy học sắc pháp... chỉ nên học là không thêm không bớt. Ý nghĩa không thêm không bớt như trước nói. Trong đây Phật tự nói nhân duyên học được không thêm không bớt: Nếu Bồ Tát học pháp tức là học không thêm không bớt.

Tu Bồ Đề hỏi: Làm sao học pháp không sinh không diệt?

Phật đáp: Không khởi không làm các hạnh nghiệp hoặc có hoặc không. Có là ba hữu (ba cõi): Dục sắc, Sắc hữu và Vô sắc hữu. Không là đoạn diệt, lia tám thanh đạo miễn cưỡng muốn cầu tịch diệt. Vì hai việc ấy mà người phàm phu tạo các hành nghiệp hoặc thiện hoặc bất thiện. Bồ Tát biết thật tướng các pháp là không sinh không diệt nên không tạo ba nghiệp, không khởi lên pháp tương ưng với nghiệp; ấy gọi là vô tác giải thoát môn; không sinh không diệt là vô tướng giải thoát môn.

Bạch Đức Thế Tôn, dùng phương tiện gì có thể không khởi không làm các hành nghiệp?

Phật đáp: Nếu Bồ Tát quán được các pháp tự tướng không; nghĩa là sắc, sắc tự tướng không, cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác không, bấy giờ Bồ Tát có thể làm hai việc: Một là không khởi không làm các hành nghiệp, hai là có thể đối với hết thảy pháp tập hành tự tướng không.

Lại hỏi: Nếu sắc pháp ... tự tướng không, làm sao Bồ Tát nên tập hành Bát nhã ba la mật?

Phật đáp: Chẳng hành là hành Bát nhã ba la mật. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Thể của Bát nhã ba la mật không thể có được: người tập hành, pháp tập hành, chỗ tập hành không thể có được. Vì pháp không, nên Bát nhã không thể có được, chỗ tập hành cũng không thể có được; vì chúng sinh không, nên người tập hành không thể có được. Vì hết thảy hí luận không thể có được nên Bồ Tát không tập hành, gọi là hành Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu không hành là hành Bát nhã, thời Bồ Tát mới phát tâm làm sao nên hành Bát nhã? Ý Tu Bồ Đề muốn nói: Nếu không hành là hành thời hàng Bồ Tát mới phát tâm thời tâm mê muội, nếu cho hành là hành thời là điên đảo, thế nên hỏi. Phật đáp: Bồ Tát mới phát tâm nên học pháp không có sở đắc, pháp không có sở đắc tức là không có hành. Học là dùng sức phương tiện dần dần tập hành, khi bố thí do pháp không có sở đắc nên bố thí. Trong các

pháp thật tướng rất ráo không, không có pháp có thể được, hoặc có hoặc không; Bồ Tát trú trong trí tuệ ấy nên bố thí hoặc nhiều hoặc ít. Vì xem vật bố thí, người bố thí, người nhận thí, bình đẳng nghĩa là đều không thể có được; cho đến Nhất thiết trí cũng như vậy. Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Vì có sở đắc thời là thế gian điên đảo; không có sở đắc tức là Niết bàn, thế nên hỏi Phật: Thế nào là có sở đắc, thế nào là không có sở đắc? Phật lược đáp: Có hai tướng là có sở đắc, không có hai tướng là không có sở đắc. Hai tướng là mắt và sắc; hai cái hòa hợp gọi là hai. Do mắt nên biết sắc; do sắc nên biết là mắt; mắt và sắc đối đãi nhau.

Hỏi: Nếu khi không thấy sắc cũng có mắt, có sao mắt không lia sắc?

Đáp: Vì thấy từng sắc nên gọi là mắt; nay tuy không thấy sắc, vì trước có thấy nên gọi là mắt. Thế nên hết thảy pháp hữu vi đều thuộc nhân duyên; nhân thuộc quả; quả thuộc duyên, không có định tướng tự tại; cho đến ý và pháp, Phật và Bồ Tát cũng như vậy. Kẻ phàm phu ngu trí mỗi mỗi phân biệt, tạo nghiệp thiện ác; kẻ trí biết hai pháp ấy đều hư dối, thuộc nhân duyên, không cho hai là hai. Tu Bồ Đề hỏi: Hai pháp ấy tức là có sở đắc, không có hai pháp tức là không có sở đắc; vậy không có sở đắc từ trong có sở đắc hay không có sở đắc từ trong không có sở đắc? Vì duyên theo các pháp thủ tướng hành đạo nên được rất ráo không, không có sở đắc? Hay vì không duyên, không thủ tướng hành đạo nên được rất ráo không, không có sở đắc? Nếu không có sở đắc từ trong có sở đắc, thời có sở đắc tức là điên đảo? Hành theo điên đảo làm sao được chơn thật? Nếu không có sở đắc từ trong không có sở đắc, không có sở đắc tức là không có gì? Không có gì thời làm sao phát sinh không có gì?

Phật cho cả hai đều có lỗi nên không chấp thuận, có sở đắc và không có sở đắc đều bình đẳng quán sát. Bình đẳng tức là rất ráo không, không có sở đắc; nhân không có sở đắc mà phá có sở đắc, việc hoàn thành cũng bỏ luôn, không có sở đắc. Như vậy, Bồ Tát ở nơi có sở đắc và không có sở đắc bình đẳng, trong Bát nhã nên học. Nếu Bồ Tát học được như vậy gọi là người chân thật không có sở đắc, không có lỗi lầm. Từ một địa đến một địa, ý nghĩa cũng như vậy.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bát nhã không thể có được, Bồ đề không thể có được, Bồ Tát không thể có được thời làm sao Bồ Tát học Bát nhã, phân biệt các pháp tướng? nghĩa là tướng nào hoại là sắc, tướng khổ vui là thọ...? Nếu Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, sắc pháp không thể có được, làm sao đầy đủ được các thiện pháp bố thí...? Làm sao vào được Bồ Tát vị, như trong kinh nói rộng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát không vì thủ đắc tướng sắc nên học Bát nhã.

Lại hỏi: Vì việc gì nên hành Bát nhã?

Phật đáp: Vì không có sở đắc nên hành Bát nhã, vì sao? Vì hết thấy pháp không, vô tướng, vô tác, vô khởi, Bát nhã, Bồ Tát, Bồ đề cũng vô tướng, vô tác, vô khởi, Bồ Tát vì hết thấy thật tướng các pháp nên hành Bát nhã, chẳng phải vì tâm điên đảo. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên hành vô tác Bát nhã như vậy, vì không tác, không khởi.

*(Hết cuốn 83 theo bản Hán)*

--o0o--

## Cuốn 84

### Giải thích Phẩm Ba Tuệ thứ 70

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp không có sở vi, không có sở tác, không nên phân biệt có ba thừa Thanh văn, Bích chi Phật và Phật thừa.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Trong các pháp không có sở vi, không có sở tác thời không có phân biệt; trong pháp có sở vi, có sở tác thời có phân biệt. Vì sao? Vì người phạm phu không nghe được Thánh pháp, chấp trước năm thọ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chấp trước Thí Ba la mật cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Người ấy nghĩ có sắc ấy, được sắc ấy cho đến nghĩ có Vô thượng chánh đẳng chánh giác ấy, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác ấy. Bồ Tát ấy nghĩ rằng, ta sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ta sẽ độ chúng sinh. Nay Tu Bồ Đề, Ta dùng năm mắt xem xét còn không thấy được sắc cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác, người ngu cuồng không có mắt mà muốn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, độ thoát chúng sinh ư?

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu Phật dùng năm mắt xem xét không thấy có chúng sinh có thể độ, sao nay Thế Tôn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, phân biệt chúng sinh có ba nhóm: Nhóm chánh định, nhóm tà định, và nhóm bất định.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề, Ta được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, lúc đầu không thấy có ba nhóm chúng sinh hoặc chánh định, hoặc tà định, hoặc bất định, vì chúng sinh có ý tưởng cho rằng có pháp, không pháp, Ta muốn trừ vọng tưởng chấp trước ấy nên theo pháp thế tục mà nói có được, chứ chẳng phải theo đệ nhất nghĩa.

Bạch Đức Thế Tôn, chẳng phải trụ trong đệ nhất nghĩa được Vô thượng chánh đẳng chánh giác ư? Phật đáp: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, trú trong điên đảo được Vô thượng chánh đẳng chánh giác ư? Phật đáp: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu không trú trong đệ nhất nghĩa được, cũng không trú trong điên đảo được vậy toan không có Thế Tôn không được Vô thượng chánh đẳng chánh giác ư?

Phật dạy: Không. Ta thật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không có chỗ trú hoặc nơi tướng hữu vi, hoặc nơi tướng vô vi. Thí như người Phật biến hóa ra không trú nơi tướng hữu vi, không trú nơi tướng vô vi mà người biến hóa cũng có đến có đi, cũng ngồi cũng đứng. Nay Tu Bồ Đề, người biến hóa ấy hoặc hành Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, hoặc hành bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo; hoặc Không tam muội, Vô tướng tam muội, vô tác tam muội; hoặc hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; hoặc bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, đại từ đại bi, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chuyển Pháp luân. Người biến hóa ấy hóa làm vô lượng chúng sinh có ba nhóm. Nay Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Người biến hóa ấy có hành Thí Ba la mật cho đến ở ba nhóm chúng sinh chăng? Tu Bồ Đề thưa: Không. Nay Tu Bồ Đề, Phật cũng như vậy, biết các pháp như biến hóa, như người biến hóa độ chúng sinh biến hóa, không thật có chúng sinh có thể độ. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật giống như người Phật biến hóa hành.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thầy pháp như biến hóa, vậy Phật cùng với người biến hóa có gì sai khác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Phật cùng với người biến hóa không có sai khác, vì sao? Vì Phật có tạo tác, người biến hóa cũng có thể có tạo tác.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu không có Phật, riêng người biến hóa có thể có tạo tác chăng? Phật dạy: Có thể có tạo tác.

Tu Bồ Đề thưa: Làm sao không có Phật mà người biến hóa có thể có tạo tác?

Nay Tu Bồ Đề, thí như quá khứ có Phật hiệu là Tu kiến đa, vì muốn độ Bồ Tát nên hóa làm Phật, xong liền tự diệt độ. Vì Phật biến hóa ấy trụ nửa kiếp làm Phật sự, thọ ký cho Bồ Tát hành giả xong mới diệt độ. Hết thầy chúng sinh trong thế gian cũng biết Phật thật diệt độ. Nay Tu Bồ Đề, người biến hóa ấy cũng không sinh không diệt. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật nên tin biết các pháp như huyền hóa.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu Phật và người Phật biến hóa ra không có sai khác, làm sao khiến bố thí thanh tịnh; như người cúng dường Phật, người ấy cho đến khi được Vô dư Niết bàn, phước đức không cùng tận; nếu cúng dường vị hóa Phật, người ấy cho đến khi được Vô dư Niết bàn, phước đức cũng có thể không cùng tận ư?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Phật vì thật tướng các pháp nên làm ruộng phước cho chúng sinh và trời người; hóa Phật cũng vì thật tướng các pháp nên làm ruộng phước cho chúng sinh và trời người. Nay Tu Bồ Đề, gác qua phước đức gieo trồng được nơi Phật và hóa Phật ấy, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân chỉ đem tâm cung kính niệm Phật, do thiện căn ấy cho đến khi hết khổ, phước đức kia không cùng tận. Nay Tu Bồ Đề, gác qua việc tâm cung kính niệm Phật ấy, nếu người thiện nam kẻ thiện nữ chỉ dùng một cành hoa rải lên hư không và niệm Phật, cho đến khi hết khổ, phước kia không cùng tận. Nay Tu Bồ Đề, gác qua việc tâm cung kính niệm Phật, rải hoa niệm Phật ấy, nếu có người một lần xưng "Nam mô Phật", cho đến khi hết khổ, phước kia không cùng tận. Như vậy, trong ruộng phước của Phật gieo trồng, phước kia không cùng tận. Vì vậy nên biết Phật và hóa Phật không có sai khác,, vì thật tướng các pháp không có sai khác. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên như vậy hành Bát nhã ba la mật, vào trong thật tướng các pháp, thật tướng các pháp ấy không hư hoại; đó là tướng Bát nhã ba la mật cho đến tướng Vô thượng chánh đẳng chánh giác không hư hoại.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu thật tướng các pháp không hư hoại, có sao Phật gọi các pháp tướng, nói rằng là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức; là nội pháp, ngoại pháp; là thiện pháp, là bất thiện pháp, là hữu lậu, vô lậu; là thế gian, xuất thế gian; là pháp có tránh, pháp không tránh; là pháp hữu vi, pháp vô vi...? Bạch đức Thế Tôn, như vậy toan không hoại pháp tướng ư?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Không, vì sao? Vì tướng danh tự nên Ta chỉ bày các pháp để chúng sinh hiểu rõ, Phật không phá hoại thật tướng của pháp.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu do tướng danh tự nên Phật thuyết pháp để cho chúng sinh hiểu rõ, bạch Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không có danh, không có tướng, làm sao dùng danh tướng để chỉ dạy cho chúng sinh được hiểu?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Theo pháp thế tục có danh có tướng, thật không có chỗ chấp trước. Thí như người phàm phu nghe nói khổ, chấp trước danh, theo tướng, còn Phật và đệ tử không chấp trước danh, không theo tướng. Nếu đối với danh chấp danh, đối với tướng chấp tướng, đối với không cũng nên chấp không, đối với vô tướng cũng nên chấp vô tướng, vô tác cũng nên chấp vô tác, thật tế cũng nên chấp thật tế, pháp tính cũng nên chấp pháp tính, vô vi cũng nên chấp vô vi? Nay Tu Bồ Đề, hết thấy pháp chỉ có danh và tướng, pháp ấy không ở trong danh tướng. Như vậy, Bồ Tát chỉ ở trong danh tướng hành Bát nhã ba la mật, ở trong danh tướng ấy cũng chẳng nên chấp trước.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thầy pháp hữu vi chỉ có danh tướng, vậy Bồ Tát vì ai nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chịu mọi sự lao khổ: Khi Bồ Tát hành đạo bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, vào thiền định, tu trí tuệ, hành bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo; hành không hạnh, vô tướng hạnh, vô tác hạnh, mười lực của Phật cho đến đại từ đại bi?

Phật dạy: như lời Tu Bồ Đề nói, nếu hết thầy pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thời Bồ Tát vì ai nên hành Bồ Tát đạo? Nay Tu Bồ Đề, nếu pháp hữu vi chỉ có danh tướng, danh tướng ấy, tướng danh tướng không; vì vậy nên Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi, chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi, lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Danh tướng ấy cũng không sinh, không diệt, không trụ dị.

Bấy giờ Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Thế Tôn nói trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ta nói trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề thưa: Phật nói Nhất thiết trí, nói đạo chủng trí, nói trí Nhất thiết chủng, ba trí ấy có gì sai khác?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nhất thiết trí là trí của Thanh văn, Bích chi Phật; đạo chủng trí là trí của Bồ Tát; trí Nhất thiết chủng là trí của Phật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì nên Nhất thiết trí là trí của Thanh văn, Bích chi Phật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nhất thiết là chỉ cho pháp trong, pháp ngoài mà Thanh văn, Bích chi Phật biết được, nhưng không thể dùng trí Nhất thiết đạo, Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề thưa: Vì nhân duyên gì đạo chủng trí là trí của Bồ Tát?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nhất thiết đạo, hàng Bồ Tát nên biết, hoặc là đạo Thanh văn, Bích chi Phật, đạo Bồ Tát phải biết đầy đủ, cũng phải biết đạo ấy độ chúng sinh mà không tác chứng thật tế.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, như Phật nói Bồ Tát nên đầy đủ các đạo, không nên do đạo ấy tác chứng thật tế ư?



Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát chưa nghiêm tịnh cõi Phật, chưa thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, khi ấy chưa nên tác chứng thật tế.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát trú trong đạo nên tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, trú trong chẳng phải đạo tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, trú trong đạo và chẳng phải đạo tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, trú trong chẳng phải đạo chẳng phải chẳng phải đạo tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát trụ chỗ nào tác chứng thật tế?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Ông trú trong đạo, vì không lãnh thọ các pháp nên sạch hết lậu hoặc, tâm được giải thoát chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Không.

Ông trú trong chẳng phải đạo lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông trú trong đạo chẳng phải đạo, lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông trú trong chẳng phải đạo chẳng phải chẳng phải đạo, lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Con không có chỗ trú, không lãnh thọ các pháp, lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát cũng như vậy, không có chỗ trú nên tác chứng thật tế.

Tu Bồ Đề thưa: Thế nào là tướng của trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Vì một tướng nên gọi là trí Nhất thiết chủng, đó là tướng các pháp tịch diệt. Lại nữa, đối với hành, loại, tướng mạo, danh tự các pháp hiển bày, thuyết giảng, Phật như thật biết, do vậy gọi là trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Nhất thiết trí, đạo chủng trí, trí Nhất thiết chủng, ba trí ấy dứt kiết sử có sai khác, có cùng tận, có dư thừa chăng?

Phật dạy: Dứt phiền não không sai khác. Chư Phật đều dứt hết phiền não và tập khí, còn Thanh văn không dứt hết phiền não và tập khí.

Bạch Đức Thế Tôn, các người ấy không được pháp vô vi, có dứt được phiền não ư?

Phật dạy: Không.

Bạch Đức Thế Tôn, trong pháp vô vi có thể có sai khác chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn, nếu trong pháp vô vi không có sai khác, cứ sao nói người ấy phiền não tập khí dứt, người ấy phiền não tập khí không dứt?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Tập khí chẳng phải phiền não; thân và miệng của hàng Thanh văn, Bích chi Phật có việc tự như tướng dâm dục, sân hận, ngu si, đó là tập khí, người phạm phu làm nó thời mắc tội. Tập khí ba độc ấy chư Phật không có.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu đạo không có, Niết bàn cũng không có, cứ sao phân biệt nói đây là Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Bồ Tát, Phật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Đó đều là do pháp vô vi mà có phân biệt là Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Bồ Tát, Phật.

Bạch Thế Tôn, thật do pháp vô vi nên phân biệt có Tu đà hoàn cho đến Phật ư?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Thế Tôn nói có hai việc, đó chẳng phải theo đệ nhất nghĩa; trong đệ nhất nghĩa không nói có hai việc, vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa không có ngôn thuyết. Vì Thánh đạo dứt kiết sử nên nói có đời sau.

Tu Bồ Đề thưa: Trong các pháp tự tướng không, đời trước không thể có được, huống gì nói có đời sau: (tiền tế, hậu tế)

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, trong các pháp có tự tướng không, không có đời trước huống gì có đời sau. Nay Tu Bồ Đề, vì chúng sinh không biết các pháp tự tướng không nên Ta nói đời trước đời sau; trong các pháp tự tướng không đời trước đời sau đều không thể có được. Như vậy, Bồ Tát nên vì pháp tự tướng không mà hành Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ Tát hành pháp tự tướng không, thời không vướng mắc gì, hoặc nội pháp, hoặc ngoại pháp, hoặc pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Bích chi Phật, hoặc pháp Phật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Thường nói Bát nhã ba la mật vì nghĩa gì gọi là Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Được đệ nhất độ hết thảy pháp đến bờ kia, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật. Lại nữa, chư Phật, Bồ Tát, Bích chi Phật, A la hán dùng Bát nhã ấy được qua bờ kia, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật. Lại nữa, phân biệt, trừ lượng, phá hoại hết thảy pháp cho đến vi trần, trong đó không có chút nào chắc thật, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật.

\*Lại nữa, các pháp như như, pháp tính, thật tế đều vào trong Bát nhã, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật.

\*Lại nữa, Bát nhã ba la mật không có pháp hoặc hợp hoặc tán, hoặc sắc hoặc vô sắc, hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy, hoặc có đối, hoặc không đối, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật ấy vô sắc, vô hình, vô đối, là một tướng, nghĩa là vô tướng.

\*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bát nhã ba la mật ấy hay sinh hết thảy pháp, hết thảy lạc thuyết biện tài, chiếu sáng tất cả; Bát nhã ba la mật ấy ma hoặc ma trì, Thanh văn, Bích chi Phật, người, và các hàng Phạm chí, ngoại đạo; những người oán thù, hung ác không thể phá hoại vị Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì những hạng người kia đều không thể có được trong Bát nhã ba la mật. Bồ Tát ấy nên như vậy hành theo nghĩa Bát nhã ba la mật.

\*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát muốn hành nghĩa Bát nhã ba la mật sâu xa nên hành nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã, cũng nên hành nghĩa khở trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa đạo trí, nghĩa pháp trí, nghĩa loại trí,

nghĩa thế trí, nghĩa tha tâm trì, nghĩa tận trí, nghĩa vô sinh trí, nghĩa như thật trí. Như vậy, Bồ Tát vì nghĩa Bát nhã ba la mật nên hành Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Trong Bát nhã ba la mật sâu xa ấy, nghĩa với phi nghĩa đều không thể có được, làm sao Bồ Tát vì nghĩa Bát nhã ba la mật sâu xa nên hành Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát vì nghĩa Bát nhã ba la mật nên nghĩ như vậy: Tham dục là chẳng phải nghĩa, nghĩa ấy không nên hành; sân hận, ngu si là chẳng phải nghĩa, nghĩa ấy không nên hành; hết thấy tà kiến là chẳng phải nghĩa, nghĩa ấy không nên hành, vì sao? Vì tướng ba độc "như" không có nghĩa, không có chẳng phải nghĩa; vì hết thấy tướng tà kiến "như" không có nghĩa, không có chẳng phải nghĩa. Lại nữa, Bồ Tát nên nghĩ rằng: Sắc chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa, cho đến thức chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa; Thí Ba la mật cho đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa, vì sao? Vì khi Phật được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không có pháp có thể được hoặc nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa. Có Phật, không có Phật thì các pháp tánh vẫn thường trú, không có nghĩa, không có chẳng phải nghĩa. Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật nên xa lìa nghĩa và chẳng phải nghĩa.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, có gì Bát nhã ba la mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Vì hết thấy pháp hữu vi không có tướng làm, vì vậy nên Bát nhã ba la mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa.

Bạch Đức Thế Tôn, hết thấy hiện thánh hoặc Phật hoặc đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, có sao Phật nói Bát nhã ba la mật không có nghĩa, chẳng phải nghĩa?

Phật dạy: Tuy hết thấy hiện thánh hoặc Phật hoặc đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, nhưng cũng không vì vậy tăng thêm, cũng không vì vậy giảm bớt. Thí như hư không "như" không thể tăng thêm chúng sinh, không thể giảm bớt chúng sinh. Như vậy, Bát nhã ba la mật của Bồ Tát không thêm không bớt.

Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát học Bát nhã ba la mật vô vi được trí Nhất thiết chủng chướng?

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Bồ Tát học Bát nhã ba la mật vô vi ấy sẽ được trí Nhất thiết chủng, không vì hai pháp.

Bạch đức Thế Tôn, pháp không hai có thể được pháp không hai chăng?

Phật dạy: Không.

Tu Bồ Đề thưa: Pháp hai có thể được pháp không hai chăng?

Phật dạy: Không.

Tu Bồ Đề thưa: Bồ Tát nếu không do pháp hai, không do pháp không hai, làm sao được trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Không có gì được tức là được, vì thế được, không có gì được.

Luận: Tu Bồ Đề lại hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không có tướng tạo tác, tướng sinh khởi, làm sao phân biệt có ba thừa? Phật chấp thuận ý ấy và nói nhân duyên: Kẻ phàm phu chưa đắc đạo chấp trước năm uẩn, cũng chấp trước pháp không, không tạo tác, không sinh khởi cho nên sinh nghi, làm sao phân biệt có ba thừa? Còn ông đã đắc đạo, không chấp trước năm uẩn, không chấp trước pháp không, không tạo tác, không sinh khởi, có sao sinh nghi? Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Ta dùng năm mắt xem còn không thấy các pháp sắc..., huống gì người cuồng không có mắt mà muốn thấy được?

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu không có pháp, không có chúng sinh, vì sao nói có ba nhóm chúng sinh?

Phật đáp: Ta xem chúng sinh một nhóm còn không thể có được thì làm sao có ba? Chỉ vì muốn phá trừ điên đảo cho chúng sinh nên phân biệt có ba. Hạng người phá được điên đảo gọi là nhóm chánh định; hạng người chắc chắn không phá được điên đảo là hạng tà định; hạng người gặp được nhân duyên thời có thể phá, không được thời không thể phá điên đảo là thuộc nhóm bất định; đều là nói theo pháp thế tục, chẳng phải chơn đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Phật thật ở trong đệ nhất nghĩa đắc đạo, có gì đáp với Tu Bồ Đề rằng không?

Đáp: Phật dạy: Tu Bồ Đề vì hàng Bồ Tát mới phát tâm nên hỏi, vì thế Phật đáp không, vì sao? Vì rong pháp điên đảo chấp có còn không thể trú, huống hồ gì trú trong đệ nhất nghĩa không có gì! Thế nên Tu Bồ Đề nghi: Nếu không trú cả hai nơi, thời sẽ không có Thế Tôn, không được thành Chánh giác ư? Nên Phật đáp: Thật được đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chỉ không trú chỗ nào. Tính hữu vi hư dối không thật, tính vô vi không, không có gì của chính nó, cho nên không thể trú. Trong đây Phật muốn nói rõ việc ấy nên nêu ví dụ hóa Phật:

Như hóa Phật không trú trong tính hữu vi, không trú trong tính vô vi mà có thể đi lại thuyết pháp.

Hỏi: Người biến hóa đi lại thuyết pháp thời có thể được, làm sao có thể hành Thí Ba la mật được?

Đáp: Không nói người biến hóa thực hành được, mà chỉ mắt chúng sinh thấy tự như có thật hành. Việc biến hóa ấy như trong kinh nói, cho đến tu phiên đa. Ý Tu Bồ Đề đã tin chịu, mỗi mỗi nhân duyên người biến hóa và Phật thật không khác nhau, nhưng vẫn còn chút nghi nên hỏi Phật: Nếu không có phân biệt thời phước đức cúng dường Phật thật cho đến khi được Vô dư Niết bàn không cùng tận, vậy phước đức cúng dường hóa Phật cũng không cùng tận ư? Phật đáp: Cúng dường hóa Phật, Phật thật, phước ấy không khác nhau, vì sao? vì Phật chứng được thật tướng các pháp nên phước đức cúng dường không cùng tận, hóa Phật cũng chẳng lìa thật tướng nên cúng dường hóa Phật, tâm không thể khác, phước kia cũng vậy.

Hỏi: Hóa Phật không có công đức mười lực..., làm sao bằng Phật thật?

Đáp: Công đức mười lực... đều vào trong thật tướng, nếu mười lực xa lìa thật tướng thời chẳng phải là Phật pháp, bị rơi vào tà kiến điên đảo.

Hỏi: Nếu như vậy, Phật thật, hóa Phật chắc chắn có thật tướng, có sao nói đem ác tâm làm thân Phật chảy máu mắc tội nghịch?

Đáp: Trong kinh chỉ nói đem ác tâm làm thân Phật chảy máu, chứ không nói Phật thật hay hóa Phật. Nếu cúng dường hóa Phật được đầy đủ phước, thời nếu đem ác tâm hủy báng cũng phải mắc tội nghịch; vì người ác định gọi hóa Phật là Phật thật nên đem ác tâm làm Phật chảy máu, bèn mắc tội nghịch.

Hỏi: Nếu như vậy, có gì trong Luật tạng nói giết hóa nhân không phạm giới sát?

Đáp: Trong Luật tạng đều vì việc thế gian, nhiếp chế chúng Tăng nên kiết giới, chứ không luận thật tướng, vì sao? Vì theo Luật tạng có người, có chúng sinh theo giả danh mà kiết giới, vì hộ trì Phật pháp nên không xem tội đời sau nhiều ít. Lại, tội nặng đời sau trong Luật lại xem nhẹ, như đạo nhân đánh chết trâu dê, tội nặng mà giới nhẹ, còn đạo nhân tán thán người nữ thì đối với giới là nặng mà tội đời sau lại nhẹ. Giết trâu dê biến hóa thời mọi người không cơ hiềm cũng không dị nghị nhưng tự mắc tội trong tâm; nếu giết trâu dê thật và trâu dê biến hóa mà tâm không cho là khác nhau thời mắc tội như nhau. Nhưng ý của Phật chế giới là vì bị mọi người cơ hiềm nên là nặng, thế nên trong kinh nói ý nghiệp

rất nặng, chứ không phải thân nghiệp, khẩu nghiệp. Như người làm việc bố thí lớn mà không bằng người hành từ tam muội, vì hành từ tam muội xem chúng sinh không có sở đắc nên tự được vô lượng phước; người tà kiến dứt thiện căn, tuy không nỡ hại chúng sinh mà bị vào địa ngục A tỳ. Thế nên cúng dường hóa Phật, Phật thật với tâm bình đẳng thời phước cũng bình đẳng.

\*Lại nữa, trong đây Phật nói, gác qua việc hóa Phật đầy đủ tướng sáng, nếu có người thấy tượng đất đá mà có từ tâm niệm Phật thời người ấy cho đến khi hết khổ, phước kia không cùng tận. Lại, gác qua việc tượng đất đá, nếu người có tâm cung kính, tuy không thấy tượng Phật mà vì nghĩ đến Phật, dùng hoa rải giữa hư không để cúng dường, phước ấy cũng được dứt hết khổ. Lại gác qua việc rải hoa, chỉ một lần xưng "nam mô Phật", người ấy cũng cho đến được hết khổ, phước kia không cùng tận.

Hỏi: Tại sao chỉ xưng suông danh tự "Nam mô Phật" bèn được hết khổ, mà phước kia không cùng tận?

Đáp: Vì người ấy từng nghe công đức của Phật hay độ thoát khổ già, bệnh, chết cho chúng sinh, nên hoặc cúng dường nhiều ít và xưng danh hiệu Phật, được vô lượng phước; cũng đến khi hết khổ, phước không cùng tận. Thế nên, vì phước điền vô lượng nên tuy tâm nhu nhược bố thí, phước kia cũng không cùng tận. Có các nhân duyên và thí dụ như vậy nên Phật thật, hóa Phật không khác nhau. Cúng dường nơi phước điền của Phật, phước kia vô lượng, vì thật tướng hết thấy pháp không khác biệt.

Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, nếu thật tướng các pháp không phá hoại nên hai Phật không khác, nay Phật phân biệt thuyết pháp, nói ấy là sắc, ấy là thọ, tướng, hành, thức cho đến ấy là hữu vi, ấy là vô vi há không phá hoại thật tướng các pháp ư?

Phật đáp: Này Tu Bồ Đề, Phật tuy mỗi mỗi phân biệt thuyết pháp, chỉ dùng ngôn thuyết muốn cho chúng sinh được giải thoát, mà tâm Phật không vướng mắc gì. Nếu hai Phật cùng nói với nhau không nên nói danh tự, vì chúng sinh không hiểu kịp Phật nên muốn dẫn chúng sinh hiểu biết mà nói thiện nói ác, như trong kinh Pháp Hoa nói ví dụ Nhà lửa, dùng ba xe để dụ dẫn các người con ra khỏi nhà. Chỉ dùng danh tướng thuyết pháp mà không phá hoại đệ nhất nghĩa.

Tu Bồ Đề hỏi: Tuy dùng danh tướng vì chúng sinh thuyết pháp, không có thật sự, như vậy há không hư dối ư?

Phật đáp: Thánh nhân nói theo thế tục, trong đó không có chỗ chấp trước danh tướng. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nếu phàm phu nói khổ thời chấp danh thủ tướng, chư Phật và đệ tử miệng nói khổ mà tâm không chấp trước, nếu chấp trước thời không gọi là khổ thánh đế. Khổ đế tức là danh tướng, không có chơn thật nhất định, phàm phu chấp trước cũng là danh tướng, không có chơn thật nhất định, làm sao trong danh tướng "không" lại chấp trước danh tướng "không"? Nếu trong danh tướng không mà chấp trước danh tướng thời đối với Không ấy cũng nên chấp trước Không; vô tướng cũng nên chấp trước vô tướng, vô tác cũng nên chấp trước vô tác, cho đến tính vô vi cũng nên chấp trước tính vô vi. Pháp ấy đều như tướng khổ đế của phàm phu, chỉ có danh tướng, danh tướng cũng không trú trong danh tướng. Bồ Tát vào trong pháp môn danh tướng ấy trú trong danh tướng Bát nhã ấy nên quán sát hết thấy pháp không có thật.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp chỉ có danh tướng, Bồ Tát làm sao phát tâm như trong kinh nói?

Phật đáp: Nếu hết thấy pháp chỉ có danh tướng, trong danh tướng, danh tướng cũng không; pháp ấy đều rốt ráo không, vào Như, pháp tánh, thật tế; thế nên Bồ Tát có thể phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cho đến có thể dùng pháp tam thừa độ chúng sinh. Nếu pháp có thật tướng nhất định, chẳng phải danh tướng tức là không có sinh diệt, vì không có sinh diệt nên không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, làm sao đem pháp Nhị thừa độ chúng sinh? Nếu các pháp chỉ là danh tự suông không có thật, cũng không sinh diệt, vì không sinh diệt nên không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo thời làm sao có thể độ? Nay Bồ Tát biết hết thấy pháp danh tướng "không" thời xa lìa điên đảo của thế gian, cũng biết danh tướng "không", cũng xa lìa danh tướng "không". Như vậy, lìa có lìa không, ở vào trung đạo có thể độ chúng sinh. Ý Phật muốn nói: Bồ Tát hành Bát nhã trung đạo ấy được trí Nhất thiết chủng.

Bấy giờ Tu Bồ Đề muốn nạn hỏi nên trước ấn định lời Phật, mới hỏi: Thế Tôn nói trí Nhất thiết chủng ư?

Phật dạy: Ta nói trí Nhất thiết chủng.

Lại hỏi: Phật thường nói ba trí, ba trí có gì sai khác?

Phật dạy: Nhất thiết trí là trí của Thanh văn, Bích chi Phật, vì sao? Vì Nhất thiết là trong sáu căn, ngoài sáu trần mười hai nhập; trí Thanh văn, Bích chi Phật biết được tướng chung của pháp ấy đều và vô thường, khổ, không, vô ngã. Đạo



chủng trí là trí của Bồ Tát. Đạo có bốn thứ là: Đạo thọ phước lạc trong cõi nhân thiên; nghĩa là gieo trồng phước đức thọ quả báo phước lạc trong trời, người, cộng với ba thừa đạo thành bốn. Pháp của Bồ Tát là dẫn đường cho chúng sinh, đưa vào trong đại đạo. Nếu người không thể vào đại đạo thì đưa vào Nhị thừa; nếu người không thể vào Niết bàn, thì đưa vào phước lạc cõi người cõi trời, làm nhân duyên cho Niết bàn. Đạo phước lạc của thế gian là mười điều thiện và phước đức bố thí; ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo của Nhị thừa; ba mươi bảy phẩm trợ đạo và sáu Ba la mật là đạo của Bồ Tát, Bồ Tát nên biết rõ ràng các đạo. Bồ Tát dùng Phật đạo để làm lợi mình, lợi người và dùng ba đạo kia chỉ vì chúng sinh; ấy gọi là đạo chủng trí của Bồ Tát.

Tu Bồ Đề hỏi: Có gì đạo chủng trí là việc của Bồ Tát.

Phật đáp: Bồ Tát nên đầy đủ hết thầy đạo, cùng đạo ấy giáo hóa chúng sinh, tuy ra vào đạo ấy mà chưa giáo hóa chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, thì không thủ chứng; khi đầy đủ việc ấy, vậy sau mới ngồi đạo tràng thủ chứng. Thế nên đạo chủng trí là việc của Bồ Tát.

Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát trú ở chỗ nào thủ chứng thật tế? Ý Tu Bồ Đề muốn hỏi: Nếu ở trong đạo thủ chứng thì việc ấy không đúng, vì có hai lỗi: Một là người còn có kiết sử không thể có chánh trí rất ráo thanh tịnh; nếu có thì không khác gì với Phật, nếu khác mà còn phiền não tập khí nên phải có sai lầm. Hai là hết thầy pháp hữu vi đều là hư dối, do hòa hợp nên có, giả danh không có chơn thật nhất định, thế nên Phật đáp không. Bây giờ Tu Bồ Đề hoặc nghĩ rằng: Đạo mà Phật chứng được rất sâu, không thể biết tận đáy, thế nên lại hỏi: Bồ Tát trú chỗ nào thủ chứng thật tế? Phật hỏi ngược lại Tu Bồ Đề.

Hỏi: Có gì Phật không đáp thẳng mà hỏi ngược lại Tu Bồ Đề?

Đáp: Tu Bồ Đề đối với đạo sở đắc rõ ràng không lầm, vì quý chuông pháp sở chứng của Phật, đối với bốn câu hý luận như còn có tâm chấp trước, không hiểu rõ nên hỏi. Vì thế Phật lấy chỗ sở chứng của Tu Bồ Đề hỏi ngược lại: Khi ông đắc đạo là ở trong bốn câu chứng đắc ư? Đáp: Thừa không, con không có chỗ trú mà được sạch hết lậu hoặc. Phật dạy: Ông không có chỗ trú mà tâm được giải thoát, thì nên biết Bồ Tát cũng như vậy, không ở trong bốn câu mà chứng thật tế, cho nên Phật hỏi ngược lại.

Lại có người hỏi: Trong bốn cách đáp, đây là đáp bằng cách hỏi ngược lại.

Hỏi: Tu Bồ Đề ở trong Kim cang tam muội tam được giải thoát, có gì nói không trú trong đạo?

Đáp: Trú là thủ tướng pháp thật có nhất định; người ấy lại cầu thắng pháp vô vi nên không gọi là trú nơi pháp hữu vi, vì không cần dùng nên không trú trong đó. Lại có người nói: Danh tướng ấy trong pháp phàm phu còn có phân biệt là Kim cang, là giải thoát; còn chúng được pháp vô tướng thời không phân biệt gì. Phật vì pháp vô tướng nên hỏi ngược lại Tu Bồ Đề: Ông không nên lấy danh tướng mà hỏi, ông không nên lấy danh tướng mà vấn nạn.

Trí Nhất thiết chủng là trí của Phật. Trí Nhất thiết chủng là trí thông suốt không ngại đối với hết thầy pháp ba đời, biết rõ lớn nhỏ, tinh thô, không việc gì không biết. Phật tự nói nghĩa của trí Nhất thiết chủng, có hai tướng: Một là thông suốt thật tướng các pháp, là tướng tịch diệt, như nước trong biển lớn, gió không thể lay động, vì nó sâu thẳm, sóng mồi không khởi lên; trí Nhất thiết chủng cũng như vậy, gió hý luận không thể làm lay động; hai là đối hết thầy pháp có thể dùng danh tướng, văn tự, ngữ ngôn thông suốt rõ ràng vô ngại, bao nhiếp hai việc có không, nên gọi là trí Nhất thiết chủng. Có người nói: Mười trí lực, bốn việc không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không sinh đều là tướng trí tuệ hòa hợp; ấy gọi là trí Nhất thiết chủng. Lại có người nói: Từ Kim cang tam muội, thứ lớp được vô ngại giải thoát nên hoặc lớn nhỏ, xa gần, cạn sâu, khó dễ không việc gì không biết. Có vô lượng nhân duyên như vậy nên gọi là trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề nghe xong hỏi Phật: Phật phân biệt trí tuệ có cao, vừa, thấp, vậy phiền não do trí tuệ đoạn trừ có sai khác chăng?

Phật đáp: Không có sai khác. Khi đang đoạn trừ thời có sai khác, đoạn trừ xong rồi thời không có sai khác; thí như lưỡi dao có bén, lụt, nên khi chặt có chậm mau; khi chặt xong không có sai khác. Như Lai đối với phiền não và tập khí đều dứt hết, còn Thanh văn, Bích chi Phật chỉ dứt phiền não mà tập khí đang còn.

Tu Bồ Đề hỏi: Ba cách đoạn phiền não hư Phật nói là hữu vi hay là vô vi? Phật đáp: Đều là vô vi.

Lại hỏi: Trong pháp vô vi có thể có sai khác chăng?

Phật đáp: Pháp ấy vô tướng, vô lượng, làm sao có thể có sai khác?

Lại hỏi: Nếu không có sai khác thời làm sao nói trong sự đoạn trừ ấy còn sót lại hay không còn sót lại?

Phật đáp: Tập khí không gọi là phiền não thật; có người tuy dứt tất cả phiền não mà nơi thân và miệng cũng có tướng phiền não xuất hiện, phàm phu thấy nghe tướng ấy thời khởi tâm bất tịnh. Thí như A la hán Mật bà tư tra năm trăm đời ở giữa loài khỉ, nên nay tuy được thành A la hán mà vẫn còn tập khí leo trèo cây cối, người ngu trông thấy liền sinh kiêu mạn nói vị Tỳ kheo ấy giống như khỉ; vị A la hán ấy không có tâm phiền não nhưng còn có thói quen cũ. Lại như A la hán Tát lãng già bà sa năm trăm đời sinh trong nhà Bà la môn, tập quen tâm khinh miệt, nên khi được thành A la hán mà còn nói với thần sông Hằng rằng: Tiểu tỳ phải ngưng chảy để cho ta đi qua. Thần sông Hằng nổi giận, đến cáo tố với Phật. Phật dạy ông sám hối, ông còn xưng là tiểu tỳ. Tập khí của phiền não thân nghiệp và khẩu nghiệp như vậy, hàng Tiểu thừa chưa dứt sạch, còn Phật không có việc ấy. Như một Bà la môn ác khẩu, trong một lúc lấy năm trăm việc mắng Phật, Phật không có sắc giận. Tâm Bà la môn bèn hoan hỷ, liền trong một lúc lấy năm trăm việc hay tán thán Phật, Phật cũng không có sắc mừng. Nên biết, phiền não tập khí Phật đã sạch hết, lành và dữ không khác nhau.

Lại, Phật khi mới đắc đạo, từ trong công đức thật đã tỏa ra tiếng tăm tốt đẹp, chỉ có Phật tự biết; và việc Bà la môn giết người con gái Phạm chí Tôn đà lệ (Sondari), đem xác bỏ bên Tinh xá để vu khống Phật, tiếng dữ đồn xa, Phật đối với hai việc ấy tâm không đổi khác, cũng không lo mừng. Lại, Phật vào làng Bà la môn khát thực, mang bát không trở về, hoặc được hàng trời người cúng dường, hoặc trong ba tháng phải ăn cơm bằng lúa nuôi ngựa, hoặc trời Đế Thích dùng món ăn trời để cúng dường, hoặc Phật ở lại trong rừng A la bà già bị chông gai, gió rét, hoặc ở trong vườn Hoan hỷ, ở trên tảng đá trắng bấu lớn của Chư thiên mềm dịu, trơn láng; hoặc nằm trên tọa cụ của Chư thiên... đối với những việc tốt xấu, lành dữ như vậy, tâm Phật không lo mừng. Lại như Đề bà đạt đa đem sân tâm lẩn đã đến Phật, hoặc La hầu la đem tâm cung kính chấp tay lễ Phật, đối với hai người ấy, tâm Phật bình đẳng thương yêu như yêu đôi mắt mình. Có những điều gây loạn như vậy, Phật không có tư tưởng đối khác. Thí như vàng thật, đốt, mài, dũa, sắc nó không biến đổi. Phật trải qua các việc ấy, tâm không có thêm bớt, nên có thể biết các tập khí phiền não yêu ghét, Phật đều dứt sạch.

Tu Bồ Đề thừa: Nếu trong thật tướng các pháp hoặc đạo, hoặc Niết bàn, không có gì của chính nó, nếu không có gì của chính nó thời có sao phân biệt đây là Tu đà hoàn, đây là Bích chi Phật chưa dứt hết tập khí, còn Phật đã dứt hết tập khí?

Phật dạy: Ba thừa của bậc thánh đều do pháp vô vi mà có sai khác. Tuy nhân nơi vô vi mà có sai khác, song đối với pháp vô vi có thể nói được. Tu Bồ Đề muốn ấn định lời Phật nên hỏi: Thật do pháp vô vi nên có sai khác ư?

Phật đáp: Theo danh tướng ngữ ngôn của thế tục nên có thể phân biệt sai khác, còn trong đệ nhất nghĩa không có phân biệt, vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa, hết thấy đường ngôn ngữ dứt, hết thấy chỗ tâm hành dứt, chỉ vì các bậc Thánh đã dứt kiết sử nên nói có đời sau; đời sau là Vô dư Niết bàn.

Tu Bồ Đề hỏi: Các pháp tự tướng không, nên đời trước không thể có được, huống gì đời sau? Vì sao? Vì nhân đời trước nên có đời sau?

Phật hứa khả lời ấy: Vì chúng sinh không biết các pháp tự tướng không, nên Phật nói đời trước đời sau, chứ trong các pháp tự tướng không, đời trước đời sau không thể có được, vì sao? Vì trước có sinh thời sau có già chết! Nếu là già chết có sinh thời không chết mà sinh? Cái sinh ấy không có nhân duyên? Nếu trước có già chết sau có sinh, không sinh làm sao có già chết? Trước và sau đã không thể có được thời cùng một lúc cũng không thể có được? Vì thế nên nói trong pháp tự tướng không, không có đời trước đời sau. Phật dạy: Như vậy, như vậy, Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên do pháp không tự tướng mà hành Bát nhã, nội ngoại pháp cho đến Phật pháp đều không vướng mắc.

Hỏi: Từ trước lại đây thường nói tướng Bát nhã, có gì nay còn hỏi?

Đáp: Không chỉ hỏi tướng mà còn hỏi Phật thường nói Bát nhã ba la mật, lấy nghĩa gì nên gọi là Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Vì sự đệ nhất độ hết thấy pháp qua đến bờ kia, gọi là Bát nhã ba la mật. Đệ nhất độ là hàng Thanh văn dùng trí thấp độ mà qua; hàng Bích chi Phật dùng trung trí mà qua, còn đối với hàng Bồ Tát dùng thượng trí mà qua, nên gọi là đệ nhất độ.

\*Lại nữa, phiền não có chín: Thượng, trung, hạ mỗi bậc có ba; trí tuệ cũng có chín bậc: Trí tuệ hạ hạ, là trí từ độn căn Tu đà hoàn, cho đến trí thượng hạ là trí của đệ nhất Thanh văn Xá lợi phất; bậc trí thượng trung là trí Bích chi Phật; bậc trí thượng thượng là Bồ Tát. Dùng thượng thượng trí độ thoát nên gọi là đệ nhất độ. Đối với Thanh văn, Bích chi Phật chỉ tướng chung độ thoát, nơi tướng riêng có phần ít. Còn Bồ Tát đối với hết thấy pháp tướng chung, tướng riêng đều biết rõ ràng, nên gọi là đệ nhất độ.

\*Lại nữa, khi Bồ Tát độ thoát, trí tuệ biết khắp pháp có thể biết, còn hàng Nhị thừa đối với pháp có thể biết, trí không biết khắp được, nên gọi là đệ nhất độ.

\*Lại nữa, đệ nhất độ là hàng Đại thừa phước đức, trí tuệ, sáu Ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo đầy đủ nên an ổn đi qua.

\*Lại nữa, chư Phật, đại Bồ Tát và chư thiên đều đến giúp đỡ, an ổn được độ; như người cỡi thuyền bảy báu, sửa sang dụng cụ đi đường đầy đủ, chắc chắn; trên thuyền đủ thứ đồ ăn ngon, có người dẫn đường tốt, lại gặp gió thuận, thời có thể vượt qua tốt đẹp. Nếu người cỡi chiếc bè cỏ đi qua chỗ ghê sợ thời không gọi là vượt qua tốt.

\*Lại nữa, Phật nói người ba thừa do Bát nhã ba la mật mà vượt đến bờ bên kia Niết bàn, dứt mọi ưu khổ; vì nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật.

\*Lại nữa, trong Bát nhã ba la mật, hết thấy pháp trong ngoài, lớn nhỏ, tư duy, trừ lượng, phân biệt, truy tìm cho đến nhỏ như mảy bụi, không có cái gì bền chắc. Khi đến tướng vi trần thời không thể phân chia; tâm tâm số pháp trong một niệm cũng không thể phân chia; trong Bát nhã ba la mật ấy tâm và sắc đều phá hoại, truy tìm không thể có được chắc thật; vì nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật.

\*Lại nữa, Bát nhã là tuệ, Ba la mật là đến bờ kia. Bờ kia là cùng tận bờ mé của hết thấy trí tuệ. Trí tuệ là tướng không thể phá hoại, tướng không thể phá hoại tức là Như, thật tế, pháp tính, vì nó thật nên không thể phá hoại; ba việc đó nhiếp vào trong Bát nhã nên gọi là Bát nhã ba la mật.

\*Lại nữa, Bát nhã ba la mật không có pháp với pháp hoặc hợp, hoặc tán, vì rất ráo không. Bát nhã ba la mật ấy không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng đó là không có tướng. Nghĩa ấy như trước đã nói. Có các nhân duyên như vậy nên gọi là nghĩa Bát nhã.

Nay sẽ nói nghĩa Bát nhã. Nghĩa là Bát nhã có thể sinh ra tất cả trí tuệ, thiên định, lạc thuyết biện tài. Do lực Bát nhã nên diễn thuyết một câu mỗi mỗi làm trang nghiêm cùng kiếp không hết. Chỗ mặt trời mặt trăng, sao không thể chiếu đến, Bát nhã ba la mật chiếu được. Bát nhã phá bóng tối vô minh tà kiến. Ma hoặc ma dân hoặc người cầu Thanh văn, Bích chi Phật, ngoại đạo, người ác không thể phá hoại, vì sao? Vì Bồ Tát hành Bát nhã, các người ấy đều không thể có được ở trong Bát nhã.

\*Lại nữa, nếu hành giả nhất tâm tín thọ, đọc tụng thời các người ác không thể tìm được chỗ thuận tiện, huống gì hành giả nhớ nghĩ đúng, làm đúng như nói.

Như vậy, Bồ Tát nên hành nghĩa Bát nhã ấy. Nghĩa Bát nhã là nghĩa vô thường, nghĩa khổ, không, vô ngã, trí bốn đế, tận trí, vô sinh trí, pháp trí, loại trí, thế trí, tha tâm trí, như thật trí nên hành Bát nhã. Bát nhã ấy như biển cả có các báu vật hoặc lớn hoặc nhỏ, duy nhất là ngọc như ý. Bát nhã cũng có các châu báu trí tuệ, đó là: Bốn thánh hạnh vô thường, khổ, không, vô ngã, mười trí, duy nhất có như thật trí giống như ngọc như ý.

Hỏi: Như phẩm trước nói, hành theo thường hoặc vô thường không gọi là hành Bát nhã ba la mật, nay có sao nói: Hành nghĩa vô thường... nên hành Bát nhã ba la mật?

Đáp: Tôi đã đáp như trước: Vô thường có hai thứ: Nếu tâm chấp trước hý luận và hý luận vô thường thì không gọi là hành Bát nhã; nếu không có tâm chấp trước, không hý luận vô thường là phá điên đảo chấp thường. Lại không tự sinh tâm chấp trước, ấy gọi là hành Bát nhã.

Hỏi: Trong Tam tạng chỉ có mười trí, sao trong đây có thêm như thật trí?

Đáp: Thế nên gọi là Đại thừa. Đại pháp hay hàm thọ tiểu pháp, tiểu pháp không hàm thọ được đại pháp.

Hỏi: Mười trí có thể tương riêng, còn như thật trí có tương gì?

Đáp: Có người nói: Biết được thật tướng các pháp là như như, pháp tính, thật tế, gọi là tướng như thật trí. Trong đây Phật nói như thật trí là chỉ cho trí Phật có được, vì sao? Vì người nào chưa sạch, còn có vô minh thì không thể biết như thật. Hàng Nhị thừa và Đại Bồ Tát tập khí chưa sạch nên không thể biết khắp hết thảy pháp, hết thảy chủng, không gọi là như thật trí, chỉ có Phật đối với hết thảy vô minh dứt sạch, không còn thừa nên có thể biết như thật.

Hỏi: Nếu ngoài Phật lại không có người nào có như thật trí, thì hàng Nhị thừa làm sao được Niết bàn, hàng Bồ Tát làm sao được vô sinh nhẫn?

Đáp: Như thật trí có hai: Một là biết khắp, đầy đủ, hai là chưa đầy đủ. Đầy đủ là Phật, chưa đầy đủ là Nhị thừa và đại Bồ Tát. Thí như trong nhà tối, vì cần việc nên đốt đèn; việc làm xong sau lại đốt đèn, ánh sáng càng tỏ thêm. Nhà tối có hai phần, một phần ngọn đèn trước đã trừ, phần thứ hai ngọn đèn sau trừ. Bóng tối phần thứ hai hợp với ánh sáng ngọn đèn đầu, nếu không như vậy thì ngọn đèn thứ hai vô dụng. Như vậy, trí tuệ của hàng Nhị thừa và đại Bồ Tát tuy đã phá vô minh, song phần vô minh, mà trí tuệ Phật trừ được các người trên không thể trừ; không được nói ngọn đèn đầu không chiếu sáng. Như vậy, không

được nói trí tuệ của hàng Nhị thừa, Bồ Tát là biết khắp như thật. Trí biết khắp như thật là trí Phật, còn trí như thật là trí chung của Nhị thừa và Bồ Tát.

Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, nếu trong Bát nhã thâm sâu, nghĩa và phi nghĩa đều không thể có được, làm sao nói Bồ Tát vì nghĩa Bát nhã thâm sâu nên hành Bát nhã?

Phật đáp: Các phiền não tham dục là phi nghĩa không nên hành. Các pháp có ba phần: Các phiền não tham dục là phi nghĩa; các thiện pháp sáu Ba la mật... là nghĩa; sắc pháp vô ký nên chẳng phải nghĩa chẳng phải phi nghĩa. Nếu có người đối với phiền não và người gây phiền não sinh tâm oán ghét, đối với các thiện pháp sáu Ba la mật và người hành thiện pháp sinh tâm thương yêu, còn đối với sắc pháp vô ký và người hành pháp vô ký sinh tâm ngu si thời như trong kinh nói: Phàm phu khi thọ vui sinh tâm tham, khi thọ khổ sinh tâm giận, khi thọ không vui không khổ sinh tâm si. Thế nên nói Bồ Tát nên nghĩ rằng tham dục... là phi nghĩa, không nên nghĩ cho đó là phi, như kinh nói rộng. Trong đây Phật tự nói nhân duyên; pháp lành, pháp dữ, pháp vô ký chỉ một tướng Như, không có nghĩa và phi nghĩa, vì tướng Như không có hai, không có phân biệt.

\*Lại nữa, khi Phật đắc đạo không thấy một pháp hoặc nghĩa hoặc phi nghĩa. Thật tướng các pháp dù có Phật hay không có Phật vẫn thường trú, không khởi lên nghĩa và chẳng phải nghĩa. Nếu biết như vậy tức là nghĩa, chỉ vì phá trừ tâm phân biệt nên nói không nên hành theo nghĩa và phi nghĩa. Như vậy, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật lìa nghĩa và phi nghĩa.

Tu Bồ Đề lại hỏi: Có gì Bát nhã ba la mật chẳng phải nghĩa chẳng phải phi nghĩa?

Phật dạy: Hết thấy pháp không có tướng tác khởi, không có tướng năng tác, sở tác, làm sao Bát nhã lại khởi lên nghĩa và chẳng phải nghĩa?

Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu hết thấy chư Phật và đệ tử đều lấy vô vi pháp làm nghĩa, có sao Phật nói Bát nhã ba la mật không thể khởi tác nghĩa và chẳng phải nghĩa.

Phật đáp: Hết thấy thánh nhân tuy lấy pháp vô vi làm nghĩa mà không thêm không bớt. Trong kinh này nói thí dụ: Như hư không Như, không thể thêm chúng sinh, không thể bớt chúng sinh, vì hư không, không có pháp nên không có nghĩa và chẳng phải nghĩa, huống gì hư không Như! Hư không tuy không có pháp song hết thấy nhân gian nhân nơi hư không mà có được sự tạo tác; Bát nhã ba la mật cũng như vậy, tuy vô tướng vô vi, mà nhân nơi Bát nhã có thể tu

các Phật đạo, năm Ba la mật. Vì tâm chấp trước nên nói Bát nhã không có nghĩa và chẳng phải nghĩa; không có tâm chấp trước nên nói thật nghĩa đệ nhất. Vì theo thế tục để nên nói nghĩa, còn trong đệ nhất nghĩa đến không có nghĩa.

\*Lại nữa, Bát nhã có hai: Một là hữu vi, hai và vô vi. Học hữu vi Bát nhã có thể đầy đủ sáu Ba la mật, trú trong mười địa; học vô vi Bát nhã, dứt sạch hết thủy phiền não và tập khí, thành Phật đạo. Nay Tu Bồ Đề hỏi Phật: Bồ Tát học vô vi Bát nhã được Nhất thiết trí, làm sao nói không có nghĩa?

Phật đáp: Tuy được Nhất thiết trí, chẳng vì hai pháp nên được. Phân biệt thủ tướng gọi là hai pháp.

Lại hỏi: Pháp không hai có thể được pháp không hai ư?

Phật đáp: Không, vì sao? Vì pháp không hai tức là vô vi. Vô vi không có tướng đặc và không đặc, vì pháp vô vi không thể hành.

Lại hỏi: Nếu do pháp không hai không được, thì có thể do pháp hai được pháp không hai chăng?

Phật đáp: Không, vì sao? Vì pháp hai hư dối, không thật, làm sao hành pháp không thật được pháp thật?

Lại hỏi: Nếu chẳng do pháp hai, chẳng do pháp không hai, làm sao được trí Nhất thiết chủng?

Phật đáp: Không có sở đắc tức là đắc. Trong đây hai và không hai tức là không có phân biệt, đều không có sở đắc. Không có sở đắc ấy không do có sở đắc mà hành. Tuy hành pháp hữu vi, không có sở đắc ấy, vì tâm không thủ tướng nên không có sở đắc, vì sao? Vì hành hợp với không, vô tướng, vô tác vậy.

*(Hết cuốn 84 theo bản Hán).*

--o0o--



## Cuốn 85

### Giải thích: Phẩm Đạo Thọ Thứ 71

(Kinh Đại Bát nhã, Hội 2 ghi: Phẩm Thọ Dụ thứ 69)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bát nhã ba la mật ấy rất sâu, các Bồ Tát không thấy có chúng sinh, mà vì chúng sinh nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, việc ấy rất khó. Thí như người muốn trồng cây giữa hư không, Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát cũng như vậy. Vì chúng sinh nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà chúng sinh cũng không thể có được.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy, việc làm của các Bồ Tát rất khó. Vì chúng sinh mà cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, độ chúng sinh điên đảo chấp ngã. Thí như người trồng cây không biết gốc, cành, nhánh, lá, hoa, quả của cây sẽ thế nào, mà ưa săn sóc, tưới tắm, dần dần cây lớn, hoa, lá, quả thành tựu đều dùng được. Như vậy, các Bồ Tát vì chúng sinh nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, dần dần hành sáu Ba la mật, được trí Nhất thiết chủng, thành cây Phật, dùng lá, hoa, quả làm lợi ích chúng sinh.

Này Tu Bồ Đề, thế nào là dùng lá lợi ích chúng sinh? Là nhân nơi Bồ Tát mà được lìa ba ác đạo, ấy là lá lợi ích chúng sinh.

Thế nào là hoa lợi ích chúng sinh? Là nhân nơi Bồ Tát được sinh dòng Sát đế lợi, sinh dòng Bà la môn, đại gia cư sĩ, chỗ bốn thiên vương, cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, vô tướng, ấy là hoa lợi ích chúng sinh.

Thế nào là quả lợi ích chúng sinh? Ấy là nhân Bồ Tát được trí Nhất thiết chủng, làm cho chúng sinh được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hoàn, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật và Phật đạo; chúng sinh ấy dần dần dùng pháp ba thừa thủ chúng Vô dư Niết bàn; ấy là quả lợi ích chúng sinh. Bồ Tát ấy không thấy có chúng sinh thật mà độ chúng sinh, khiến xa lìa điên đảo chấp ngã, nghĩ rằng: Trong hết thầy pháp không có chúng sinh. Ta vì chúng sinh, cầu trí Nhất thiết chủng, mà chúng sinh ấy thật không thể có được.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nên biết Bồ Tát ấy như Phật, vì sao? Vì nhân Bồ Tát ấy mà dứt hết thầy giống địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ dứt; dứt hết các nạn, dứt con đường nghèo cùng hạ tiện; dứt hết cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Phật dạy: Như vậy, như vậy, Tu Bồ Đề, nên biết Bồ Tát ấy như Phật. Nếu Bồ Tát không phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì thế gian không có

Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng không có Bích Chi Phật, A la hán, A na hàm, Tư đà hàm, Tu đà hoàn; ba đường ác và ba cõi cũng không có khi nào dứt. Nay Tu Bồ Đề, ông nói Bồ Tát ấy như Phật? Đúng như vậy. Nên biết Bồ Tát ấy thật như Phật, vì sao? Vì Như nên nói là Như Lai; Vì Như nên nói là Bích chi Phật, A la hán, hết thầy hiền thánh; vì Như nên nói sắc cho đến thức; vì Như nên nói hết thầy pháp, cho đến tính hữu vi, tính vô vi. Các Như ấy như thật không khác, vì thế nên gọi là Như. Bồ Tát học Như ấy được trí Nhất thiết chủng, được gọi là Như Lai. Vì nhân duyên ấy nên nói Bồ Tát như Phật, vì tương "Như" vậy. Như vậy, Bồ Tát nên học Như Bát nhã ba la mật. Bồ Tát học Như Bát nhã ba la mật thì học được hết thầy pháp Như; học hết thầy pháp Như thì được đầy đủ hết thầy pháp Như; đầy đủ hết thầy pháp Như rồi, đối với hết thầy pháp Như được tự tại; đối với hết thầy pháp Như được tự tại rồi, khéo biết căn cơ của chúng sinh; khéo biết căn cơ của chúng sinh rồi, biết chúng sinh có căn đầy đủ, biết chúng sinh có nghiệp nhân duyên; biết chúng sinh có nghiệp nhân duyên rồi được đầy đủ nguyện trí; đầy đủ nguyện trí rồi được thanh tịnh trí tuệ ba đời; thanh tịnh trí tuệ ba đời rồi lợi ích hết thầy chúng sinh; lợi ích hết thầy chúng sinh rồi nghiêm tịnh cõi Phật; nghiêm tịnh cõi Phật rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi, an lập chúng sinh nơi ba thừa, khiến vào Vô dư Niết bàn. Như vậy, Bồ Tát muốn được hết thầy công đức lợi mình, lợi người, nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, các Bồ Tát hành được Bát nhã ba la mật sâu xa đúng như kinh nói, thì hết thầy thế gian người, trời, A tu la hãy nên kính lễ.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Như vậy, như vậy. Bồ Tát ấy hành được Bát nhã như kinh nói, thì hết thầy thế gian người, trời, A tu la hãy nên kính lễ.

Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát mới phát tâm vì chúng sinh nên cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu chúng sinh trong một ngàn thế giới đều phát tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật, ý ông nghĩ sao, phước ấy nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Rất nhiều, vô lượng.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Phước ấy không bằng Bồ Tát mới phát tâm trăm lần, ngàn lần; ngàn vạn ức lần cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp, vì sao? Vì người phát tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật đều nhân nơi Bồ Tát mà ra, chứ Bồ Tát

trọn không nhân nơi Thanh văn, Bích chi Phật mà ra. Chúng sinh trong hai ngàn thế giới, thế giới đại thiên ba ngàn cũng như vậy. Gác qua việc hàng Thanh văn, Bích chi Phật trong thế giới đại thiên ba ngàn, nếu chúng sinh trong thế giới đại thiên ba ngàn đều trú địa vị Càn tuệ, phước ấy nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Rất nhiều, vô lượng.

Phật dạy: Chẳng bằng Bồ Tát mới phát tâm trăm lần, ngàn lần; ngàn vạn ức lần cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp. Gác qua việc chúng sinh trú địa vị Càn tuệ, nếu chúng sinh trong thế giới đại thiên ba ngàn đều trú ở Tính địa, Bát nhân địa, Tín địa, Bạ địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Bích chi Phật địa, hết thấy phước đức ấy muốn sánh với Bồ Tát mới phát tâm gấp trăm, gấp ngàn; ngàn ức vạn lần cho đến toán số thí dụ cũng không thể sánh kịp. Nay Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát mới phát tâm trong thế giới đại thiên ba ngàn không bằng Bồ Tát vào pháp vị gấp trăm, ngàn, vạn, ngàn ức vạn lần cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp. Nếu Bồ Tát vào Pháp vị trong thế giới đại thiên ba ngàn không bằng Bồ Tát hướng đến Phật đạo gấp trăm, ngàn, vạn, ngàn ức vạn lần cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp. Nếu Bồ Tát hướng đến Phật đạo trong thế giới đại thiên ba ngàn không bằng công đức của Phật gấp trăm, ngàn, vạn; ngàn ức vạn lần cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp.

Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát mới phát tâm nên niệm đến pháp nào?

Phật dạy: Nên niệm trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề thưa: Thế nào là trí Nhất thiết chủng? Trí Nhất thiết chủng duyên thế nào, tăng thượng thế nào, hành thế nào, tướng thế nào?

Phật bảo Tu Bồ Đề: trí Nhất thiết chủng không có gì của chính nó; không niệm, không sinh, không chỉ bày, như lời Tu Bồ Đề hỏi: Trí Nhất thiết chủng duyên thế nào, tăng thượng thế nào, hành thế nào, tướng thế nào? Nay Tu Bồ Đề, trí Nhất thiết chủng không có pháp duyên; niệm là tăng thượng, tịch diệt là hành, vô tướng là tướng; ấy gọi là duyên, tăng thượng, hành, tướng của trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, chỉ trí Nhất thiết chủng không có pháp, hay sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không có pháp; pháp trong ngoài cũng không có pháp; bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần

thánh đạo, tam muội Không, tam muội Vô tướng, tam muội Vô tác, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, đại hỷ đại xả, thần thông đầu, thần thông thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu; tướng hữu vi, tướng vô vi v.v... cũng là không có pháp chẳng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Sắc cũng không có pháp, cho đến tướng hữu vi, tướng vô vi cũng không có pháp.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà trí Nhất thiết chủng không có pháp, sắc không có pháp, cho đến tướng hữu vi, tướng vô vi cũng không có pháp?

Phật dạy: Trí Nhất thiết chủng tự tính không có, nếu pháp tự tính không có, ấy gọi là không có pháp. Sắc cho đến tướng hữu vi, tướng vô vi cũng như vậy.

Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà các pháp tự tính không có?

Phật dạy: Trong các pháp nhân duyên hòa hợp sinh, không có tự tính. Nếu không có tự tính, ấy là không có pháp. Vì vậy, Bồ Tát nên biết hết thấy pháp không có tính, vì sao? Vì hết thấy tính pháp không. Thế nên biết hết thấy pháp không có tính.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu hết thấy pháp không có tính, thời Bồ Tát mới phát tâm dùng sức phương tiện gì có thể tu Thí Ba la mật, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; có thể tu Giới Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; tu sơ thiền cho đến tứ thiền; tu tâm từ cho đến tâm xả; tu định Không xứ cho đến Phi hữu tướng Phi vô tướng định xứ; tu ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; tu bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo; tu tam muội Không, tam muội Vô tướng, tam muội Vô tác, tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát có thể học các pháp không có tự tính, cũng có thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Biết thế giới và chúng sinh không có tự tính, tức là sức phương tiện. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát tu Thí Ba la mật, ấy là tu học Phật đạo; tu Giới Ba la mật; ấy là tu học Phật đạo, cho đến tu trí Nhất thiết chủng, ấy là tu học Phật đạo; cũng biết Phật đạo không có tự tính. Bồ Tát ấy tu sáu Ba la mật, ấy là tu học Phật đạo cho đến khi chưa thành tựu

mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng; ấy là tu học Phật đạo. Đầy đủ được nhân duyên về Phật đạo rồi, dùng một niệm tương ứng với tuệ được trí Nhất thiết chủng. Bảy giờ hết thấy phiền não tập khí vĩnh viễn dứt sạch, không sinh lại nữa. Khi ấy dùng mắt Phật xem thấy đại thiên ba ngàn thế giới pháp vô còn không thể có được, hưởng gì hữu pháp, như vậy, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật tự tính không vô. Nay Tu Bồ Đề, ấy gọi là sức phương tiện của Bồ Tát. Vô pháp còn không thể có được, hưởng gì hữu pháp, Bồ Tát ấy trong khi bố thí, bố thí vô pháp còn không biết, hưởng gì là hữu pháp. Người thọ thí và tâm Bồ Tát, vô pháp còn không biết, hưởng gì là hữu pháp, cho đến trí Nhất thiết chủng, người được thí, pháp được, chỗ được là vô pháp còn không biết, hưởng gì là hữu pháp, vì sao? Vì bản tính của hết thấy pháp là như vậy, chẳng phải Phật làm, chẳng phải Thanh văn, Bích chi Phật làm, cũng chẳng phải người khác làm, vì hết thấy pháp không có người làm.

Bạch Đức Thế Tôn, các pháp, tính các pháp xa lìa chẳng?

Phật dạy: Như vậy, như vậy. Các pháp, tính các pháp xa lìa.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu các pháp, tính các pháp xa lìa, thì làm sao pháp xa lìa có thể biết pháp xa lìa hoặc có hoặc không, vì sao? Vì vô pháp chẳng thể biết vô pháp, hữu pháp chẳng thể biết hữu pháp; vô pháp chẳng thể biết hữu pháp, hữu pháp chẳng thể biết vô pháp? Như vậy, hết thấy pháp không có tướng gì của chính nó, làm sao Bồ Tát khởi tâm phân biệt pháp ấy hoặc có, hoặc không?

Phật dạy: Bồ Tát vì theo nghĩa thế tục để chỉ bày cho chúng sinh hoặc có, hoặc không, chứ chẳng phải theo đệ nhất nghĩa.

Bạch Đức Thế Tôn, thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế có khác nhau chẳng?

Này Tu Bồ Đề, thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế không khác nhau, vì sao? Vì thế tục đế Như tức là đệ nhất nghĩa đế Như. Do chúng sinh không thấy không biết tính Như ấy, nên Bồ Tát dùng thế tục đế để chỉ bày hoặc có, hoặc không.

\*Lại nữa, chúng sinh đối với năm thọ uẩn vì có tâm chấp trước tướng nên không biết nó không có sở hữu. Bồ Tát vì chúng sinh ấy nên chỉ bày hoặc có hoặc không, khiến biết năm uẩn thanh tịnh, không có gì của chính nó. Như vậy, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật như vậy.

Luận: Tu Bồ Đề theo Phật nghe nói không có gì được tức là được, liền tán thán chưa từng có, bạch Phật rằng: Bát nhã ấy rất sâu, như trong kinh đã nói rộng.

Nêu cây làm ví dụ: Lá, hoa, quả tự cạn dần đến sâu; như bóng râm của lá cây, lúc nóng bức, che mát rất vui. Chúng sinh nhân bóng râm của cây Bồ Tát đạo, được xa lìa sự khổ nóng bức trong ba đường ác, vì sao? Vì ngăn ngừa được tội ác. Như hoa sắc đẹp, hương nhu nhuyễn, chúng sinh nhân Bồ Tát đem việc bố thí, trì giới giáo hóa cho, nên được hưởng phước lạc cõi người, cõi trời. Như trái cây có màu sắc, hương thơm, vị ngon, chúng sinh nhân nơi Bồ Tát nên được các quả thánh đạo Tu đà hoàn v.v... Tu Bồ Đề nghe liền hoan hỉ, nói rằng: Bồ Tát ấy như Phật không khác. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nhân nơi Bồ Tát nên dứt các đường ác địa ngục, súc sinh v.v... Phật chấp thuận ý ấy, lại nói nhân duyên: Bồ Tát không phát tâm cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thời cho đến không có khi nào dứt ba cõi.

\*Lại nữa, vì được "các pháp tính Như" nên gọi là Như Lai, cho đến gọi là Tu đà hoàn; vì tính Như nên nói sắc cho đến tính vô vi, các pháp tính Như ấy đều là một, không khác. Bồ Tát học tính Như ấy, chắc chắn được Nhất thiết trí, nên nói là như Phật không khác, không phải vì tâm ta ưa quý Bồ Tát mà nói là như Phật, song vì được tính Như nên nói như Phật. Tính như ấy ở nơi Phật, cũng ở nơi Bồ Tát, vì là một tướng, nên gọi Bồ Tát như Phật; lìa tính Như, lại không có pháp gì không vào tính Như.

Hỏi: Nếu vì đồng tính như mà nói Bồ Tát như Phật, thế thì cho đến trong súc sinh cũng có tính như ấy, cứ sao không nói như Phật?

Đáp: Súc sinh tuy cũng có tính như, song vì nhân duyên chưa phát khởi, không thể làm lợi ích chúng sinh nên không thể hành tính như, cho đến Nhất thiết trí. Như vậy, Bồ Tát nên học tính như của Bát nhã ấy. Bồ Tát học tính như của Bát nhã ấy thời được đầy đủ tính như của hết thảy pháp. Đầy đủ tức là được thật tướng các pháp, có thể dùng mỗi mỗi pháp môn làm cho chúng sinh được hiểu. Vì được đầy đủ nên đối với hết thảy pháp Như được tự tại. Được tự tại rồi, khéo biết căn tính của chúng sinh, biết các căn tính của chúng sinh đầy đủ. Các căn là năm căn lành: Tín, tấn, niệm, định, tuệ; hàng ba thừa đều có, có thể phân biệt người ấy có, người ấy không có; người ấy được lực, người ấy không được lực. Đầy đủ là các thiện căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ đầy đủ; người như vậy có thể ra khỏi thế gian. Tín căn được lực thời quyết định thọ trì, không nghi ngờ; vì sức tinh tấn nên tuy chưa thấy pháp mà nhất tâm cầu đạo, không tiếc thân mạng, không ngừng nghỉ; vì sức ghi nhớ nên thường nhớ lời dạy của Phật, thiện pháp đến cho vào, ác pháp đến không cho vào, như người giữ cửa; vì sức định nên nhiếp tâm một chỗ, không lay động, đề giúp cho trí tuệ; vì sức trí tuệ nên có thể như thật quán các pháp tướng. Được căn có hai hạng: Một là ở trong thân người

có tâm lớn thời thành căn Bồ Tát; hai là ở trong thân người có tâm mỏng thời thành căn Tiểu thừa. Được đầy đủ căn ấy thời có thể độ. Hoặc có Bồ Tát thấy người tuy được năm căn mà không thể độ, vì do tội nghiệp ác đời trước nặng; thế nên nói biết nghiệp nhân duyên của hết thảy chúng sinh. Muốn biết nghiệp nhân duyên trong vô số kiếp phải có được túc mạng thông; đã biết rồi, vì chúng sinh mà nói đến tội nghiệp nhân duyên quá khứ; chúng sinh do tội quá khứ ấy cho nên không sợ. Vì thế nên cầu nguyện được trí tuệ muốn biết việc ba đời. Đã biết rồi, vì chúng sinh chỉ rõ tội nghiệp nhân duyên đời vị lai sẽ đọa địa ngục. Chúng sinh nghe rồi thời tâm sợ hãi, sợ hãi rồi tâm điều phục dễ độ. Chúng sinh nếu muốn biết nhân duyên phước báo đời vị lai thời vì họ nói, họ hoan hỷ, có thể độ. Vì thế mà nói biết nghiệp nhân duyên rồi, nguyện trí đầy đủ nên được trí tuệ thanh tịnh biết ba đời, thông suốt vô ngại; biết nghiệp thiện, ác quá khứ; biết quả báo thiện ác vị lai; biết chúng sinh hiện tại các căn lợi, độn đó nói pháp giáo hóa, được nhiều lợi ích, không hư dối. Vì làm lợi ích lớn cho chúng sinh nên có thể nghiêm tịnh cõi Phật; nghiêm tịnh cõi Phật rồi được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng nên chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi; đem pháp ba thừa an lập chúng sinh vào Vô dư Niết bàn. Các lợi ích như vậy đều do học Như đưa đến. Vì thế nên Phật nói Bồ Tát muốn được hết thảy công đức lợi mình, lợi người, nên phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề nghe công đức của Bồ Tát ấy rất nhiều, bạch Phật rằng: Bồ Tát có thể hành Bát nhã ba la mật như kinh nói, tất cả thế gian hãy nên kính lễ, như trong kinh nói rộng, phân biệt công đức của Bồ Tát mới phát tâm.

Bấy giờ Tu Bồ Đề biết Bát nhã ba la mật rất sâu, không có ức tướng, chẳng phải hàng mới học biết được, thế nên hỏi Phật: Bồ Tát mới phát tâm nên niệm pháp gì? Phật đáp: Nên niệm trí Nhất thiết chủng. Trí Nhất thiết chủng tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác; Nhất thiết trí, pháp Phật, Phật đạo đều là tên khác của trí Nhất thiết chủng.

Hỏi: Có gì Phật đáp nên niệm trí Nhất thiết chủng?

Đáp: Vì Bồ Tát mới phát tâm chưa được trí tuệ sâu xa, chưa bỏ cái vui ngũ dục của thế gian. Vì vậy nên Phật dạy buộc tâm, niệm tướng Nhất thiết trí, nên nghĩ rằng: Nếu bỏ được cái vui nhỏ nhặt uế tạp sẽ được cái vui thanh tịnh lớn lao; bỏ cái vui điên đảo hư dối sẽ được cái vui chơn thật, bỏ cái vui trong vòng trói buộc sẽ được cái vui giải thoát; bỏ cái vui lành của riêng mình sẽ được cái vui lành chung của cả chúng sinh. Vì được lợi ích như vậy, nên Phật dạy hàng mới phát tâm thường niệm đến Nhất thiết trí.

Tu Bồ Đề hỏi: Trí Nhất thiết chủng ấy là hữu pháp hay là vô pháp? Thế nào duyên, thế nào tăng thượng, thế nào hành, thế nào tướng?

Phật đáp: Trí Nhất thiết chủng không có gì của chính nó; không có gì của chính nó ấy là chẳng phải pháp, không sinh, không diệt. Như thật duyên các pháp, cũng không có gì của chính nó; niệm là tăng thượng; tịch diệt là hành; vô tướng là tướng.

Hỏi: Điều là rốt ráo không, có sao chỉ nói niệm là tăng thượng?

Đáp: Các pháp đều có sức, trí tuệ Phật là rốt ráo không, như như, pháp tính, thật tế, vô tướng; nghĩa là tướng tịch diệt. Phật được trí tuệ Nhất thiết chủng, không còn suy nghĩ, không còn khó dễ, gần xa, niệm gì cũng đều được, nên nói niệm là tăng thượng.

Tu Bồ Đề hỏi: Chỉ trí Nhất thiết chủng không có pháp; hay sắc pháp v.v... cũng không có pháp?

Phật đáp: Hết thấy sắc pháp v.v... cũng không có pháp. Phật tự nói nhân duyên: Nếu pháp từ nhân duyên hòa hợp sinh thời không có tự tính; nếu pháp không có tự tính tức là không, không có pháp. Vì nhân duyên ấy nên biết tính của hết thấy pháp không có gì của chính nó.

Tu Bồ Đề hỏi: Bồ Tát mới phát tâm lấy phương tiện gì hành Thí Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng, nghiêm tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh?

Phật đáp: Học trong pháp tính không có gì của chính nó vào định quán sát, cũng có thể chú nhóm công đức, giáo hóa chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật; đó tức là sức phương tiện, vì hai pháp có và không, có thể hành trong một lúc. Nghĩa là rốt ráo không và chứa nhóm phước đức. Người ấy khi tu sáu Ba la mật, cũng tu tập Phật đạo; như tâm Phật vì pháp rốt ráo không, không có gì của chính nó, mà tu sáu Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Bồ Tát hành đạo ấy có thể đầy đủ mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi. Khi hành Bồ Tát đạo, đầy đủ pháp ấy; đến lúc ngồi đạo tràng, dùng một niệm tương ứng với tuệ mà được trí Nhất thiết chủng. Như người ban đêm mắt châu báu, ánh sáng điện tạm hiện lên, liền trở lại được, phiền não và tập khí vĩnh viễn dứt sạch, không còn sinh trở lại. Được thành Phật rồi, Phật xem mười phương thế giới, hết thấy vật còn chẳng thấy không, hưởng gì thấy có! Pháp rốt ráo không, phá trừ được điên đảo, làm cho Bồ Tát được thành Phật, việc ấy còn không thể có được, hưởng gì pháp phạm phu điên đảo



chấp có? Vì thế, nên biết hết thấy pháp không có tướng gì của chính nó, ấy là phương tiện của Bồ Tát. Không, còn không thể có được, hưởng gì có.

Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật không có sở hữu. Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không có sở hữu ấy, hoặc trong khi bố thí liền biết vật bố thí không, không có gì của chính nó; người nhận thí và tâm Bồ Tát cũng không có gì của chính nó, cho đến trí Nhất thiết chủng, người được, pháp được, chỗ được, vô pháp còn không thể biết, hưởng gì là hữu pháp. Người được là Bồ Tát, pháp được là Vô thượng chánh đẳng chánh giác; pháp dùng để được là đạo Bồ Tát, đều biết pháp ấy không có gì của chính nó, vì sao? Vì hết thấy pháp bản tính như vậy, không vì trí tuệ nên đổi khác; chẳng phải phạm phu làm, chẳng phải thánh hiền làm; hết thấy pháp không làm, không người làm. Ý của Tu Bồ Đề là, nếu các pháp hoàn toàn là tướng không có gì của chính nó, thời ai biết là không có gì của chính nó? Thế nên hỏi Phật: Các pháp, tính các pháp xa lìa, làm sao tính xa lìa biết được các pháp xa lìa hoặc có, hoặc không, vì sao? Vì vô pháp không thể biết vô pháp, hữu pháp không thể biết hữu pháp; vô pháp không thể biết hữu pháp, hữu pháp không thể biết vô pháp. Bạch Đức Thế Tôn, như vậy, hết thấy pháp không có tướng gì của chính nó, làm thế nào Bồ Tát phân biệt pháp ấy hoặc có, hoặc không?

Phật đáp: Bồ Tát theo nghĩa thế tục mà vì chúng sinh nói hoặc có, hoặc không, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Nếu có là thật có, thời không có cũng nên thật có; nếu có không thật có, thời không có làm sao lại có thật?

Tu Bồ Đề hỏi: Thế tục và đệ nhất nghĩa có khác nhau chăng? Nếu khác thời là phá hoại pháp tính nên nói không khác? Thế tục tính như tức là đệ nhất nghĩa tính Như. Chúng sinh không biết tính Như ấy, nên theo nghĩa thế tục nói hoặc có, hoặc không.

Lại nữa, chúng sinh có chỗ chấp trước đối với năm thọ ấm, vì muốn chúng sinh ấy xa lìa sở hữu, được vô sở hữu, nên Bồ Tát nói vô sở hữu; theo pháp thế tục phân biệt các pháp, muốn làm cho chúng sinh biết tính cách vô sở hữu ấy. Như vậy, Bồ Tát nên học Bát nhã ba la mật vô sở hữu.

## Giải thích: Phẩm Bồ Tát Hạnh Thứ 72

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Thế Tôn nói Bồ Tát hạnh, thế nào là Bồ Tát hạnh?

Phật dạy: Bồ Tát hạnh là hành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn, thế nào là Bồ Tát hành Vô thượng chánh đẳng chánh giác là Bồ Tát hạnh?

Phật dạy: Nếu Bồ Tát hành sắc không, hành thọ, tưởng, hành, thức không; hành nhãn không cho đến ý; hành sắc không cho đến pháp; hành nhãn giới không cho đến ý thức giới; hành Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; hành nội không, ngoại không, nội ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; hành sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; hành từ, bi, hỷ, xả; hành Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ; hành bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám phần Thánh đạo; hành tam muội Không, tam muội Vô tướng, tam muội Vô tác; hành tám bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, các vô ngại biện tài, hành văn tự vào vô văn tự, hành các môn Đà la ni, hành tính hữu vi, tính vô vi; giống như Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không thấy hai pháp. Như vậy, Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật gọi là hành Vô thượng chánh đẳng chánh giác; ấy là hạnh Bồ Tát.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Thế Tôn nói Phật, Phật có nghĩa là gì?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Biết nghĩa thật của các pháp nên gọi là Phật. Lại nữa, chúng được thật tướng các pháp, nên gọi là Phật; thông suốt nghĩa thật của các pháp, nên gọi là Phật. Lại nữa, như thật biết hết thấy pháp, nên gọi là Phật.

Tu Bồ Đề thưa: Bồ đề nghĩa là gì?

Phật dạy: Nghĩa không là nghĩa Bồ đề; nghĩa Như, nghĩa pháp tính, nghĩa thật tế, là nghĩa Bồ đề. Lại nữa, danh tướng ngôn thuyết, là nghĩa Bồ đề. Thật nghĩa Bồ đề không thể hoại, không thể phân biệt, là nghĩa Bồ đề. Lại nữa, thật tướng các pháp không đối, không khác, là nghĩa Bồ đề. Vì vậy nên gọi là Bồ đề. Lại nữa, Bồ đề ấy, chư Phật có được, gọi là Bồ đề. Lại nữa, trí biết chơn chánh cùng khắp của chư Phật, gọi là Bồ đề.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát vì Bồ đề ấy mà hành sáu Ba la mật cho đến hành trí Nhất thiết chủng, đối với các pháp gì được, gì mất, gì thêm, gì bớt; gì sinh, gì diệt, gì cấu, gì tịnh?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu Bồ Tát hành sáu Ba la mật cho đến hành trí Nhất thiết chủng, đối với các pháp không được, không mất, không thêm, không bớt, không cấu, không tịnh, vì sao? Vì Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật không vì sự được mất, thêm, bớt, sinh, diệt, cấu, tịnh.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát hành Bát nhã ba la mật, không vì sự được, mất, cho đến không vì cấu, tịnh, thế nào Bồ Tát hành Bát nhã, có thể nhiếp thủ được Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật? Làm sao hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không? Làm sao hành thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần thánh đạo? Làm sao hành Không, Vô tướng, Vô tác giải thoát môn? Làm sao hành mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi? Làm sao hành mười địa của Bồ Tát? Làm sao vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật mà vào Bồ Tát vị?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát khi hành Bát nhã ba la mật không do hai pháp hành Thí Ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật; không do hai pháp hành nội không, cho đến trí Nhất thiết chủng.

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn, nếu Bồ Tát không do hai pháp hành Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, không do hai pháp hành nội không cho đến trí Nhất thiết chủng, vậy Bồ Tát từ khi mới phát tâm cho đến tâm sau cùng, làm sao tăng trưởng căn thiện?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu hành hai pháp thời căn thiện không được tăng trưởng, vì sao? Vì hết thấy phàm phu đều nương hai pháp, nên không được tăng trưởng căn thiện. Bồ Tát hành pháp không hai, nên từ khi mới phát tâm cho đến tâm sau cùng, ở khoảng trung gian ấy được tăng trưởng căn thiện. Vì thế nên đối với Bồ Tát, hết thấy thế gian trời, người, A tu la không thể chiết phục, không thể phá hoại thiện căn ấy, làm cho đọa vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật và các pháp ác không thiện không thể chế ngăn Bồ Tát, làm cho không thể hành Thí Ba la mật, tăng trưởng căn thiện; cho đến hành Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật như vậy.

Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát vì căn thiện nên hành Bát nhã ba la mật chăng?

Phật đáp: Không. Bồ Tát cũng không vì căn thiện nên hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì theo pháp của Bồ Tát nếu chưa cúng dường chư Phật, chưa đầy đủ căn thiện, chưa được chơn tri thức không thể được trí Nhất thiết chủng.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát từ khi mới phát tâm, cúng dường chư Phật, mười hai bộ kinh của Phật nói là khế kinh cho đến luận nghị, Bồ Tát nghe rồi thọ trì, đọc tụng thông lợi, tâm quán sát thấu suốt. Thấu suốt rồi nên được Đà la ni, được Đà la ni nên có thể khởi lên trí vô ngại, khởi lên trí vô ngại nên từ chỗ sinh ra cho đến Nhất thiết trí trọn không quên mất; cũng đối với chỗ chư Phật gieo trồng căn lành, được căn lành thủ hộ, trọn không đọa vào ác đạo và các nạn. Do nhân duyên căn thiện nên được thân tâm thanh tịnh, được thân tâm thanh tịnh nên có thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Được thiện căn thủ hộ nên thường không rời chơn tri thức, là không rời chư Phật, các Bồ Tát, các Thanh văn và những người tán thán Phật, Pháp, Tăng. Như vậy, Bồ Tát nên cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, thân cận thiện tri thức.

Luận: Trong phẩm trên, Tu Bồ Đề hỏi Phật: Kinh thường nói Bát nhã ba la mật, sao gọi là Bát nhã ba la mật? Phật dùng mỗi mỗi nhân duyên đáp. Nhân việc ấy nên trong phẩm này lại hỏi Phật: Kinh thường nói Bồ Tát tu hành, vậy thế nào là hạnh Bồ Tát? Thế nên Tu Bồ Đề hỏi Bồ Tát hạnh.

Hỏi: Nếu trong Bát nhã thu nhiếp hết thấy pháp, lại Bát nhã tức là Bồ Tát hạnh, có sao còn hỏi?

Đáp: Hết thấy Bồ Tát đạo gọi là Bồ Tát hạnh. Trí tuệ biết khắp thật tướng các pháp gọi là Bát nhã ba la mật, ấy là chỗ sai khác. Nếu kinh Bát nhã và Bồ Tát hạnh nhiếp vào nhau thời không khác.

\*Lại nữa, có người nói: Bồ Tát hạnh là thân, nghiệp. Nghiệp khẩu, nghiệp ý của Bồ Tát, các việc của Bồ Tát làm gọi là Bồ Tát hạnh. Vì việc ấy nên Tu Bồ Đề chỉ muốn phân biệt chánh hạnh của Bồ Tát, nên hỏi. Vì vậy Phật đáp: Bồ Tát hạnh là làm các hạnh lành, vì cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác; ấy là chánh hạnh của Bồ Tát. Nếu Bồ Tát làm việc bất thiện, vô kí và làm việc thiện mà tâm chấp trước thời chẳng phải là Bồ Tát hạnh; chỉ đem tâm từ bi và trí tuệ về không tính, vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà làm, ấy gọi là Bồ Tát hạnh. Thế nào là hạnh thanh tịnh? Nghĩa là hành sắc không, hành thọ, tưởng, hành, thức không, cho đến hành tính hữu vi, tính vô vi không. Đối với các pháp ấy không phân biệt là không, là thật, là hữu vi, là vô vi. Cũng như Vô thượng chánh đẳng chánh giác, diệt hết hí luận không có hai tướng, ấy gọi là hạnh Bồ Tát; không ai

có thể phá hoại, cũng không có lỗi lầm. Tu Bồ Đề nghe Bồ Tát hạnh rồi, hoan hỉ hỏi: Quả báo của Bồ Tát hạnh là được làm Phật. Kinh thường nói Phật, vậy Phật có nghĩa là gì?

Phật đáp: Biết thật nghĩa của các pháp nên gọi là Phật. Hỏi: Nếu như vậy, A la hán, Bích chi Phật và đại Bồ Tát cũng biết thật nghĩa các pháp, cứ sao không gọi là Phật? Phật đáp: Trên đã nói ví dụ Phật đốt đèn, đối với phàm phu là thật, đối với Phật không thật. Vì phàm phu bị phiền não, tập khí che lấp nên không cho là thật, không thể được trí Nhất thiết chủng, không dứt hết nghi hối đối với hết thầy pháp, nên không gọi là chánh trí thật nghĩa, như trên phân biệt.

Hỏi: Biết thật nghĩa các pháp, được thật tướng các pháp, thông suốt thật nghĩa và như thật biết hết thầy pháp, bốn việc ấy có gì khác nhau?

Đáp: Có người nói: Nghĩa không khác nhưng danh tự khác. Có người nói: Nghĩa là thật tướng các pháp chẳng sinh chẳng diệt, pháp tướng thường trú như Niết bàn; vì hiểu được nghĩa ấy nên gọi là Phật; đối với nghĩa ấy, thường giác ngộ không sai lầm, dùng các danh tướng nói cho chúng sinh hiểu thật nghĩa đệ nhất. Thế nên, trong bốn vô ngại nói riêng nghĩa vô ngại và pháp vô ngại, nên có sai khác. Có người tuy được thật nghĩa các pháp mà không thể thông suốt, vì hai nhân duyên: Một là phiền não chưa hết. Hai là chưa được Nhất thiết trí. Như Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm chưa dứt phiền não nên không thể thông suốt. A la hán, Bích Chi Phật, đại Bồ Tát đã dứt hết phiền não, vì chưa được trí Nhất thiết chủng nên không thể thông suốt. Thế nên nói thông suốt thật nghĩa gọi là Phật. Câu "như thật biết hết thầy pháp" là tóm hết ba điều trên, cũng nghĩa cũng pháp và hết thầy pháp hoặc có, hoặc không, mỗi mỗi hiểu rõ như đã nói trong nghĩa trí Nhất thiết chủng; cũng biết tướng tịch diệt, cũng biết tướng hữu vi.

\*Lại nữa, Bồ Tát là trí, Phật là người trí, vì được trí ấy nên gọi là người trí.

Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Đức Thế Tôn, sao gọi là Bồ đề?

Phật đáp: Không, như như, pháp tính, thật tế gọi là Bồ đề. Trí tuệ thật tướng tương ứng với tam muội Không; duyên như, pháp tính, thật tế, nên Bồ đề gọi là trí tuệ thật tướng. Hạng người còn ở trong ba học đạo (Kiến đạo, tu đạo và vô học đạo. ND), chưa dứt phiền não, tuy có trí tuệ mà không gọi là Bồ đề. Ba hạng người vô học dứt hết vô minh không còn thừa nên trí tuệ gọi là Bồ đề. Hai hạng người vô học, không được Nhất thiết trí chơn chơn biết khắp các pháp, nên không được gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, duy chỉ trí tuệ Phật mới gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

\*Lại nữa, danh tướng, ngôn ngữ, văn tự gọi là Bồ đề. Thật nghĩa Bồ đề thời không thể phân biệt, phá hoại.

\*Lại nữa, Bồ đề là Như không sai khác, thường không hư dối, vì sao? Vì trí tuệ của chúng sinh triển chuyển cao hơn cho đến Phật, không ai hơn nữa; các pháp cũng triển chuyển cao hơn, trước là hư vọng, sau là chơn thật, cho đến không còn pháp nào thật hơn Bồ đề; thế nên Bồ đề gọi là thật.

\*Lại nữa, Như vì được Bồ đề nên gọi là Phật, nay vì Phật được nên gọi là Bồ đề.

Lại, có người nói: Tận trí biết sự sinh đạ tận, ấy gọi là Bồ đề. Có người nói: Tận trí, vô sinh trí gọi là Bồ đề. Có người nói: Vô ngại giải thoát gọi là Bồ đề, vì sao? Vì được giải thoát ấy đối với hết thảy pháp đều thông suốt. Có người nói: Bốn trí vô ngại là Bồ đề, vì sao? Vì Phật biết thật tướng các pháp, ấy là nghĩa vô ngại; biết phân biệt danh tướng của các pháp, ấy là pháp vô ngại; phân biệt mỗi mỗi ngữ ngôn, khiến chúng sinh được hiểu, ấy là từ vô ngại; thuyết pháp giáo hóa không cùng tận, ấy là lạc thuyết vô ngại. Vì bốn vô ngại đầy đủ, lợi ích chúng sinh nên gọi là Bồ đề. Có người nói: Mười lực của Phật, bốn điều không sợ, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi, trí Nhất thiết chủng, vô lượng pháp Phật như vậy đều gọi là Bồ đề, vì sao? Vì trí tuệ lớn nên các pháp đều gọi là Bồ đề. Có người nói: Chơn Bồ đề là Phật, vì đủ mười trí vô lậu; thọ, tưởng, hành, thức, nghiệp thân, nghiệp khẩu và tâm bất tương lượng hành tương ưng với mười trí, đều gọi là Bồ đề. Cùng duyên cùng sinh, cùng giúp nhau nên đều gọi là Bồ đề. Lại có người nói: Nghĩa Bồ đề thì vô lượng vô biên, chỉ có Phật mới có thể biết khắp, người khác biết được phần ít. Thí như các châu báu của Chuyển Luân Thánh Vương không ai có thể phân biệt biết được giá trị của nó; Thánh vương xuất kho báu ngo người, người khác mới có thể biết được. Trong đây Tu Bồ Đề hỏi Phật về tướng Bồ đề xong, lại hỏi: Nếu tướng Bồ đề là rốt ráo không, không thể phá hoại, Bồ Tát hành sáu Ba la mật, tăng trưởng căn thiện gì?

Phật đáp: Nếu Bồ Tát hành thật tướng Bồ đề, đối với hết thảy pháp không có tăng trưởng gì, huống gì thiện căn, vì sao? Vì Bát nhã không, vì được mất cho đến như sạch mà xuất hiện, bởi vì rốt ráo thanh tịnh. Phật hứa khả ý ấy Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu không thêm bớt, làm sao Bồ Tát hành Bát nhã mà nhiếp thủ các hạnh Bồ Tát khác?

Phật đáp: Bồ Tát khi hành pháp ấy chẳng vì hai pháp nên hành, mà cùng hành hòa hợp với rốt ráo không; thế nên không nên vấn nạn.

Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu Bồ Tát không hành hai pháp, thì làm sao từ khi mới phát tâm cho đến tâm sau cùng tăng trưởng thiện căn? Phật đáp: Nếu người hành hai pháp tức là điên đảo, không thể tăng trưởng căn thiện. Thí như người nằm mộng, tuy được của lớn, rốt cuộc không có được gì, trong khi thức được nhiều ít mới thật là được. Phật bảo Tu Bồ Đề: Hết thấy người phạm đều đắm vào hai pháp nên không thể tăng trưởng căn thiện. Bồ Tát hành theo thật tướng các pháp, đó là pháp không hai, nên từ khi mới phát tâm, cho đến khi tâm sau cùng, tăng trưởng thiện căn, không có sai lầm. Vì thế nên đối với Bồ Tát ấy, hết thấy trời, người, A tu la không thể phá hoại thiện căn kia, khiến phải đọa vào Nhị thừa; những điều ác khác cũng không thể phá hoại. Những điều ác khác là các phiền não xan, tham, v.v... phá hoại Thí Ba la mật...

Lại hỏi: Bồ Tát vì căn thiện nên hành Bát nhã chăng?

Phật đáp: Không vì thiện, không vì bất thiện mà hành Bát nhã.

Hỏi: Không vì căn bất thiện mà hành Bát nhã có thể được, cứ sao lại không vì thiện căn nên hành?

Phật đáp: Vì quý Vô thượng chánh đẳng chánh giác nên tuy hành các thiện căn, mà vì thành tựu việc chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác chứ không vì quý thiện căn. Như trong kinh ví dụ chiếc bè nói: Thiện pháp còn nên bỏ, huống gì pháp bất thiện! Thiện căn là giúp cho Phật đạo, như người không phải vì chiếc bè nên qua sông, mà vì đến bờ kia. Trong đây Phật vì nói nhân duyên: Bồ Tát chưa cúng chư Phật, chưa được chơn thiện tri thức thời không thể được trí Nhất thiết chủng; thế nên tuy gieo trồng căn thiện không cho là quý, mà chỉ quý vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Tu Bồ Đề thưa: Làm sao Bồ Tát tuy không vì thiện căn mà có thể cúng dường chư Phật, cho đến được trí Nhất thiết chủng?

Phật đáp: Bồ Tát từ khi mới phát tâm lại đây cúng dường chư Phật như trong kinh nói. Vì cúng dường Phật lớn là lớn, nên chỉ nói Phật, nhưng nên biết đã cúng dường Bích chi Phật cho đến Bồ Tát trú địa vị Càn tuệ. Người phạm phu vì nghe pháp nên theo Bồ Tát nghe giảng mười hai bộ kinh, vì không thể thường được thầy có luôn bên mình, nên đều nên thọ trì. Vì hay quên nên đọc tụng làm cho thông lợi. Tâm quán sát là thường buộc tâm vào quyển kinh, thứ lớp nhớ nghĩ, trước do ngôn ngữ, tuyên giảng nghĩa lý, sau được thấu rõ, tức được Đà la ni. Đà la ni có hai: Một là Đà la ni Văn trì, nghĩa là nghe đâu nhớ đó; hai là Đà la ni Biết được thật tướng các pháp. Đọc tụng, tu tập, thường nhớ nghĩ nên được

Đà la ni Văn trì; thông suốt nghĩa lý nên được thật tướng Đà la ni. Ở trong hai Đà la ni ấy có thể sinh trí vô ngăn ngại; vì chúng sinh thuyết pháp nên đầy đủ bốn trí vô ngại.

Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bồ Tát có trí vô ngăn ngại, thời khác gì với Phật?

Phật đáp: Vô ngăn ngại có hai: 1. Là thật vô ngại. 2. Là danh từ vô ngăn ngại. Trong đây, trừ Phật vô ngăn ngại, các người khác theo Bồ Tát được vô ngăn ngại. Do Bồ Tát tụng kinh nên từ chỗ sinh ra cho đến khi được Nhất thiết trí, trọn không quên mất, vì sao? Vì vào sâu, đọc tụng kinh pháp nên phiền não bị che mỏng, được căn thiện hộ trì nên không đọa vào ác đạo và các nạn. Thí như người mù được người sáng mắt giúp đỡ, trọn không bị sa hầm sủa hổ. Nhờ phước căn thiện nên được thâm tâm thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh là thương yêu hết thảy chúng sinh, tuy đối với kẻ giặc oán cũng không gia ác, nghĩa là không cướp mạng sống. Lại,

trí tuệ và phước đức lớn nên phiền não nhỏ □ ít, không thể che lấp thiện tâm của Bồ Tát. Lại, tâm sâu xa là đối với chúng sinh có được tâm từ bi, tâm không xả bỏ, tâm cứu độ và tâm đối với các pháp biết được vô thường, khổ, không, vô ngã, rốt ráo không, cho đến đối với Phật không sinh tưởng Phật, tưởng Niết bàn; ấy gọi là thâm tâm thanh tịnh. Vì thanh tịnh thâm tâm nên có thể giáo hóa chúng sinh, vì sao? Vì phiền não mỏng nên không khởi tâm cống cao, tâm chấp ngã, tâm sân giận, nên chúng sinh ưa mến, tín thọ lời dạy bảo. Vì giáo hóa chúng sinh nên nghiêm tịnh cõi Phật như trong phẩm Phật quốc của kinh Tỳ ma la cật nói: Vì chúng sinh tịnh nên cõi nước tịnh. Vì được căn thiện hộ trì nên trọn không lìa thiện tri thức. Thiện tri thức là chư Phật, đại Bồ Tát, A la hán. Lược nói tướng thiện tri thức, nghĩa là người có thể tán thán Tam bảo. Như vậy, Bồ Tát nên cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, gần gũi thiện tri thức, vì sao? Vì như người bệnh nên tìm thầy thuốc hay và cỏ thuốc. Phật là thầy thuốc hay, các thiện căn là cỏ thuốc, xem người bệnh là thiện tri thức; người bệnh có đủ ba việc ấy nên bệnh được lành. Bồ Tát cũng như vậy, có đủ ba việc ấy nên dứt các phiền não, làm lợi ích chúng sinh.



## Giải thích: Phẩm Gieo Trồng Thiện Căn Thứ 73

(Kinh Đại Bát nhã, hội 2 ghi: Phẩm Thân Cận thứ 71)

Kinh: Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn. Bồ Tát nếu không cúng dường Phật, không đầy đủ căn thiện, không được chơn tri thức, có được Nhất thiết trí chăng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Bồ Tát cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, được chơn tri thức mà được Nhất thiết trí còn khó, huống gì không cúng dường Phật, không gieo trồng căn thiện, không được chơn tri thức!

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Bồ Tát cúng dường chư Phật, gieo trồng căn thiện, được chơn tri thức, vì sao khó được trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Vì Bồ Tát xa lìa sức phương tiện, không theo Phật nghe nói sức phương tiện, gieo trồng căn thiện không đầy đủ, không thường theo lời dạy của thiện tri thức.

-Bạch đức Thế Tôn, thế nào là sức phương tiện, mà Bồ Tát hành sức phương tiện ấy được trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Bồ Tát từ khi mới phát tâm hành Thí Ba la mật, niệm tương ưng với Nhất thiết trí mà bố thí cho Phật, hoặc Bích chi Phật, hoặc Thanh văn, hoặc người, hoặc chẳng phải người, khi ấy không sinh ý tưởng bố thí, ý tưởng người nhận thí, vì sao? Vì quán xem tự tướng không hết thấy pháp, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi, vào trong thật tướng các pháp; nghĩa là tướng không làm của hết thấy các pháp, không khởi. Bồ Tát do sức phương tiện ấy nên tăng trưởng thiện căn; tăng trưởng thiện căn nên hành Thí Ba la mật, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; bố thí mà không lãnh thọ quả báo thế gian, chỉ vì muốn cứu độ chúng sinh nên bố thí.

\*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu trì giới, niệm tương ưng với Nhất thiết trí; trong khi trì giới không rơi vào dâm, nộ, si, cũng không rơi vào các phiền não trói buộc và các pháp không thiện phá đạo, hoặc xan tham phá giới, sân gian, giải đãi, loạn ý, ngu si, kiêu mạn, đại mạn, mạn mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, bất như mạn, tà mạn; hoặc không rơi vào tâm Thanh văn, Bích chi Phật, vì sao? Vì Bồ Tát ấy quán thấy tự tướng hết thấy pháp không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi, vào thật tướng các pháp; nghĩa là tướng hết thấy pháp không làm, không khởi. Bồ Tát thành tựu sức phương tiện ấy nên tăng trưởng căn thiện; tăng trưởng căn thiện nên tu Giới Ba la mật,

nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; trì giới mà không thọ quả báo của thế gian, chỉ vì muốn cứu chúng sinh nên tu trì giới.

\*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu Nhẫn nhục Ba la mật, niệm tương ưng với Nhất thiết trí, thành tựu sức phương tiện nên tu kiến đế đạo, tư duy đạo và cũng không thủ chứng quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, vì sao? Vì Bồ Tát ấy biết tự tướng các pháp không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi; khi tu pháp trợ đạo mà vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Tu Bồ Đề, ấy gọi là pháp vô sinh nhẫn.

\*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu Nhẫn nhục Ba la mật, vào Sơ thiên cho đến đệ tứ thiên, vào bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tuy ra vào các thiên mà không thọ quả báo, vì sao? Vì Bồ Tát ấy thành tựu sức phương tiện ấy, nên biết tự tướng các thiên định không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh. Tinh tấn mà không thọ quả báo thế gian, chỉ vì muốn cứu độ chúng sinh nên tu tinh tấn.

\*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu Thiền Ba la mật, niệm tương ưng với Nhất thiết trí, vào tám bội xả, định chín thứ lớp, cũng không thủ chứng quả Tu đà hoàn cho đến A la hán, vì sao? Vì Bồ Tát ấy biết tự tướng các pháp không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi.

\*Lại nữa, Tu Bồ Đề, Bồ Tát từ khi mới phát tâm tu Bát nhã ba la mật, học mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi cho đến chưa được trí Nhất thiết trí, chưa nghiêm tịnh cõi Phật, chưa thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, ở khoảng trung gian ấy nên tu hành như vậy, vì sao? Vì Bồ Tát biết tự tướng các pháp không, không sinh, không có tướng chắc thật, không có chuyển đổi. Nay Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên hành Bát nhã ba la mật như vậy mà không thọ quả báo.

Luận: Hỏi: Có gì Tu Bồ Đề hỏi câu thô thiên rằng: không cúng dường chư Phật, không đầy đủ căn thiện, không được chơn trí thức, có được Nhất thiết trí chăng?

Đáp: Có người nói: Như tính hết thầy pháp rất ráo không, không có gì của chính nó, trong rất ráo không, gieo trồng căn thiện và không gieo trồng căn thiện không khác nhau. Nếu như vậy có thể không cúng dường chư Phật, không gieo trồng thiện căn, không được chơn trí thức, cũng được Nhất thiết trí chăng? Lại có người nghi rằng: Có nhiều cách được Nhất thiết trí, có thể không cần gieo trồng

thiện căn; vì vậy thế nên hỏi Phật. Phật đáp: Nếu cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, được chơn trí thức còn khó được, huống gì không cúng dường!

Tu Bồ Đề hỏi: Vì trong rất ráo không, không có phước và chẳng phải không có phước, có gì nói chỉ do phước đức nên được? Phật đáp: Ở trong thế đế, có phước nên được. Tu Bồ Đề vì thấy chúng sinh đấm trước điều không có gì của chính nó, nên hỏi. Phật lấy việc không đấm trước pháp mà đáp. Nghĩa là tinh tấn tu phước còn không thể được, huống gì không tu phước! Như người hành đạo đi khát thực đến một xóm làng, từ một nhà đến một nhà khát thực không được, thấy một con chó đói nằm liệt, lấy gậy đánh nó nói rằng: Đồ súc sinh vô trí, ta dùng mọi cách đến từng nhà xin ăn còn không được, huồn gì mày nằm đó mà mong được? Tu Bồ Đề hỏi: Có nhân duyên cúng dường chư Phật ấy, có sao không được quả báo? Phật đáp: Vì xa lìa sức phương tiện. Sức phương tiện là Bát nhã ba la mật. Tuy thấy sắc thân Phật mà không lấy mắt trí thấy pháp thân; tuy gieo trồng chút ít thiện căn mà không đầy đủ; tuy được thiện tri thức mà không gần gũi hỏi han, lãnh thọ. Lại Phật tự nói nhân duyên: Bồ Tát từ khi mới phát tâm, vì hữu tâm và vô tâm nên tu Thí Ba la mật. Hữu tâm là tâm tương ưng với Nhất thiết trí mà bố thí, niệm đến vô lượng công đức của chư Phật, thương xót chúng sinh nên bố thí. Vô tâm là nếu bố thí cho Phật, cho đến kẻ phàm phu mà không sinh ba tưởng là tưởng người thí, người nhận thí và vật bố thí, vì sao? Vì tất cả pháp tự tướng không từ xưa lại đây thường chẳng sinh, không có tướng định hoặc một, hoặc khác, hoặc thường, hoặc vô thường v.v... Vì pháp ấy tự tướng không, nên không thể chuyển đổi, an trú trong Như. Quán sát như vậy tức vào thật tướng các pháp, nghĩa là tướng không làm, không khởi. Hết thấy pháp không có năng tác, sở tác, không sinh tâm cao ngạo, không có hy vọng gì. Vì sức phương tiện như vậy nên có thể tăng trưởng căn thiện, xa lìa căn bất thiện, giáo hóa chúng sinh nghiêm tịnh cõi Phật. Bố thí hoặc nhiều, hoặc ít, không thọ quả báo thế gian, chỉ muốn cứu độ chúng sinh. Bồ Tát bố thí cho chúng sinh có hạn, có lượng, nghĩ rằng: Ta đời trước không làm phước đức sâu dày nên đời nay không thể bố thí rộng rãi cho chúng sinh, ta nay nên hành bố thí thật nhiều, thật sâu xa; được quả báo ấy rồi có thể làm lợi ích đầy đủ, bố thí rộng rãi cho vô lượng chúng sinh, hoặc được lợi đời nay, hoặc được lợi về sau, lợi về đạo đức. Không có sức phương tiện như vậy, Bồ Tát tuy cúng dường Phật, gieo trồng căn lành, được chơn trí thức còn không được Nhất thiết trí, huống gì không cúng dường! Năm Ba la mật kia cũng như vậy.

(Hết cuốn 85 theo bản Hán)